



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Địa chỉ: 29 Nguyễn Trọng Kỳ, p.Cam Linh, tp. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại: 0258.3854307 Fax: 0258.3854536 Email: mail@camranhport.vn

Cam Ranh, Ngày 29 tháng 03 năm 2023

THÔNG BÁO
Triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh trân trọng thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 với các nội dung cụ thể như sau:

- Thời gian: 07h30', thứ sáu, ngày 21 tháng 4 năm 2023.**
- Địa điểm:** Hội trường Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh
(Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa)
- Nội dung:** Chương trình Đại hội kèm theo.
- Đối tượng tham dự:** Cổ đông của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh theo danh sách cổ đông chốt ngày 16/03/2023 hoặc người được ủy quyền tham dự hợp lệ.
- Đăng ký hoặc ủy quyền tham dự Đại hội:** Để thuận tiện cho công tác tổ chức, đề nghị Quý cổ đông gửi **Phiếu xác nhận tham dự ĐHDCĐ** hoặc **Giấy ủy quyền** cho người khác tham dự (theo mẫu) về Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh trước **16h00**, ngày **14/04/2023** bằng cách gửi trực tiếp/bưu điện hoặc gửi fax theo số (0258.3854536)
- Quý cổ đông (hoặc người được ủy quyền) tham dự Đại hội xin vui lòng mang theo các giấy tờ sau (bản gốc) để làm thủ tục kiểm tra tư cách cổ đông:**
 - Thư mời;
 - Giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu;
 - Giấy xác nhận tham dự Đại hội hoặc Giấy ủy quyền (nếu nhận ủy quyền tham dự)
- Tài liệu đại hội: Quý cổ đông tải về tại website: www.camranhport.vn**
Rất mong Quý cổ đông tham dự đầy đủ để Đại hội thành công tốt đẹp.
Trân trọng kính mời!



Ghi chú: Trong trường hợp cần thêm thông tin, Quý cổ đông vui lòng liên hệ:

- Ông. Nguyễn Trọng Thành- Ban tổ chức Đại hội.
- Điện thoại: 0914.187.274



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Địa chỉ: 29 Nguyễn Trọng Kỳ, p.Cam Linh, tp. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại: 0258.3854307 Fax: 0258.3854536 Email: mail@camranhport.vn

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Thời gian: Từ 07h30', thứ sáu, ngày 21/04/2023

Địa điểm: Hội trường Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh, Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Linh, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

| TT | NỘI DUNG | THỜI GIAN |
|-------------|--|------------------|
| I | Thủ tục khai mạc | |
| 1 | Đón tiếp cổ đông, Kiểm tra tư cách cổ đông, phát tài liệu | 07h30 - 08h00 |
| 2 | Chào cờ, tuyên bố khai mạc | 08h00 - 09h00 |
| 3 | Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội | |
| 4 | Giới thiệu và thông qua Đoàn Chủ tọa, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu | |
| 5 | Phát biểu khai mạc Đại hội | |
| 6 | Thông qua Chương trình và Quy chế làm việc của Đại hội | |
| II | Nội dung Đại hội | |
| II.1 | Các báo cáo tại Đại hội | 09h00 – 09h45 |
| 1 | Báo cáo của Tổng giám đốc về Kết quả kinh doanh năm 2022; Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 và Kế hoạch kinh doanh năm 2023. | |
| 2 | Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị về thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và định hướng hoạt động năm 2023 | |
| 3 | Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2022 và Chương trình hoạt động năm 2023 | |
| II.2 | Các tờ trình xin ý kiến biểu quyết phê chuẩn tại Đại hội | 09h45 - 11h30 |
| 1 | Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán; Kết quả kinh doanh năm 2022; Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập quỹ và chia cổ tức năm 2022. | |
| 2 | Phê duyệt Kế hoạch kinh doanh năm 2023 của Công ty CP Cảng Cam Ranh. | |
| 3 | Phê duyệt kết quả thực hiện chi trả tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 và thông qua mức tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023 | |
| 4 | Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty | |
| 5 | Thông qua Điều lệ (<i>sửa đổi bổ sung</i>); Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (<i>sửa đổi bổ sung</i>); Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (<i>sửa đổi, bổ sung</i>) | |
| 6 | Thông qua tờ trình miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh, nhiệm kỳ 2020-2025 | |
| 7 | Thông qua tờ trình Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh, nhiệm kỳ 2020-2025 | |

| TT | NỘI DUNG | THỜI GIAN |
|------------|---|------------------|
| 8 | Công tác bầu cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh, nhiệm kỳ 2020-2025: - Thông qua Quy chế bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị - Đại hội tiến hành bỏ phiếu bầu cử | |
| 9 | Công bố kết quả bầu cử | |
| 10 | Tặng hoa tri ân Thành viên Hội đồng quản trị Công ty, nhiệm kỳ 2020-2025 đã miễn nhiệm và Tặng hoa chúc mừng Thành viên được bầu thành viên Hội đồng quản trị Công ty, nhiệm kỳ 2020-2025 | |
| III | Bế mạc Đại hội | |
| 1 | Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội | 11h30 - 11h45 |
| 2 | Phát biểu Bế mạc Đại hội | |



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Địa chỉ: 29 Nguyễn Trọng Kỳ, p.Cam Linh, tp. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa
Điện thoại: 0258.3854307 Fax: 058.3854536 Email:
mail@camranhport.vn

Cam Ranh, Ngày tháng 4 năm 2023

DỰ THẢO

QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Để công tác tổ chức được thực hiện đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh thông qua Quy chế làm việc Đại hội như sau:

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 (sau đây gọi tắt là “**Đại hội**”) của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh (sau đây gọi tắt là “**Công ty**” hoặc “**Cảng Cam Ranh**”).
2. Quy chế này quy định cụ thể điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội; quyền và nghĩa vụ của các cổ đông của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh (theo danh sách cổ đông đã được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) công bố chốt danh sách cổ đông ngày 16/03/2023) hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đó đến tham dự Đại hội, cũng như quyền và nghĩa vụ của các cá nhân, tổ chức có liên quan tham dự Đại hội
3. Tất cả các cổ đông và các bên liên quan tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định của Quy chế này.

Điều 2. Điều kiện tiến hành Đại hội

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh được tiến hành khi có số cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông tại ngày chốt 16/03/2023 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD).
2. Các cổ đông đến muộn vẫn có quyền đăng ký tham dự Đại hội và tham gia biểu quyết các vấn đề tiếp theo của Đại hội. Đại hội không có trách nhiệm dừng và biểu quyết lại các vấn đề đã thông qua.

Điều 3. Những quy định chung để Đại hội diễn ra thuận lợi

1. Các cổ đông hay đại diện cổ đông khi tới dự Đại hội phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông;
2. Các cổ đông đến dự Đại hội đề nghị trang phục nghiêm túc, lịch sự;
3. Tôn trọng và bảo đảm trật tự chung của Đại hội;
4. Tôn trọng và tuân thủ sự điều hành phiên họp Đại hội của Chủ tọa.

CHƯƠNG II: QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG VÀ CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 4. Quyền của các cổ đông phổ thông khi tham gia Đại hội.

1. Cổ đông là pháp nhân, thể nhân hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 16/03/2023) được quyền trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng Giấy ủy quyền (theo mẫu quy định) cho người đại diện thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội các vấn đề trong phạm vi, quyền hạn của mình. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người thứ ba.
2. Việc cử đại diện hoặc ủy quyền, việc thay đổi đại diện hoặc người được ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản theo đúng quy định:
 - Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải được ký bởi cổ đông đó.
 - Trường hợp cổ đông là pháp nhân, tổ chức thì phải được đóng dấu và được ký bởi người đại diện theo pháp luật của tổ chức, pháp nhân đó.
3. Tại Đại hội, mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tới tham dự Đại hội được nhận **Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử** có ghi số cổ phần có quyền biểu quyết hoặc số phiếu bầu để thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông có trong Chương trình Đại hội.
4. Giá trị biểu quyết của Phiếu biểu quyết tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu và/hoặc đại diện theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông/đại diện được ủy quyền của cổ đông có mặt tại Đại hội.
5. Trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, giá trị biểu quyết của Phiếu bầu cử được tính bằng tổng số phiếu bầu cử, tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện có quyền biểu quyết nhân (x) với số thành viên Hội đồng quản trị độc lập được bầu.
6. Các cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tới tham dự Đại hội được thảo luận và tiến hành biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông có trong Chương trình Đại hội.
7. Cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cổ đông đó đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết/bầu cử đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.

Điều 5. Nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông khi tham dự Đại hội

1. Các cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tới tham dự Đại hội: có mặt đúng thời gian quy định, phải mang theo giấy tờ tùy thân (CMND hoặc hộ chiếu còn hiệu lực), Thư mời, Giấy ủy quyền (nếu là đại diện theo ủy quyền) và hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức Đại hội.
2. Tuân thủ các quy định tại Quy chế này, nghiêm túc chấp hành sự điều hành của Chủ tọa và tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội. Đoàn chủ tọa có thẩm quyền tước quyền tham dự Đại hội đối với các cổ đông vi phạm quy chế này.

3. Chi phí đi lại và ăn ở dự Đại hội của cổ đông do các cổ đông tự chi trả.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm một (01) Trưởng ban và một số ủy viên do Ban tổ chức Đại hội lựa chọn để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ như sau:
 - a. Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền đến dự họp: yêu cầu cổ đông tham dự Đại hội xuất trình Giấy tờ tùy thân (CMND hoặc hộ chiếu còn hiệu lực), Thư mời, Giấy ủy quyền (nếu là đại diện theo ủy quyền);
 - b. Phát tài liệu cho cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền: Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử và các tài liệu họp khác;
 - c. Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.
2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có thể có bộ phận giúp việc (nếu thấy cần thiết) để hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn chủ tọa, Ban thư ký và Ban Kiểm phiếu của Đại hội

1. **Đoàn chủ tọa** gồm chủ tọa và các thành viên do Ban tổ chức Đại hội giới thiệu để Đại hội biểu quyết thông qua. Đoàn chủ tọa sẽ cử một (01) thành viên làm **Chủ tọa**.

Quyết định của Đoàn chủ tọa về các vấn đề như trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình dự kiến của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

Đoàn Chủ tọa tiến hành các công việc mà họ thấy là cần thiết để điều hành Đại hội một cách hợp lệ, có trật tự và đảm bảo Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa Đại hội cũng có thể trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:

- a. Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở công việc diễn biến có trật tự của cuộc họp.
- b. Sự trì hoãn là cần thiết để công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

Đoàn chủ tọa giới thiệu Ban Thư ký Đại hội và Đại hội biểu quyết thông qua.

2. **Ban thư ký** Đại hội gồm một (01) Trưởng ban và các ủy viên do Đoàn Chủ tọa giới thiệu để Đại hội biểu quyết thông qua. Ban thư ký Đại hội thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Đoàn Chủ tọa, cụ thể như sau:
 - a. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được cổ đông/đại diện cổ đông thông qua vào Biên bản Đại hội;
 - b. Soạn thảo Nghị quyết Đại hội về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội;
 - c. Các công việc khác theo sự phân công của Đoàn Chủ tọa.

3. Ban Kiểm phiếu

Ban Kiểm phiếu gồm một (01) Trưởng ban và các ủy viên do Đoàn Chủ tọa đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua. Thành viên Ban Kiểm phiếu không được là người có tên trong danh sách đề cử hay ứng cử vào Hội đồng Quản trị hay Ban Kiểm soát.

Ban Kiểm phiếu có các nhiệm vụ sau:

- a. Đếm Phiếu biểu quyết tại chỗ để xác định tỷ lệ biểu quyết đối với mỗi vấn đề xin ý kiến Đại hội thông qua;
- b. Trình bày danh sách đề cử, ứng cử thành viên Hội Đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
- c. Hướng dẫn sử dụng Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử, kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông và tổ chức kiểm phiếu;
- d. Lập Biên bản kiểm phiếu và công bố trước Đại hội;
- e. Giao lại Biên bản và toàn bộ phiếu bầu cho Chủ tọa Đại hội.

Mọi công việc kiểm tra lập Biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải làm việc trung thực, chính xác và phải chịu trách nhiệm về kết quả đó.

CHƯƠNG III: TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 8. Tiến trình Đại hội

1. Đại hội sẽ diễn ra theo đúng trình tự nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua;
2. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung tại chương trình Đại hội theo hình thức biểu quyết quy định tại Quy chế này;
3. Đại hội bế mạc sau khi Nghị quyết Đại hội được thông qua.

Điều 9. Thảo luận nội dung phiên họp và giải đáp thắc mắc

Sau khi trình bày xong các báo cáo, tờ trình tại Đại hội, Chủ tọa Đại hội tiếp tục chủ trì phiên thảo luận, tiếp nhận ý kiến của các Cổ đông và giải đáp thắc mắc theo nguyên tắc và cách thức sau:

1. Cổ đông tham dự Đại hội giơ tay xin phát biểu trực tiếp hoặc viết phiếu đóng góp ý kiến và gửi về Ban Thư ký để tổng hợp gửi lên Chủ tọa Đại hội.
2. Chủ tọa Đại hội chỉ trả lời trực tiếp các câu hỏi trọng tâm và liên quan đến các nội dung trong chương trình Đại hội và mang tính đại diện cho nhiều cổ đông, không trả lời trực tiếp và giải thích chi tiết các nội dung đã được công bố thông tin, đã được quy định trong các văn bản pháp luật, hoặc các nội dung có tính chất giải thích chuyên môn, chi tiết mang tính chất phục vụ yêu cầu riêng biệt của cá nhân cổ đông.
3. Các câu hỏi không kịp trả lời trong Đại hội do thời gian có hạn, cũng sẽ được trả lời bằng văn bản hoặc thông tin trên Website của Công ty.

Điều 10. Thông qua quyết định của Đại hội

1. Quyết định của Đại hội cổ đông về các vấn đề trong cuộc họp được thông qua khi số cổ đông đại diện ít nhất 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông /đại diện ủy quyền của cổ đông dự họp có mặt tại Đại hội biểu quyết “ tán thành”, trừ những vấn đề quy định phải có tối thiểu 65% cổ đông/ đại diện ủy quyền của cổ đông dự họp thông qua theo quy định tại Điều lệ của Công ty và những vấn đề thuộc nội dung bầu Hội đồng quản trị, bầu Ban kiểm soát (thực hiện theo Quy chế bầu Hội đồng quản trị, bầu Ban kiểm soát).
2. Đại hội sẽ tiến hành biểu quyết công khai; cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết tất cả các vấn đề cần lấy ý kiến tại Đại hội bằng cách giơ **Phiếu biểu quyết** của mình lên theo sự điều khiển của Chủ tọa Đại hội. Khi giơ Phiếu biểu quyết,

mặt trước của Phiếu biểu quyết (Ghi mã số phiếu quyết) phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa.

3. Theo chương trình Đại hội, Chủ tọa sẽ xin ý kiến biểu quyết của Đại hội mỗi vấn đề bằng cách mời cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền giơ Phiếu biểu quyết theo trình tự 3 phương án: “**Tán thành**”, “**Không tán thành**”, “**Không có ý kiến**”. Tỷ lệ biểu quyết cho phương án “Tán thành” được xác định dựa trên cách tính loại trừ số phiếu “Không tán thành” và “Không có ý kiến” trên tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông /đại diện ủy quyền của cổ đông dự họp có mặt tại Đại hội.
4. Ban Kiểm phiếu sẽ thực hiện đếm Phiếu biểu quyết tại chỗ để xác định tỷ lệ biểu quyết đối với mỗi vấn đề xin ý kiến Đại hội thông qua. Tỷ lệ biểu quyết cho phương án tán thành được Ban Kiểm phiếu xác định dựa trên cách tính loại trừ tỷ lệ Không tán thành, Ý kiến khác và phiếu trống (không tham gia biểu quyết tại Đại hội).
5. Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu và /hoặc đại diện theo ủy quyền nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát, cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được thực hiện theo Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được thông qua tại Đại hội.

Điều 11. Biên bản, Nghị quyết Đại hội

1. Tất cả nội dung tại Đại hội phải được thư ký Đại hội ghi chép và lập Biên bản Đại hội.
2. Biên bản Đại hội là cơ sở để ban hành Nghị quyết của Đại hội.
3. Chủ tọa căn cứ kết quả Đại hội để đưa ra Nghị quyết của Đại hội về các vấn đề đã được Đại hội thông qua.
4. Biên bản Đại hội, Nghị quyết của Đại hội được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội và được lưu giữ tại Trụ sở của Công ty.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này gồm ba (03) chương, mười hai (12) điều, được trình bày trước Đại hội và được thông qua khi đạt sự chấp thuận của ít nhất 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông /đại diện ủy quyền của cổ đông dự họp có mặt tại Đại hội.
2. Quy chế này có hiệu lực ngay khi được Đại hội biểu quyết thông qua. Cổ đông và những người tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện Quy chế này./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Hữu Tấn

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC
Về kết quả kinh doanh năm 2022 và kế hoạch kinh doanh năm 2023
của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023
Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

1. Tổng quan chung về môi trường kinh doanh năm 2022

Năm 2022, hoạt động sản xuất kinh doanh của Cảng gần như trở lại bình thường, không còn bị ảnh hưởng nhiều từ đại dịch Covid-19, tuy nhiên hoạt động sản xuất, lưu thông, xuất nhập hàng hóa qua cảng biển cả nước nói chung và tại khu vực nói riêng không được ổn định và có chiều hướng giảm so với năm 2021, do nhiều nguyên nhân: sự bất ổn chính trị khu vực, trên thế giới; Rủi ro bất ổn tài chính toàn cầu... ít nhiều cũng sẽ có tác động tiêu cực, tạo áp lực lớn đến điều hành chính sách của các thể chế thương mại quốc tế, cấu trúc sản xuất, tình hình cung cầu, giá cả, chuỗi sản xuất khu vực và thế giới. Bên cạnh đó, khu vực chân hàng của Cảng Cam Ranh không ổn định và không đa dạng, cộng thêm sự cạnh tranh gay gắt của nhiều doanh nghiệp cùng tham gia vào khai thác cảng biển trong khu vực. Từ đó, tình hình hoạt động của Công ty không thuận lợi và không được triển khai như kế hoạch. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đã cùng tập thể cán bộ công nhân lao động đã khắc phục những khó khăn, thử thách trong kinh doanh để tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo đơn vị thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết đại hội đồng cổ đông Công ty đề ra.

2. Kết quả kinh doanh năm 2022 (Số liệu Công ty mẹ)

| Chỉ tiêu | ĐVT | TH 2021 | KH 2022 | TH 2022 | % so với KH | % so TH 2021 |
|---|------|-----------|-----------|-----------|-------------|--------------|
| 1. Sản lượng | Tấn | 2.435.923 | 2.800.000 | 2.283.430 | 81,6% | 93,7% |
| 2. Doanh thu | Tr.đ | 192.804 | 150.000 | 147.637 | 98,4% | 76,6% |
| 3. Lợi nhuận | Tr.đ | 53.229 | 34.500 | 18.016 | 52,2% | 33,8% |
| 4. Thu nhập b/q NLD | Tr.đ | 18 | | 11,979 | | 67% |
| 5. Nộp ngân sách đúng và đủ theo quy định của pháp luật | | | | | | |

3. Tình hình tài chính năm 2022 (Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán)

| Chỉ tiêu | ĐVT | BCTC hợp nhất | BCTC Công ty mẹ |
|------------------|---------|---------------|-----------------|
| TÀI SẢN | Tỷ đồng | 307,6 | 301,9 |
| Tài sản ngắn hạn | Tỷ đồng | 37,4 | 33,1 |
| Tài sản dài hạn | Tỷ đồng | 270,2 | 268,8 |
| NGUỒN VỐN | Tỷ đồng | 307,6 | 301,9 |

| Chỉ tiêu | ĐVT | BCTC hợp nhất | BCTC Công ty mẹ |
|--|---------|------------------|--------------------|
| Nợ phải trả | Tỷ đồng | 28 | 27,7 |
| Nợ ngắn hạn | Tỷ đồng | 15,2 | 14,9 |
| Nợ dài hạn | Tỷ đồng | 12,8 | 12,8 |
| Vốn chủ sở hữu | Tỷ đồng | 279,6 | 274,2 |
| CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH | | | |
| LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA) | % | 5,2 | 5,2 |
| LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) | % | 5,7 | 5,7 |
| Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu | Lần | 0,1 | 0,1 |
| Hệ số khả năng thanh toán hiện thời (TS ngắn hạn/ Nợ Ngắn hạn) | Lần | 2,5 | 2,2 |

** Phân tích và đánh giá tình hình tài chính*

- Các chỉ số tài chính năm 2022 của doanh nghiệp đều ở ngưỡng an toàn, tình hình tài chính minh bạch, nguồn vốn chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển.

- Tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm 2022 của Công ty khá tốt và ổn định. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ và dòng tiền mà Công ty tạo ra đáp ứng đủ nhu cầu cho các hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính của doanh nghiệp và bảo đảm đáp ứng đủ để thanh toán kịp thời các khoản nợ đến hạn.

4. Kết quả thực hiện đầu tư, sửa chữa năm 2022

4.1. Các hạng mục đầu tư

Các hạng mục đầu tư tuân thủ đúng theo quy hoạch của Cảng Cam Ranh và theo kế hoạch hàng năm đã được Tổng công ty phê duyệt. Các dự án khi đưa vào hoạt động đều phát huy được hiệu quả và mục tiêu đầu tư.

| TT | Tên dự án/công trình | Tổng mức đầu tư (tỷ đ) | Kế hoạch thực hiện năm 2022 (tỷ đ) | Kết quả thực hiện năm 2022 | | % KH năm |
|-----------|---|------------------------|------------------------------------|----------------------------|----------------|------------|
| | | | | Khối lượng (%) | Giá trị (tỷ đ) | |
| I | DA chuyển tiếp từ năm 2021 | 100,95 | 42,05 | | 26,15 | 62% |
| 1 | Đầu tư XDCB | 64,50 | 15,10 | | 6,16 | 41% |
| 1.1 | Dự án nâng cao năng lực khai thác cầu cảng Ba Ngòi (g/đoạn chuẩn bị đầu tư) | 58,00 | 10,60 | 2% | 0,96 | |
| 1.2 | Thảm nhựa đường trực chính T1 – 736m | 6,50 | 4,50 | 100% | 5,20 | |
| 2 | Mua sắm thiết bị | 36,45 | 26,95 | | 19,99 | 74% |
| 2.1 | Cầu di động sức nâng 180T | 20,00 | 15,00 | 85% | 17,00 | |
| 2.2 | Băng tải làm hàng rời | 14,50 | 10,50 | 0% | 0,00 | |
| 2.3 | Trạm cân điện tử 80T | 1,00 | 0,70 | 100% | 0,82 | |
| 2.4 | Xe nâng hàng 14T | 0,95 | 0,75 | 54% | 0,51 | |
| 2.5 | Nâng cấp cầu Gottwald | | | 100% | 1,66 | |
| II | Dự án khởi công năm 2022 | 7,00 | 7,00 | | 0,93 | 13% |
| 1 | Đầu tư XDCB | 5,00 | 5,00 | | 0,00 | 0% |
| 1.1 | Nâng cấp/bê tông nền bãi 3.000m2 | 5,00 | 5,00 | | 0,00 | |

| TT | Tên dự án/công trình | Tổng mức đầu tư (tỷ đ) | Kế hoạch thực hiện năm 2022 (tỷ đ) | Kết quả thực hiện năm 2022 | | % KH năm |
|------------------|---|------------------------|------------------------------------|----------------------------|----------------|------------|
| | | | | Khối lượng (%) | Giá trị (tỷ đ) | |
| 2 | Mua sắm thiết bị | 2,00 | 2,00 | | 0,93 | 47% |
| 2.1 | Nâng cấp hệ thống thiết bị họp truyền hình trực tuyến | | | | 0,58 | |
| 2.2 | Hệ thống thiết bị và ứng dụng kiểm soát phương tiện | 2,00 | 2,00 | 100% | 0,15 | |
| 2.3 | Hoán cải tàu TLA05 | 0,30 | 0,30 | 100% | 0,20 | |
| Tổng cộng | | 107,95 | 49,05 | | 27,08 | 55% |

4.2. Các hạng mục sửa chữa lớn trong năm 2022

| TT | Nội dung | ĐVT | Thực hiện |
|----|--|----------------------|------------------|
| 1 | Duy tu, sửa chữa nền Bãi số 03 - KBIII | 4.528 m ² | 307.000.000 đồng |

5. Về công tác quản trị điều hành

5.1. Những cải tiến về chính sách, quản lý:

Hệ thống văn bản về quản trị nội bộ được rà soát, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, ban hành lại theo quy định của pháp luật, tiến hành thực hiện sắp xếp lại bộ máy tổ chức, để hoạt động công ty ngày càng tốt hơn.

5.2. Cải cách về cơ cấu tổ chức, lao động:

Trong năm 2022, cơ cấu tổ chức của Công ty ổn định, gồm 05 phòng chuyên môn và Trung tâm khai thác. Thực hiện thường xuyên việc rà soát, đánh giá lại việc thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị, các tổ đội sản xuất và phụ trợ sản xuất để sắp xếp, bố trí nhân sự hợp lý, đảm bảo phát huy hiệu quả hoạt động của các đơn vị.

Đã thực hiện quy trình thi tuyển Tổng giám đốc Công ty, thực hiện việc luân chuyển, điều động cán bộ, công nhân viên, sắp xếp lại một số vị trí công tác tại các phòng, trung tâm, tổ sản xuất phù hợp năng lực của người lao động và tình hình thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu công việc của công ty.

5.3. Cải tiến về hệ thống phương tiện quản lý:

Đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT trong hoạt động quản lý, kinh doanh (Ứng dụng Văn phòng điện tử; Phần mềm khai thác cảng S-TOS; phần mềm kế toán FAST; nâng cấp website; sử dụng hoá đơn điện tử; hệ thống thông tin trên phần mềm MIS-BI).

6. Về công tác quản lý lao động, thực hiện các chính sách tiền lương, chế độ bảo hiểm đối với người lao động

Tổng số lao động tính đến ngày 31/12/2022 là 181 người.

Hiện tại Công ty đang sử dụng hệ thống thang bảng lương chuyển đổi từ công ty Nhà nước sang Công ty cổ phần theo nghị định 49/2013/NP-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ. Trong năm 2022, công ty thực hiện chế độ lương, thưởng, phúc lợi phù hợp đảm bảo mức thu nhập cho người lao động và các chế độ theo quy định hiện hành. Mức thu nhập bình quân của người lao động đạt 12.574.165 đồng/người/tháng, giảm 39% so với năm 2021 (Năm 2021: 20.579.000 đồng).

Đặc biệt, tháng 11/2022 nhằm nâng cao tính chủ động, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm của người lao động đối với Công ty; phát huy tính hiệu quả trong công việc, Công ty đã xây dựng và ban hành quy chế trả lương theo phương pháp 3P (bảng hình thức tính điểm), là tiền đề để năm 2023 và các năm tiếp theo, tiền lương thực sự trở thành đòn bẩy kinh tế, khuyến khích được khả năng lao động, nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả và đáp ứng kết quả lao động của từng người lao động trong Công ty, góp phần xây dựng và phát triển công ty bền vững.

7. Về thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị:

Trong năm 2022, hoạt động quản lý điều hành của Công ty đã được triển khai theo kế hoạch và được giám sát tổ chức thực hiện, chấp hành theo các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

Ban điều hành Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, phù hợp và tuân thủ đúng Điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật.

II. Kế hoạch kinh doanh năm 2023

1. Nhận định, đánh giá tình hình thị trường

Đối mặt với khó khăn do bất ổn của tình hình thế giới (chiến tranh Nga-Ucraina, giá nhiên liệu tăng đột biến...), trong khu vực và trên thế giới vẫn có những diễn biến hết sức phức tạp, chưa được khống chế dứt điểm nên việc thông thương hàng hóa vẫn chưa được triển khai đồng bộ. Những ảnh hưởng tiêu cực từ suy thoái kinh tế xảy đến cho hoạt động cảng biển có độ trễ hơn so với các ngành nghề khác. Dự báo, trong năm 2023 phải đối mặt với khó khăn về tuyến giao thông từ Tây Nguyên xuống (đặc biệt là mặt hàng dăm gỗ) do nhà máy tại khu công nghiệp Ninh Thủy đã hoạt động và xuất hàng ổn định và mạnh qua Cảng Nam Vân Phong. Tình hình giá thuê tàu biển vẫn chưa có chiều hướng hạ nhiệt nên chủ hàng đá xuất khẩu sẽ dự báo tiếp tục gặp khó khăn trong việc xuất hàng và năm 2023 dự báo tiếp tục sẽ là năm khó khăn, thách thức cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Cảng Cam Ranh.

2. Xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh 2023

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | TH 2022 | KH 2023 | So sánh KH 2023 với TH 2022 |
|----|-----------------------------|---------|-----------|-----------|-----------------------------|
| 1 | Sản lượng | Tấn | 2.283.430 | 2.800.000 | Tăng 14% |
| 2 | Doanh thu | | | | |
| | <i>Doanh thu công ty mẹ</i> | Tr.đồng | 147.636 | 160.000 | Tăng 8,4% |
| | <i>Doanh thu hợp nhất</i> | Tr.đồng | 153.360 | 165.000 | Tăng 7,6% |
| 3 | Lợi nhuận | | | | |
| | <i>Lợi nhuận công ty mẹ</i> | Tr.đồng | 18.032 | 23.000 | Tăng 27,6% |
| | <i>Lợi nhuận hợp nhất</i> | Tr.đồng | 18.642 | 23.500 | Tăng 26,1% |
| 4 | Cổ tức chi trả | % | 5.5% | 6% | |
| 5 | Đầu tư | Tr.đồng | 28.490 | 34.400 | |

(Biểu Kế hoạch kinh doanh 2023 và Kế hoạch đầu tư 2023 – kèm theo)

2.1. Phân tích thị trường và nguồn hàng:

Đá xây dựng các loại: dự kiến năm 2023 các chủ hàng hiện tại đẩy mạnh xuất hàng bù đắp lại mức suy giảm năm 2022. Mặt khác, đã có thêm chủ hàng mới làm việc với Cảng nên dự kiến sản lượng xuất nội địa sẽ tăng. Tuy nhiên khó khăn về giá giảm qua thời kỳ khủng hoảng của tình hình thế giới, giá nhiên liệu tăng cao làm cho mặt hàng chủ lực này cũng chưa thể khôi phục được, lượng xuất kỳ vọng khoảng 700 ngàn tấn/năm.

Dăm gỗ xuất khẩu: Cảng Nam Vân Phong (gần vùng nguyên liệu từ Đắk Lắk xuống) đã hoạt động mạnh, là đối thủ cạnh tranh lớn chia sẻ thị phần hàng dăm gỗ của Cảng Cam

Ranh, vì vậy dự kiến sản lượng hàng dăm gỗ cho năm 2023 sẽ giảm (vùng hấp dẫn của Cảng Cam Ranh về nguồn nguyên liệu dăm gỗ chỉ còn từ Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bắc Bình Thuận). Tuy nhiên trước sức ép yếu lợi thế cạnh tranh về cung đường vận chuyển, nhưng công ty sẽ dùng mọi biện pháp giữ chân khách hàng hiện tại, đặt mục tiêu không để giảm sâu hoặc mất khách hàng của mặt hàng này.

Nhóm hàng thiết bị, cấu kiện: Các dự án phong điện, nhiệt điện cho khu vực Nam Trung bộ hầu như đã triển khai cấp tập trong năm 2021 theo chính sách của chính phủ và chưa được triển khai trong năm 2022 vì đang chờ chính sách giá mới của Chính phủ. Khảo sát năm 2023 khả năng chỉ còn một số dự án nằm tại khu vực Tây Nguyên, tuy nhiên sẽ bị ảnh hưởng cạnh tranh từ cảng Nam Vân Phong.

Các mặt hàng nông khoáng sản, vật liệu xây dựng xuất nội địa (muối, cát đá xây dựng...): ổn định sản lượng xuất, trong đó cát/đá xây dựng cung cấp cho nội địa tiếp tục tăng vì nhu cầu cao trong xây dựng cơ sở hạ tầng. Riêng sản lượng cát trắng xuất vào thị trường TP Hồ Chí Minh cung cấp cho các nhà máy thủy tinh có chiều hướng giảm trong năm 2023 vì hiện nay chất lượng cát không đáp ứng được yêu cầu của nhà sản xuất.

Các mặt hàng nhập nội địa (cement bao, clinker...): sản lượng kế hoạch không giảm so với năm 2022.

Nhóm hàng khác: Cá đông lạnh có chiều hướng giảm mạnh (chia sẻ với Cảng Tân cảng - Petrol). Nhóm này có sản lượng không cao nhưng giá trị khai thác tốt.

2.2. Phân tích về kế hoạch đầu tư và sửa chữa năm 2023

- Cảng Cam Ranh xây dựng Kế hoạch đầu tư năm 2023 chủ yếu tập trung vào việc nâng cấp khả năng khai thác cầu bến và mở rộng cơ sở hạ tầng như cầu dẫn, kho bãi phục vụ sản xuất kinh doanh tại Cảng.

- Các dự án đầu tư 2023 là cần thiết phù hợp với các mục tiêu trong Chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển Cảng Cam Ranh giai đoạn 2021-2025.

3. Giải pháp thực hiện kế hoạch 2023:

3.1. Giải pháp về kinh doanh:

- Tiếp tục xây dựng kế hoạch và chính sách kinh doanh phù hợp, có sự đánh giá, rà soát và điều chỉnh lại hàng năm nhằm giữ chân các khách hàng trung thành và phát triển thêm những khách hàng mới.

- Cung cấp các dịch vụ mới: Tìm kiếm các khách hàng đầu tư tại cảng hoặc Hợp đồng hợp tác kinh doanh để có thêm doanh thu từ dịch vụ kho bãi, doanh thu xếp dỡ và các dịch vụ khác như: Hợp tác kinh doanh với PV OIL để xây dựng kho xăng dầu đầu mối trong cảng; Hợp tác với DS Partner xây dựng kho trữ lạnh lớn...

- Phát triển thêm các dịch vụ ngoài các dịch vụ khai thác cảng: Nghiên cứu thị trường triển khai các dịch vụ thương mại ngoài các dịch vụ cảng biển. Phát triển đa dạng hóa các dịch vụ và sử dụng quỹ đất có hiệu quả.

- Phối hợp với các đơn vị trong VIMC để học hỏi được kinh nghiệm quản lý, khai thác cảng tăng năng lực và sức cạnh tranh của công ty. Đẩy mạnh phối hợp với các doanh nghiệp thành viên của VIMC trong chuỗi logistics chuyên sâu với dự kiến cơ hội mang lại trong năm là hợp tác khai thác đối với tập đoàn xi măng, tập đoàn Điện lực Việt Nam (hàng thiết bị); Tập đoàn Công nghiệp than – Khoáng sản Việt Nam (TKV) để đưa mặt hàng Alumina/Hydroxit; Tập đoàn Hòa Phát, Formosa (hàng sắt, thép) qua Cảng.

3.2. Giải pháp về chính sách khách hàng:

Khách hàng luôn luôn là ưu tiên hàng đầu, mọi hoạt động, ý tưởng sáng tạo của Công ty đều xoay quanh khách hàng, hướng đến mục tiêu giải quyết nhu cầu của khách

hàng, giúp cho khách hàng có được những trải nghiệm tốt nhất trên hành trình sử dụng dịch vụ tại Cảng, cụ thể như sau:

- Xây dựng cơ sở dữ liệu khách hàng tập trung, nơi mà tất cả các thành viên trong Công ty có thể tiếp cận và tìm hiểu những thông tin, đặc tính của khách hàng.

- Từ đa dạng hóa kênh kết nối và tương tác với khách hàng (multi-channel): website, email, SMS, chatbot, các mạng xã hội như facebook, zalo, youtube,... tiến đến xây dựng cấp độ cao và chuyên nghiệp hơn trong tương tác với khách hàng thông qua mô hình tiếp cận đa kênh tích hợp (omni-channel).

- Giữ khách hàng hiện có: Tăng cường công tác chăm sóc khách hàng. Chuẩn hóa lại quy trình chăm sóc khách hàng, thực hiện theo 5 tôn chỉ “lấy khách hàng làm trung tâm”. Có chính sách hỗ trợ để giữ khách hàng với mặt hàng chiến lược.

- Tìm kiếm khách hàng mới: Thực hiện nhiều giải pháp để thu hút được nguồn hàng nhất là các mặt hàng ổn định. Chú trọng đến những khách hàng vừa thuê kho, bãi vừa có hàng thông qua cảng: Bột đá, sắt thép, thiết bị.

- Khách hàng là “nhà cung cấp dịch vụ”: Tìm kiếm, duy trì mối quan hệ khách hàng nhà cung cấp dịch vụ trên quan điểm Win – Win để tăng năng lực, phát triển thêm dịch vụ và là cơ sở tiền đề phát triển chuỗi dịch vụ Logistics.

3.3. Giải pháp về công nghệ thông tin, chuyển đổi số

- Xây dựng kế hoạch và từng bước thực hiện mục tiêu chiến lược chuyển đổi số của Công ty giai đoạn [2021 – 2030], tầm nhìn đến năm 2035. Trong đó, xây dựng đội ngũ nhân sự công nghệ thông tin có đủ trình độ, năng lực quản lý, khai thác các phần mềm và hạ tầng công nghệ số. Cùng với đó, đầu tư phát triển hạ tầng số; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, số hoá một số lĩnh vực công tác như: trong quản trị, điều hành doanh nghiệp; trong kinh doanh, nâng cao trải nghiệm của khách hàng, chăm sóc khách hàng; trong quản lý, khai thác cảng, hướng đến xây dựng Công ty là cảng biển hiện đại, có chất lượng dịch vụ tốt của khu vực.

- Đưa mục tiêu chuyển đổi số thành một nhiệm vụ trung tâm, gắn với chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh: chuyển đổi mô hình kinh doanh số (áp dụng công nghệ số để nâng cao hiệu quả hoạt động marketing, chăm sóc khách hàng, trải nghiệm khách hàng; tối ưu bố trí khai thác cầu bến, nâng cao năng suất xếp dỡ; xây dựng cơ sở dữ liệu chung về doanh thu, khách hàng ...), chuyển đổi mô hình quản trị số (áp dụng công nghệ số cho hệ thống báo cáo quản trị, tự động hoá quy trình làm việc...).

- Ứng dụng mạnh mẽ các giải pháp công nghệ thông tin vào hoạt động sản xuất kinh doanh và.Đổi mới hệ thống quản trị, mô hình phát triển của Công ty đảm bảo thực thi nguyên tắc “1 hệ thống- 2 trung tâm- 3 Chiến lược”.

3.4. Giải pháp về quản trị và đổi mới doanh nghiệp:

Áp dụng phương thức quản trị tiên tiến hướng đến hiệu suất thông qua các công cụ như BSC và KPI. Nâng cao hiệu quả công tác quản trị doanh nghiệp, đặc biệt ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành.

Ứng dụng cải tiến Kaizen trong tất cả hoạt động quản lý, điều hành doanh nghiệp, tiết giảm lãng phí, tăng năng suất, thu hút và phát triển nhân viên có khả năng sáng tạo và duy trì hiệu quả làm việc cao, thúc đẩy phong trào cải tiến trong tất cả các lĩnh vực, tạo ý thức luôn hướng tới giảm thiểu lãng phí trong người lao động.

Thúc đẩy môi trường làm việc số để giảm tiếp xúc trực tiếp, giảm giấy tờ, thủ tục hành chính. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong quản lý, kinh doanh, công tác

kiểm tra, giám sát và trong hoạt động quản trị doanh nghiệp; phát huy sáng kiến về đổi mới, sáng tạo, cải tiến kỹ thuật nhằm giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất lao động.

3.5. Giải pháp về tài chính và đầu tư:

Phân bổ nguồn lực hợp lý để đầu tư phát triển đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn. Tận dụng các điều kiện huy động nguồn vốn từ bên ngoài để giảm thiểu chi phí sử dụng vốn (Công ty sẽ linh hoạt tìm các nguồn tài trợ với chi phí vốn phù hợp như: liên doanh, liên kết, hoãn giảm tiến độ thanh toán cho nhà thầu...).

Tiếp tục rà soát, sắp xếp các dự án theo mức độ ưu tiên đầu tư để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án theo kế hoạch đề ra.

Trong kế hoạch ngắn hạn trước mắt, tập trung hạ thấp chỉ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu, nâng cao khả năng thanh toán, bù đắp các thiếu hụt về dòng tiền. Xây dựng kế hoạch dài hạn về tăng tích lũy từ nội bộ Cảng Cam Ranh để nâng cao năng lực cho đầu tư phát triển.

Biến các lợi thế vị trí thương mại, đất đai sở hữu thành nguồn lực tài chính làm đối trọng trong liên doanh liên kết, kêu gọi vốn hợp tác kinh doanh.

3.6. Giải pháp về nguồn nhân lực:

Tiếp tục rà soát, củng cố, kiện toàn bộ máy quản lý điều hành Công ty theo hướng gọn nhẹ, chuyên sâu, linh hoạt trong đó lấy phát triển con người làm trung tâm nhằm đảm bảo có đội ngũ cán bộ lãnh đạo, lao động có trình độ kỹ thuật tay nghề giỏi để điều hành sản xuất kinh doanh của công ty.

Đào tạo nhân sự theo định hướng phát triển của Công ty giai đoạn 2021-2025, trong năm 2023 chú trọng đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên quản lý; đào tạo đội ngũ chăm sóc khách chuyên nghiệp; đào tạo đội ngũ công nhân lành nghề, công nhân kỹ thuật đáp ứng tốt yêu cầu về cải tiến kỹ thuật, cơ giới hoá, tự động hoá quy trình sản xuất.

3.7. Giải pháp khác:

Đẩy mạnh việc thực hành tiết kiệm trong tất cả các lĩnh vực công tác như: Khánh tiết, hội nghị, sử dụng điện, nước, văn phòng phẩm, nguyên nhiên vật liệu, lao động... Tăng cường việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản của doanh nghiệp đảm bảo việc sử dụng đúng mục đích, định mức, tiêu chuẩn chế độ.

Phối hợp chặt chẽ với Cảng vụ Hàng hải, Hải quan, Biên phòng cửa khẩu thực hiện nhanh gọn các thủ tục, tạo thuận lợi nhất cho chủ tàu, chủ hàng khi có nhu cầu xuất, nhập hàng hóa qua cảng.

Trên đây là kết quả kinh doanh năm 2022 và Kế hoạch kinh doanh năm 2023 của Tổng giám đốc, kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty.

Các biểu mẫu chi tiết về số liệu Kết quả kinh doanh 2022, Kế hoạch kinh doanh và đầu tư năm 2023 (Công ty mẹ và hợp nhất) xin xem ở Phụ lục kèm theo tại Tài liệu gửi Quý cổ đông.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, TCKH.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Thắng

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2023

| Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch 2022 | | Thực hiện 2022 | | Kế hoạch 2023 | | So sánh KH 2023 với TH 2022 | |
|---|------------|------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|-----------------------------|---------------|
| | | Công ty mẹ CCR | Hợp nhất | Công ty mẹ CCR | Hợp nhất | Công ty mẹ CCR | Hợp nhất | Số tăng/giảm | % |
| I. SẢN LƯỢNG HÀNG THÔNG QUA | | 2.800.000 | 2.800.000 | 2.283.430 | 2.283.430 | 2.600.000 | 2.600.000 | 316.570 | 113,9% |
| 1. Sản lượng theo mặt hàng | Tấn | 2.800.000 | 2.800.000 | 2.283.430 | 2.283.430 | 2.600.000 | 2.600.000 | 316.570 | 113,9% |
| 1.1. Sản lượng hàng container | Teu | 0 | 0 | 0 | 0 | 1.500 | 1.500 | 1.500 | |
| 1.2. Sản lượng hàng ngoài container | Tấn | 2.800.000 | 2.800.000 | 2.283.430 | 2.283.430 | 2.598.500 | 2.598.500 | 315.070 | 113,8% |
| a. Xuất khẩu | Tấn | 2.100.000 | 2.100.000 | 1.603.987 | 1.603.987 | 1.900.000 | 1.900.000 | 296.013 | 118,5% |
| - Dăm gỗ | Tấn | 1.250.000 | 1.250.000 | 1.013.529 | 1.013.529 | 1.050.000 | 1.050.000 | 36.471 | 103,6% |
| - Đá xây dựng | Tấn | 850.000 | 850.000 | 590.458 | 590.458 | 850.000 | 850.000 | 259.542 | 144,0% |
| - Hàng khác | Tấn | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| b. Nhập khẩu | Tấn | 105.000 | 105.000 | 12.204 | 12.204 | 25.000 | 25.000 | 12.796 | 204,9% |
| - Thiết bị | Tấn | 60.000 | 60.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| - Cá đông lạnh | Tấn | 40.000 | 40.000 | 12.204 | 12.204 | 20.000 | 20.000 | 7.796 | 163,9% |
| - Hàng khác | Tấn | 5.000 | 5.000 | 0 | 0 | 5.000 | 5.000 | 5.000 | |
| c. Nội địa | Tấn | 595.000 | 595.000 | 667.239 | 667.239 | 675.000 | 675.000 | 7.761 | 101,2% |
| - Cát trắng | Tấn | 235.000 | 235.000 | 356.252 | 356.252 | 220.000 | 220.000 | (136.252) | 61,8% |
| - Xi măng | Tấn | 80.000 | 80.000 | 75.885 | 75.885 | 75.000 | 75.000 | (885) | 98,8% |
| - Muối | Tấn | 15.000 | 15.000 | 150 | 150 | 1.000 | 1.000 | 850 | 666,7% |
| - Than đá | Tấn | 30.000 | 30.000 | 19.508 | 19.508 | 15.000 | 15.000 | (4.508) | 76,9% |
| - Clinker | Tấn | 80.000 | 80.000 | 3.521 | 3.521 | 50.000 | 50.000 | 46.479 | 1420,1% |
| - Nông lâm thủy sản | Tấn | 20.000 | 20.000 | 31.953 | 31.953 | 20.000 | 20.000 | (11.953) | 62,6% |
| - Cát, đá xây dựng | Tấn | 100.000 | 100.000 | 135.799 | 135.799 | 230.000 | 230.000 | 94.201 | 169,4% |
| - Hàng khác | Tấn | 35.000 | 35.000 | 44.171 | 44.171 | 64.000 | 64.000 | 19.829 | 144,9% |
| 2. Sản lượng xuất nhập khẩu, nội địa | Tấn | 2.800.000 | 2.800.000 | 2.206.191 | 2.283.430 | 2.600.000 | 2.600.000 | 316.570 | 113,9% |

| Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch 2022 | | Thực hiện 2022 | | Kế hoạch 2023 | | So sánh KH 2023 với TH 2022 | |
|---------------------------------------|-------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|-----------------------------|---------------|
| | | Công ty mẹ CCR | Hợp nhất | Công ty mẹ CCR | Hợp nhất | Công ty mẹ CCR | Hợp nhất | Số tăng/giảm | % |
| 2.1. Sản lượng xuất, nhập khẩu | Tấn | 2.205.000 | 2.205.000 | 1.616.191 | 1.616.191 | 1.925.000 | 1.925.000 | 308.809 | 119,1% |
| <i>Trong đó container</i> | Tấn | 0 | 0 | 0 | 0 | 1.500 | 1.500 | 1.500 | |
| 2.2. Sản lượng nội địa | Tấn | 595.000 | 595.000 | 590.000 | 667.239 | 675.000 | 675.000 | 7.761 | 101,2% |
| <i>Trong đó container</i> | Tấn | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 3. Hành khách thông qua | Khách | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 4. Số lượt tàu vào cảng | Tàu | 280 | 280 | 305 | 305 | 310 | 310 | 5 | 101,6% |
| II. Sản lượng dịch vụ hàng hải | Tấn | 800.000 | 800.000 | 550.000 | 550.000 | 650.000 | 650.000 | 100.000 | 118,2% |
| 1. Dịch vụ kho bãi | Tấn | 250.000 | 250.000 | 200.000 | 200.000 | 250.000 | 250.000 | 50.000 | 125,0% |
| 2. Dịch vụ phương tiện, thiết bị | Tấn | 400.000 | 400.000 | 250.000 | 250.000 | 280.000 | 280.000 | 30.000 | 112,0% |
| 3. Sản lượng chuyển tải ngoài phao | Tấn | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 4. Dịch vụ khác | Tấn | 150.000 | 150.000 | 100.000 | 100.000 | 120.000 | 120.000 | 20.000 | 120,0% |
| III. TỔNG DOANH THU (3+6+8) | Tr.đ | 150.000 | 156.750 | 147.636 | 153.360 | 160.000 | 165.000 | 11.640 | 107,6% |
| 1. Doanh thu bán hàng và CCDV | Tr.đ | 149.000 | 155.950 | 146.383 | 152.457 | 159.250 | 164.300 | 11.843 | 107,8% |
| 1.1. Bốc xếp | Tr.đ | 72.000 | 72.000 | 54.550 | 54.550 | 64.300 | 64.300 | 9.750 | 117,9% |
| 1.2. Lưu kho, bãi | Tr.đ | 10.000 | 10.000 | 8.350 | 8.300 | 11.000 | 11.000 | 2.700 | 132,5% |
| 1.3. Vận chuyển | Tr.đ | 5.600 | 7.600 | 4.800 | 7.550 | 16.000 | 17.950 | 10.400 | 237,7% |
| 1.4. Cầu bến | Tr.đ | 11.500 | 11.500 | 11.250 | 11.250 | 12.000 | 12.000 | 750 | 106,7% |
| 1.5. Tàu kéo | Tr.đ | 12.000 | 12.000 | 9.880 | 9.880 | 12.000 | 12.000 | 2.120 | 121,5% |
| 1.6. Cho thuê phương tiện, thiết bị | Tr.đ | 300 | 5.800 | 400 | 4.910 | 0 | 3.860 | (1.050) | 78,6% |
| 1.7. Cước sử dụng cơ sở hạ tầng | Tr.đ | 10.500 | 10.500 | 3.520 | 3.510 | 4.000 | 4.000 | 490 | 114,0% |
| 1.8. Bến thủy nội địa | Tr.đ | 1.000 | 1.000 | 835 | 835 | 850 | 850 | 15 | 101,8% |
| 1.9. Kinh doanh xăng dầu | Tr.đ | 22.000 | 20.150 | 50.100 | 46.924 | 31.100 | 28.640 | (18.284) | 61,0% |
| 1.10. Dịch vụ khác | Tr.đ | 4.100 | 5.400 | 2.698 | 4.748 | 8.000 | 9.700 | 4.952 | 204,3% |

| Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch 2022 | | Thực hiện 2022 | | Kế hoạch 2023 | | So sánh KH 2023 với TH 2022 | |
|---|-------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|-----------------------------|---------------|
| | | Công ty mẹ CCR | Hợp nhất | Công ty mẹ CCR | Hợp nhất | Công ty mẹ CCR | Hợp nhất | Số tăng/giảm | % |
| 2. Các khoản giảm trừ | Tr.đ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 3. Doanh thu thuần về CCDV (1-2) | Tr.đ | 149.000 | 155.950 | 146.383 | 152.457 | 159.250 | 164.300 | 11.843 | 107,8% |
| IV. TỔNG CHI PHÍ (4+7+9) | Tr.đ | 115.500 | 121.750 | 129.620 | 134.734 | 137.000 | 141.500 | 6.766 | 105,0% |
| 4. Chi phí hoạt động k/doanh (4.1 + 4.2) | Tr.đ | 115.150 | 121.400 | 129.614 | 134.712 | 136.220 | 140.720 | 6.008 | 104,5% |
| 4.1. Giá vốn hàng bán | Tr.đ | 94.230 | 99.220 | 109.158 | 112.716 | 114.800 | 117.900 | 5.184 | 104,6% |
| 4.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp | Tr.đ | 20.920 | 22.180 | 20.456 | 21.996 | 21.420 | 22.820 | 824 | 103,7% |
| 5. Lợi nhuận khai thác (3-4) | Tr.đ | 33.850 | 34.550 | 16.769 | 17.745 | 23.030 | 23.580 | 5.835 | 132,9% |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | Tr.đ | 800 | 600 | 1.235 | 885 | 650 | 600 | (285) | 67,8% |
| - Lãi tiền gửi ngân hàng | Tr.đ | 300 | 350 | 338 | 438 | 300 | 400 | (38) | 91,3% |
| - Cổ tức, lợi nhuận được chia | Tr.đ | 500 | 250 | 897 | 447 | 350 | 200 | (247) | 44,7% |
| - Doanh thu tài chính khác | Tr.đ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 7. Chi phí hoạt động tài chính | Tr.đ | 200 | 200 | 0 | 0 | 700 | 700 | 700 | |
| - Chi phí lãi vay | Tr.đ | 200 | 200 | 0 | 0 | 700 | 700 | 700 | |
| - Chi phí tài chính khác | Tr.đ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 8. Thu nhập hoạt động khác | Tr.đ | 200 | 200 | 18 | 18 | 100 | 100 | 82 | 555,6% |
| 9. Chi phí hoạt động khác | Tr.đ | 150 | 150 | 6 | 22 | 80 | 80 | 58 | 363,6% |
| V. EBITDA | Tr.đ | 53.500 | 55.200 | 36.895 | 38.380 | 43.700 | 45.100 | 6.720 | 117,5% |
| VI. LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (III-IV) | Tr.đ | 34.500 | 35.000 | 18.016 | 18.626 | 23.000 | 23.500 | 4.874 | 126,2% |
| 10. CHỈ TIÊU LĐ-TL | | | | | | | | | |
| 10.1. Lao động bình quân | người | 200 | 219 | 193 | 214 | 190 | 212 | (2) | 99,1% |
| 10.2. Tổng quỹ lương | Tr.đ | 40.400 | 43.150 | 22.400 | 25.600 | 32.000 | 34.880 | 9.280 | 136,3% |

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2023

| TT | Tên dự án | Quy mô/Mô tả dự án | Tổng mức đầu tư (tỷ đ) | Nguồn vốn (tỷ đồng) | | Thời gian thực hiện | | Kế hoạch thực hiện năm 2023 | | Tiến độ giải ngân 2023 (tỷ đồng) | | | |
|-----------|--|---|------------------------|---------------------|--------------|---------------------|------------|-----------------------------|----------------|----------------------------------|-------------|--------------|-------------|
| | | | | Tự có/huy động | Vay | Khởi công | Hoàn thành | Khối lượng (%) | Giá trị (tỷ đ) | Quý I | Quý II | Quý III | Quý IV |
| I | DA chuyển tiếp từ năm 2022 | | 68,00 | 27,40 | 40,60 | | | | 28,00 | 3,00 | 4,20 | 15,80 | 5,00 |
| 1 | Đầu tư XD CB | | 63,00 | 22,40 | 40,60 | | | | 24,00 | 3,00 | 1,00 | 15,50 | 4,50 |
| 1.1 | Dự án nâng cao năng lực khai thác cầu cảng- cảng Ba Ngòi | Nâng cấp bến 1 lên 50.000 DWT giảm tải và bến 2 lên 70.000 DWT giảm tải | 58,00 | 17,40 | 40,60 | 07/2021 | 06/2024 | 30% | 19,00 | 3,00 | 1,00 | 14,00 | 1,00 |
| 1.2 | Nâng cấp/bê tông nền bãi | 3.000m ² | 5,00 | 5,00 | 0,00 | 6/2023 | 12/2023 | 100% | 5,00 | 0,00 | 0,00 | 1,50 | 3,50 |
| 2 | Mua sắm thiết bị | | 5,00 | 5,00 | 0,00 | | | | 4,00 | 0,00 | 3,20 | 0,30 | 0,50 |
| 2.1 | Băng tải trung gian làm hàng rời | 03 băng trung gian | 3,00 | 3,00 | 0,00 | 12/2022 | 10/2023 | 100% | 3,00 | 0,00 | 3,00 | 0,00 | 0,00 |
| 2.2 | Công cụ thiết bị phục vụ chuyển đổi số | Hệ thống | 2,00 | 2,00 | 0,00 | 10/2021 | 04/2022 | 50% | 1,00 | 0,00 | 0,20 | 0,30 | 0,50 |
| II | DA khởi công năm 2023 | | 27,00 | 21,00 | 6,00 | | | | 6,40 | 0,00 | 3,10 | 2,60 | 3,10 |
| 1 | Đầu tư XD CB | | 26,00 | 20,00 | 6,00 | | | | 5,40 | 0,00 | 2,60 | 2,60 | 2,60 |
| 1.1 | Trung tâm dịch vụ hàng hải logistics | 797,5m ² | 8,00 | 2,00 | 6,00 | 01/2023 | 12/2024 | 0% | 0,00 | 0,00 | 0,80 | 0,80 | 0,80 |
| 1.2 | San lấp nền bãi dự án PVOIL | 2ha | 18,00 | 18,00 | 0,00 | 05/2023 | 12/2023 | 30% | 5,40 | 0,00 | 1,80 | 1,80 | 1,80 |
| 2 | Mua sắm thiết bị | | 1,00 | 1,00 | 0,00 | | | | 1,00 | 0,00 | 0,50 | 0,00 | 0,50 |
| 2.1 | Công cụ - dụng cụ xếp dỡ | Công cụ các loại | 1,00 | 1,00 | 0,00 | 03/2023 | 12/2023 | 100% | 1,00 | 0,00 | 0,50 | 0,00 | 0,50 |
| | Tổng cộng | | 95,00 | 48,40 | 46,60 | | | | 34,40 | 3,00 | 7,30 | 18,40 | 8,10 |

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Về kết quả hoạt động năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023**

**Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh**

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 21/04/2022,

Hội đồng quản trị Công ty kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 như sau:

PHẦN 1

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022

I. Nhân sự của Hội đồng quản trị

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty gồm 5 người.

Trong tháng 04/2022, ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 đã miễn nhiệm 1 thành viên HĐQT là bà **Kiều Phương Ngọc** với lý do: không còn là Người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông tổ chức Tổng công ty Hàng hải Việt Nam và bổ nhiệm thay thế 1 thành viên Hội đồng quản trị độc lập là bà **Nguyễn Thị Minh Ngọc**.

Đến thời điểm hiện tại, Các thành viên HĐQT của Cảng Cam Ranh như sau:

| Stt | Họ và tên | Chức danh |
|-----|--------------------------|-------------------------|
| 1 | Ông. Phạm Hữu Tấn | Chủ tịch HĐQT |
| 2 | Ông. Nguyễn Việt Nhâm | Thành viên HĐQT |
| 3 | Ông. Nguyễn Văn Tài | Thành viên HĐQT |
| 4 | Bà. Nguyễn Thị Yến | Thành viên HĐQT |
| 5 | Bà. Nguyễn Thị Minh Ngọc | Thành viên HĐQT độc lập |

Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, quyết định theo đa số, thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và quy định của pháp luật. Các thành viên HĐQT được phân công nhiệm vụ cụ thể dựa trên nguyên tắc phát huy thế mạnh của từng thành viên, tạo sức mạnh trí tuệ tập thể để hoàn thành trách nhiệm của HĐQT theo quy định một cách hiệu quả nhất.

II. Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022

Thực hiện Nghị quyết số 01/2022/NQ-CCR.ĐHĐCĐ ngày 21/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty đã quyết liệt triển khai các nội dung theo đúng quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định hiện hành của pháp luật. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc như công tác tìm kiếm thị trường, công tác đầu tư, sắp xếp tổ chức bộ máy....

Kết quả thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2022 như sau:

1. Kết quả kinh doanh năm 2022

Năm 2022, Việt Nam đã bước vào giai đoạn “bình thường mới”, mọi hoạt động dần trở lại nhịp độ bình thường. Bên cạnh một số yếu tố thuận lợi nhưng dịch bệnh Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp trong những tháng đầu năm; chính sách “zero covid” của Chính phủ Trung Quốc, xung đột giữa Nga và Ukraine căng thẳng, giá nhiên liệu, giá các mặt hàng thiết yếu, lạm phát tăng cao. Trong nước thị trường hàng hoá nội địa giảm, các hãng tàu liên tục điều chỉnh giảm giá cước để thu hút nguồn hàng, áp lực giá cước ngày càng gay gắt. Bên cạnh đó, Cảng Cam Ranh nằm trong khu vực chậm phát triển, sản lượng hàng hóa ít, nhưng có sự cạnh tranh quyết liệt từ các cảng lân cận trong khu vực.Những yếu tố trên đã phân nào ảnh hưởng tới kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Kết quả là: chỉ tiêu sản lượng đạt 81,5% kế hoạch, chỉ tiêu lợi nhuận đạt 53% kế hoạch, chỉ tiêu doanh thu đạt 97,4% kế hoạch. Việc giảm sâu chỉ tiêu lợi nhuận trong khi doanh thu không giảm xuất phát từ nguyên nhân: trong năm 2022 hoàn toàn không có sản lượng khai thác hàng thiết bị điện gió nhập khẩu (mặt hàng cho lợi nhuận khai thác rất cao) như kế hoạch đặt ra, trong khi Công ty tăng cường bán ra kinh doanh xăng dầu trong 6 tháng cuối năm (hoạt động kinh doanh không là hoạt động dịch vụ khai thác cảng) để tạo doanh thu, nhưng do giá vốn xăng dầu trong năm 2022 cao, chiết khấu rất thấp, vì vậy tuy doanh số bán ra xăng dầu tăng đột biến trong doanh thu tổng, vẫn không góp phần tăng lợi nhuận chung. Như vậy nếu loại trừ các yếu tố đột biến là mặt hàng thiết bị điện gió và doanh số kinh doanh xăng dầu thì quản lý hoạt động khai thác cảng theo sản lượng các mặt hàng qua cảng thường xuyên vẫn đạt hiệu quả ổn định như bình quân các năm.

Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2022

| Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch 2022 | | Thực hiện 2022 | | So sánh TH/KH | |
|-----------------------------|------|---------------|-----------|----------------|-----------|---------------|----------|
| | | Công ty mẹ | Hợp nhất | Công ty mẹ | Hợp nhất | Công ty mẹ | Hợp nhất |
| 1. Sản lượng | Tấn | 2.800.000 | 2.800.000 | 2.283.430 | 2.283.430 | 81,5% | 81,5% |
| 2. Doanh thu | Tr.đ | 150.000 | 157.000 | 147.636 | 152.841 | 98,4% | 97,4% |
| 3. Lợi nhuận | Tr.đ | 34.500 | 35.000 | 18.016 | 18.786 | 52% | 53,6% |
| 4. Kết quả thực hiện đầu tư | Tr.đ | 49.050 | | 27.08 | | 55% | |

Các chỉ tiêu tài chính năm 2022

| Chỉ tiêu | ĐVT | BCTC hợp nhất năm 2022 | BCTC Công ty mẹ năm 2022 |
|-------------------------------------|---------|------------------------|--------------------------|
| 1. Tổng Tài sản | Tỷ đồng | 307,6 | 301,9 |
| 2. Nợ phải trả | Tỷ đồng | 28 | 27,7 |
| 3. Vốn chủ sở hữu | Tỷ đồng | 279,6 | 274,2 |
| 4. LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA) | % | 4,8 | 4,8 |
| 5. LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) | % | 5,3 | 5,3 |
| 6. Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu | Lần | 0,1 | 0,1 |

Đánh giá chung tình hình tài chính của doanh nghiệp trong năm 2022 là ổn định. Các chỉ số tài chính cơ bản đều ở ngưỡng an toàn. Công ty đã thực hiện tốt công tác quản lý vốn và tài sản, bảo toàn vốn chủ sở hữu.

Kết quả này đã thể hiện sự cố gắng, đồng lòng, quyết tâm cao và chủ động nắm bắt tình hình, triển khai thực hiện đồng bộ và hiệu quả các giải pháp của Tập thể Ban lãnh đạo Công ty trong bối cảnh rất nhiều khó khăn chung, cùng với đó là sự đoàn kết, phát huy tính năng động, sáng tạo, tinh thần vượt khó và ý thức thực hành tiết kiệm của toàn thể CBCNV để có được kết quả như ngày hôm nay.

2. Về kết quả trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2022

Công ty đã thực hiện đầy đủ việc trích lập các quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành năm 2022 theo đúng quy định ĐHCĐ năm 2022 đã phê duyệt.

Về việc chi trả cổ tức năm 2022: Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Hội đồng quản trị đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2022 với mức đã được ĐHCĐ thông qua là 12% /1 cổ phiếu; Hình thức chi trả cổ tức: bằng tiền và đã thực hiện chi trả vào ngày 21/07/2022.

3. Về chi trả thù lao HĐQT và BKS:

Trong năm 2022, Công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT và BKS đúng mức mà ĐHCĐ đã thông qua, với tổng số tiền là: 396.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi sáu triệu đồng). Trong đó:

Tổng số thù lao chi cho thành viên HĐQT không chuyên trách là: 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng)

Tổng số thù lao cho BKS là: 156.000.000 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu đồng)

4. Về việc chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022:

Thực hiện ủy quyền của ĐHCĐ, HĐQT đã chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC (AASC) là đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét báo cáo tài chính riêng và hợp nhất 6 tháng đầu năm và Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh.

Đối với các văn bản quản trị nội bộ: Hội đồng quản trị đã ban hành Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty theo đúng thẩm quyền.

5. Về chủ trương không tiếp tục thực hiện thoái vốn đầu tư của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh tại Công ty CP Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh và Công ty CP Đô thị Cam Ranh:

Thực hiện theo chỉ đạo của ĐHCĐ, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Tổng giám đốc không thực hiện thoái vốn đầu tư của Cảng Cam Ranh tại 2 Công ty có vốn góp, đồng thời chấp thuận các chi phí thực tế đã phát sinh cho việc thuê đơn vị tư vấn triển khai thực hiện chủ trương chuyển nhượng vốn là 130.000.000 đồng và thống nhất đưa vào chi phí kinh doanh năm 2022:

III. Các hoạt động khác của Hội đồng quản trị năm 2022

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã tổ chức 25 cuộc họp, trong đó có 4 cuộc họp trực tiếp, 4 cuộc họp trực tuyến và 17 lần lấy ý kiến bằng văn bản đề kịp thời xem xét, thông qua các nội dung liên quan đến các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

| Stt | Thành viên HĐQT | Số buổi họp HĐQT tham dự trực tiếp, trực tuyến | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|-------------------------|--|-------------------|------------------------------|
| 1 | Ông Phạm Hữu Tấn | 8/8 | 100% | |
| 2 | Ông Nguyễn Việt Nhâm | 8/8 | 100% | |
| 3 | Ông Nguyễn Văn Tài | 8/8 | 100% | |
| 4 | Bà Nguyễn Thị Yến | 8/8 | 100% | |
| 5 | Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc | 6/8 | 75% | Mới bổ nhiệm ngày 21/4/2022 |
| 6 | Bà Kiều Phương Ngọc | 2/8 | 25% | Đã miễn nhiệm ngày 21/4/2022 |

Các cuộc họp của HĐQT đều được chuẩn bị chu đáo và tiến hành hết sức nghiêm túc, đảm bảo thời lượng và chất lượng. Trong các phiên họp, các thành viên HĐQT đều thể hiện tinh thần trách nhiệm cao. Tùy vào chương trình nội dung cuộc họp mà HĐQT có thể mời Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác tham dự để giải trình các vấn đề có liên quan đến nội dung cuộc họp. Các cuộc họp của HĐQT đều có sự tham gia và thảo luận của Ban Kiểm soát. Ngoài ra, HĐQT cũng thường xuyên trao đổi, thảo luận giữa các thành viên, cùng phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh ngoài các lần họp chính thức.

Trong năm 2022, các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo của các thành viên HĐQT vì lợi ích của các cổ đông và vì sự phát triển của Công ty, đã phối hợp hiệu quả với Ban Kiểm soát để đảm bảo các hoạt động của Công ty được minh bạch. Các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao theo Quyết định phân công nhiệm vụ của HĐQT trong năm 2022.

2. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2022, HĐQT đã ban hành 27 Nghị quyết và 41 quyết định để triển khai thực hiện công tác quản lý điều hành của Công ty. Các Nghị quyết, quyết định này đã được Công bố thông tin tại Báo cáo quản trị Công ty năm 2022 và đăng tải tại website công ty: www.camranhport.vn

Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT trước khi ban hành đều được nhất trí tán thành của đa số các thành viên HĐQT; việc lấy ý kiến bằng văn bản đều được thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ Công ty và các quy định Pháp luật có liên quan. Về cơ bản, HĐQT đã quyết định các chủ trương, chiến lược, giải pháp kinh doanh của Công ty phù hợp với chủ trương chính sách của nhà nước và tình hình kinh tế khu vực. Năm 2022, HĐQT đã có những quyết định trong quản lý, chỉ đạo điều hành hoạt động kinh doanh như:

- Triệu tập và tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.
- Phê duyệt Quỹ tiền lương thực hiện năm 2021 và thông qua kế hoạch tiền lương năm 2022;
- Tổ chức công tác thi tuyển Tổng giám đốc; thực hiện miễn nhiệm, bổ nhiệm Tổng giám đốc Công ty và thông qua việc thay đổi người đại diện theo pháp luật;
- Phê duyệt BSC-KPI năm 2022 của Công ty;
- Thông qua các hợp đồng, giao dịch với bên có liên quan năm 2022;
- Phê duyệt Kế hoạch kiểm toán nội bộ, kiểm tra, giám sát năm 2022 của Ban Kiểm toán nội bộ Công ty;

- Thông qua Chương trình hành động của Hội đồng quản trị năm 2022;
- Phê duyệt Dự án đầu tư mua sắm Cầu di động sức nâng 180 tấn;
- Thống nhất chủ trương dừng thực hiện dự án đầu tư Băng tải dầm gỗ và cho phép triển khai thực hiện phương án sử dụng 02 băng tải hiện có của khách hàng;
- Thông qua Quy chế Thi đua – Khen thưởng của Công ty và kiện toàn lại các Ban chỉ đạo, Hội đồng thuộc Công ty.
- Các nội dung khác theo thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

3. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị:

Thành viên HĐQT độc lập đã thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty với sự cẩn trọng, tận tâm, trách nhiệm cao. Các ý kiến của Thành viên HĐQT độc lập đối với các vấn đề đưa ra biểu quyết trong HĐQT luôn mang tính khách quan, xây dựng, độc lập, vì mục tiêu ổn định và phát triển của Công ty.

4. Báo cáo về người có liên quan:

Danh sách người có liên quan các giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: Đã được Công ty công bố thông tin tại Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2022 và đăng tải tại website công ty: www.camranhport.vn

5. Hoạt động giám sát của HĐQT:

HĐQT luôn theo dõi sát tình hình hoạt động của Công ty, đã thực hiện công tác chỉ đạo và giám sát hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc trong các công việc sau:

- HĐQT thường xuyên cử người tham dự các buổi họp giao ban của Công ty để nắm bắt kết quả xử lý công việc của từng đơn vị cũng như trực tiếp có ý kiến chỉ đạo, góp ý để kịp thời giải quyết những phát sinh, vướng mắc trong quản lý điều hành của Ban TGD nhằm hoạt động của công ty theo đúng định hướng và mục tiêu của ĐHCĐ đã đề ra.

- Giám sát và có những chỉ đạo định hướng hỗ trợ kịp thời cho Ban Tổng Giám đốc thông qua việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến hoạt động kinh doanh, đầu tư, công tác cán bộ và các vấn đề quan trọng khác trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị, phù hợp với các Quy chế, quy định của Công ty và Pháp luật hiện hành.

- Giám sát việc tổ chức thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã đề ra, các nội dung thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ, HĐQT và các Quyết định HĐQT đã ban hành về tiến độ và các biện pháp thực hiện. Hội đồng quản trị thường xuyên xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và các chỉ tiêu kinh tế để có biện pháp chỉ đạo kịp thời Ban Tổng giám đốc đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động của Công ty.

- Theo dõi việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước trong các mặt hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc. Việc cung cấp thông tin và báo cáo cho các thành viên không tham gia quản lý điều hành được thực hiện thường xuyên và đầy đủ bằng văn bản, điện thoại, email để thống nhất ý kiến chỉ đạo và ra các Quyết định phục vụ kịp thời cho công tác chỉ đạo, giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc.

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty và sự phát triển của đơn vị, có thể đánh giá rằng HĐQT Công ty đã hoàn thành khá tốt chức trách nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty trong việc giám sát đối với Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc trong quá trình triển khai thực hiện nghị quyết của ĐHCĐ, cũng như các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

a. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc điều hành Công ty:

Trong năm qua, Ban TGD Công ty đã tập trung và phát huy mọi nguồn lực để hoạt động theo đúng định hướng, mục tiêu và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2022 đề ra. Ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm và theo dõi sát tình hình từ công tác đối nội đến công tác đối ngoại, đồng thời, chỉ đạo và giải quyết hợp lý trong từng trường hợp, từng thời điểm. Ban Tổng Giám đốc đã báo cáo, đề xuất nhiều vấn đề, phương hướng quan trọng để Hội đồng quản trị xem xét và đưa ra những giải pháp hạn chế những bất lợi của tình hình kinh doanh trong năm 2022 của Công ty.

HĐQT đánh giá cao sự nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong quá trình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2022 của Công ty.

Thông qua hoạt động giám sát cho thấy: Năm 2022, Tổng Giám đốc đã tổ chức điều hành hoạt động SXKD của Công ty đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty cũng như thực hiện đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Tổng Giám đốc đã thực hiện đầy đủ việc cung cấp thông tin, tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát tiếp cận, kiểm tra tình hình tài chính và các hoạt động khác của Công ty;

Ban điều hành đã duy trì tốt lịch họp hàng tháng, quý để tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm nhằm điều chỉnh các giải pháp quản lý và sản xuất một cách linh hoạt và đạt hiệu quả cao.

Ban Tổng giám đốc nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Công ty nên đã linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động kinh doanh, đồng thời đã ban hành các văn bản quy phạm nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả mọi hoạt động kinh doanh của Công ty; thực hiện tốt vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ Ban điều hành và các quản lý cấp trung.

Thực hiện tốt các chính sách tiền lương, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động và chấp hành tốt các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty trong quá trình điều hành hoạt động.

Việc Công bố thông tin theo quy định được Công ty thực hiện tốt đảm bảo các thông tin được công bố đúng thời hạn, chính xác, minh bạch, đầy đủ. Mọi quan hệ quản trị - điều hành doanh nghiệp giữa HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty luôn phối hợp chặt chẽ và thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ và các Quy chế về quản trị Công ty.

b. Đánh giá đối với bộ máy điều hành của Công ty:

Bộ máy điều hành Công ty đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được giao để tham mưu cho Tổng giám đốc trong việc sử dụng và phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản và lao động của Công ty, tổ chức thực hiện nhiệm vụ kinh doanh theo kế hoạch đã được Hội đồng quản trị giao, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước, các chế độ chính sách với người lao động và đem đến lợi ích cho các cổ đông.

Tập thể người lao động trong Công ty luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, thực hiện tốt chủ trương thực hành tiết kiệm chống lãng phí; nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần vào thành công chung của Công ty

c. Đánh giá đối với Người đại diện phần vốn của Cảng Cam Ranh tại Doanh nghiệp khác:

Người đại diện phần vốn của Cảng Cam Ranh tại các Công ty con, Công ty liên kết đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ được giao, tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ, Quy chế Công ty.

PHẦN II

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

Bước sang năm 2023, tình hình kinh tế xã hội còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ bất ổn, thị trường hàng hóa tại khu vực Nam Trung bộ và Tây nguyên dự báo sẽ không tăng trưởng mạnh; Sự cạnh tranh giữa các cảng trong khu vực ngày càng quyết liệt. Dự báo năm 2023 sẽ là một năm khó khăn cho Công ty trong việc thực hiện hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu, kế hoạch năm 2023. Hội đồng quản trị cùng với Ban Tổng giám đốc và tập thể CBCNV tiếp tục nỗ lực hơn nữa trong công tác quản trị, điều hành phân đầu hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao trong năm 2023 với kế hoạch và định hướng như sau:

1. Mục tiêu tổng quát:

- Tăng năng suất và hiệu quả hoạt động:
 - + Duy trì khách hàng hiện hữu, phát triển khách hàng mới, tăng trưởng sản lượng;
 - + Đẩy mạnh phát triển các dịch vụ sau cảng, dịch vụ logistics cho hàng hoá tại cảng, tăng trưởng doanh thu ngoài bốc xếp;
- Xây dựng mô hình hoạt động tinh gọn, linh hoạt; tư duy nhạy bén kinh doanh, thích nghi nhanh với sự thay đổi của môi trường bên ngoài; giảm đầu mỗi, tăng trách nhiệm của người đứng đầu các bộ phận;
- Nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, lấy phát triển con người làm trung tâm; đẩy mạnh đổi mới sáng tạo; ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư, đảm bảo tiến độ triển khai các dự án đầu tư theo kế hoạch và theo nhu cầu thực tế của Công ty;
- Xây dựng các quy trình, quy chế quản trị thống nhất theo hướng tinh gọn, hiện đại và hiệu quả;
- Thực thi tốt nguyên tắc phát triển “1 hệ thống- 2 trung tâm- 3 Chiến lược”.
- Xây dựng văn hoá: trách nhiệm, hiệu quả, minh bạch, liêm chính.

2. Mục tiêu cụ thể:

HDQT thống nhất một số chỉ tiêu chính trong kế hoạch kinh doanh năm 2023 báo cáo và trình ĐHCĐ năm 2023 xem xét thông qua gồm các chỉ tiêu sau:

| Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch kinh doanh năm 2023 |
|---|------------|------------------------------|
| 1. Sản lượng hàng qua cảng | Tấn | 2.600.000 |
| <i>Trong đó Sản lượng Container</i> | <i>TUE</i> | <i>1.500</i> |
| 2. Tổng doanh thu hợp nhất | Triệu đồng | 165.000 |
| Tổng Doanh thu Công ty mẹ | Triệu đồng | 160.000 |
| 3. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất | Triệu đồng | 23.500 |
| Lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ | Triệu đồng | 23.000 |
| 4. Cổ tức chi trả dự kiến (%/ cổ phiếu) | % | 6% |
| 5. Kế hoạch đầu tư | Triệu đồng | 34.400 |

3. Giải pháp để hoàn thành kế hoạch

Hội đồng quản trị tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, chỉ đạo, phối hợp và giám sát Tổng Giám đốc thực hiện hiệu quả những nhiệm vụ như sau:

3.1. Về Công tác tài chính.

- Hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2023 được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

- Nâng cao năng suất, hiệu quả khai thác cảng. Kiểm soát chặt chẽ chi phí, tiếp tục rà soát, đánh giá để quản lý chi phí hiệu quả;

- Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực đất đai.

3.2. Về công tác khách hàng

- Tập trung ưu tiên nguồn lực phục vụ công tác phát triển thị trường, khách hàng, các dự án công nghệ thông tin.

- Thể chế hoá, tiếp tục đẩy mạnh triển khai và lan toả mạnh mẽ văn hoá “lấy khách hàng làm trung tâm”;

- Tiếp cận trực tiếp từng khách hàng, nắm thông tin về tình hình hàng hóa, phân tích điểm mạnh điểm yếu, cơ chế thị trường, danh sách, cập nhật, phân loại khách hàng, tập trung vào khách hàng tiềm năng, có nhu cầu và khả năng xuất, nhập hàng hóa qua cảng, các nhóm khách hàng có chân hàng xuất ổn định và cơ sở hạ tầng đầu tư bền vững, lâu dài; tập trung mạnh vào một số nhóm mặt hàng sau: Đá xây dựng xuất khẩu; khoáng sản; Hàng dăm gỗ xuất khẩu; Hàng vật liệu xây dựng xuất nội địa (xuất đi các đảo Phú Quý, Côn Đảo); thiết bị, phong điện; Tiếp tục bám sát, nắm thông tin về việc thiết lập tuyến container nội địa của ICD Cam Ranh và Tân Cảng Sài Gòn;

- Nghiên cứu, đánh giá thị trường và kết hợp với các đơn vị vệ tinh có năng lực để mở thêm các loại hình dịch vụ mới, liên kết với các đơn vị cung cấp dịch vụ để hình thành Trung tâm dịch vụ logistics, giảm thời gian, chi phí dịch vụ trong chuỗi cung ứng, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Nỗ lực kết nối có kết quả công tác phối kết hợp với các doanh nghiệp thành viên trong VIMC nhằm thực hiện mục tiêu chiến lược là phát triển dịch vụ chuỗi trên cơ sở kết nối các lĩnh vực vận tải biển – cảng biển – dịch vụ hàng hải tương hỗ trong phát triển kinh doanh, giảm chi phí thông qua hoạt động sử dụng dịch vụ chung giữa các doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Khách hàng luôn luôn là ưu tiên hàng đầu, mọi hoạt động, ý tưởng sáng tạo của Công ty đều xoay quanh khách hàng, hướng đến mục tiêu giải quyết nhu cầu của khách hàng, giúp cho khách hàng có được những trải nghiệm tốt nhất trên hành trình sử dụng dịch vụ tại Cảng, trên cơ sở “5 tôn chỉ lấy khách hàng làm trung tâm” được VIMC định hướng, cụ thể như sau:

- Xây dựng cơ sở dữ liệu khách hàng tập trung, nơi mà tất cả các thành viên trong Công ty có thể tiếp cận và tìm hiểu những thông tin, đặc tính của khách hàng.

- Từ đa dạng hóa kênh kết nối và tương tác với khách hàng (multi-channel): website, email, SMS, chatbot, các mạng xã hội như facebook, zalo, youtube,... tiến đến xây dựng cấp độ cao và chuyên nghiệp hơn trong tương tác với khách hàng thông qua mô hình tiếp cận đa kênh tích hợp (omni-channel).

3.3. Về quy trình nội bộ

- Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ các Dự án đầu tư theo kế hoạch như: Dự án nâng cao năng lực khai thác cầu cảng- cảng Ba Ngòi; Nâng cấp/bê tông nền bãi; đầu tư Băng tải trung gian làm hàng rời; Công cụ thiết bị phục vụ chuyển đổi số; san lấp nền bãi; công cụ, dụng cụ xếp dỡ...và các dự án đầu tư theo nhu cầu thực tế của Công ty, tránh đầu tư dàn trải, không hiệu quả.

- Áp dụng phương thức quản trị tiên tiến, linh hoạt và hiệu quả trên cơ sở ứng dụng công cụ Kaizen đổi mới liên tục; cụ thể hoá Kaizen tại Công ty. Nâng cao hiệu quả công tác quản trị doanh nghiệp, đặc biệt ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành.

- Tổ chức quản lý rủi ro nội bộ đối với tất cả các đơn vị thông qua Hệ thống kiểm soát, đánh giá rủi ro; Tăng cường thực hiện tốt 3 tuyến phòng vệ rủi ro của Công ty.

- Ứng dụng mạnh mẽ các giải pháp công nghệ thông tin vào hoạt động sản xuất kinh doanh và đổi mới hệ thống quản trị, mô hình phát triển của Công ty đảm bảo thực thi nguyên tắc “1 hệ thống- 2 trung tâm- 3 Chiến lược”.

- Tiếp tục kiện toàn mô hình quản lý điều hành công ty cổ phần, kiến tạo thông qua việc ứng dụng công nghệ, bảo đảm mô hình tổ chức quản lý điều hành của doanh nghiệp có bộ máy gọn, nhẹ, năng động, linh hoạt, thích ứng với sự thay đổi của thị trường, chặt chẽ trong cơ chế kiểm soát nội bộ và vận dụng tối ưu khoa học công nghệ, chuyển đổi số vào công tác quản lý điều hành. Rà soát bộ máy, sắp xếp đúng người, đúng việc, nâng cao năng lực tham mưu, chỉ đạo.

- Tập trung xây dựng, chuẩn hoá các định mức, hoàn thiện hệ thống quản lý nội bộ, hệ thống quy trình chuẩn, bộ tiêu chuẩn cho hoạt động quản lý, khai thác cảng, logistics... trên cơ sở lấy tư duy hướng tới khách hàng làm nền tảng được thúc đẩy bằng công nghệ, từng bước số hoá các quy trình theo hướng tinh gọn, phân công, phân cấp rõ ràng để rút ngắn thời gian ra quyết định nhằm tối đa tính hiệu quả, linh hoạt, thích nghi với sự biến động khó lường của thị trường, nâng cao chất lượng dịch vụ và trải nghiệm khách hàng đảm bảo phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty và các chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Tăng cường công tác đào tạo, huấn luyện, đào tạo lại hoặc tuyển dụng mới (nếu cần) để nâng cấp chất lượng, năng suất lao động.

- Đào tạo nhân sự theo định hướng phát triển của Công ty giai đoạn 2021-2025, tập trung chú trọng đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho các cán bộ trong nguồn quy hoạch; đào tạo kỹ năng chăm sóc khách hàng, đào tạo kỹ năng giao tiếp với khách hàng... đào tạo đội ngũ nhân viên quản lý; đào tạo đội ngũ công nhân lành nghề, công nhân kỹ thuật đáp ứng tốt yêu cầu về cải tiến kỹ thuật, cơ giới hoá, tự động hoá quy trình sản xuất; Thực hiện đào tạo, luân chuyển để đào tạo đối với cán bộ trong diện quy hoạch, chuẩn bị sẵn sàng đội ngũ cán bộ thay thế các vị trí lãnh đạo chủ chốt của Công ty trong những năm sắp tới (2025, 2026) Định kỳ thực hiện công tác rà soát, đánh giá nhân sự tại các vị trí công tác, đội ngũ quản lý cấp tổ, đội để kịp thời đào tạo cũng như thay thế nhân sự không đáp ứng được yêu cầu.

- Tiếp tục hoàn thiện và kết nối hệ thống VIMC One System: xây dựng các CSDL về: khách hàng, dịch vụ, biểu giá, hàng hóa, nhà cung cấp, vật tư dụng cụ, lao động, cơ sở hạ tầng, quy trình thủ tục.

- Tập trung cải tiến 03 quy trình làm việc chuyển số hoá.

3.4. Học hỏi, phát triển

- Thúc đẩy đổi mới, sáng tạo bằng các công cụ của Kaizen.
- Nghiên cứu, phát triển dịch vụ mới trên nền tảng công nghệ số.
- Xây dựng và triển khai có hiệu quả ít nhất 6 ý tưởng, sáng kiến, sáng tạo từ triển khai Kaizen liên quan đến công tác quản trị, điều hành, kinh doanh và khai thác đảm bảo hoàn thành đúng thời hạn đề ra; tiết kiệm chi phí, tăng doanh thu, lợi nhuận; tăng năng suất lao động, giảm thời gian xử lý các thủ tục, thời gian ra quyết định; tăng sự hài lòng và trải nghiệm của khách hàng.

Phát huy những thành quả đạt được trong năm 2022, với sự đoàn kết, sáng tạo và quyết tâm của tập thể Ban lãnh đạo Công ty cùng sự nỗ lực của toàn thể CBCNV, Hội đồng quản trị tin tưởng, năm 2023 Công ty sẽ hoàn thành nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông thường niên giao và tiếp tục đưa Công ty đạt được những thành quả tốt hơn nữa, đảm bảo sự phát triển ổn định lâu dài của Công ty và không ngừng gia tăng các lợi ích cho các cổ đông.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023, Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, NPTQTCT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Hữu Tấn

BAN KIỂM SOÁT

Cam Ranh, ngày tháng 4 năm 2023

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Cảng Cam Ranh

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Quy chế tổ chức, hoạt động của Ban Kiểm soát;

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và BCTC hợp nhất năm 2022 của Công ty CP Cảng Cam Ranh đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Ban Kiểm soát (BKS) Công ty CP Cảng Cam Ranh xin báo cáo tình hình hoạt động, kiểm tra, giám sát năm 2022 như sau:

PHẦN I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

I. Tình hình nhân sự Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên bao gồm:

1. Bà Dương Thị Hồng Hạnh - Trưởng ban
2. Bà Trần Thị Thanh Thủy - Thành viên
3. Bà Bùi Thị Ngân Hoa - Thành viên

II. Về tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty:

1. Tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2022, BKS đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị (HDQT) và Ban Tổng giám đốc (TGD), thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành, tuân thủ Điều lệ và quy định của pháp luật trong hoạt động quản lý của HDQT, hoạt động điều hành của Ban TGD. Cụ thể các công việc đã thực hiện như sau:

+ Giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Tổ chức kiểm tra, giám sát chương trình hoạt động của HDQT, Ban TGD Công ty năm 2022. Xem xét các Nghị quyết, Quyết định do HDQT, Ban TGD ban hành trong quá trình quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, việc tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định cũng như tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và Nghị quyết của HDQT trong năm 2022.

+ BKS đã tham dự các cuộc họp HDQT hàng quý và theo yêu cầu, nắm bắt kịp thời tình hình kinh doanh thực tế của Công ty và đóng góp ý kiến với HDQT, Ban TGD trong việc thực hiện các mục tiêu đã được ĐHCĐ phê duyệt và kiến nghị thực hiện những thay đổi cần thiết. HDQT, Ban TGD, BKS luôn có sự phối hợp chặt chẽ để đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và đạt hiệu quả.

+ Kiểm tra, giám sát tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, việc thực hiện các dự án đầu tư đã được ĐHCĐ năm 2022 thông qua.

+ Thẩm định các Báo cáo tài chính của Công ty do Ban TGD xác lập; xem xét những kiến nghị của kiểm toán viên đưa ra; rà soát, thảo luận cùng Ban TGD, kiểm toán viên về Dự thảo Báo cáo soát xét 06 tháng đầu năm 2022 và báo cáo kiểm toán năm 2022 nhằm đánh giá tính trung thực, khách quan, hợp lý của các số liệu tài chính phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách hiện hành.

2. Tình hình và kết quả cuộc họp của BKS:

Trong năm 2022, BKS đã họp 03 cuộc họp, tình hình tham dự, nội dung và kết quả cuộc họp cụ thể như sau:

| TT | Thành viên BKS | Chức vụ | Ngày bắt đầu/ Miễn nhiệm là thành viên BKS | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|----|------------------------|------------|--|---------------------|-------------------|-------------------------|
| 1 | Bà Dương Thị Hồng Hạnh | Trưởng Ban | 12/6/2020 | 03 | 100% | - |
| 2 | Bà Trần Thị Thanh Thủy | Thành viên | 23/4/2021 | 03 | 100% | - |
| 3 | Bà Bùi Thị Ngân Hoa | Thành viên | 23/4/2021 | 03 | 100% | - |

- Tại kỳ họp và làm việc tháng 3/2022, BKS đã họp thống nhất phân công công việc giữa các thành viên và thực hiện giám sát việc quản lý điều hành, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư năm 2021 của Cảng Cam Ranh.

- Tại kỳ họp tháng 8/2022, BKS đã họp thống nhất việc phân công công việc giữa các thành viên Ban Kiểm soát và thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát 06 tháng đầu năm 2022.

- Tại kỳ họp tháng 11/2022, BKS đã họp thống nhất việc phân công công việc giữa các thành viên BKS và thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát Quý III/2023.

3. Các kiến nghị của Ban Kiểm soát:

Năm 2022, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát đã đưa ra các ý kiến kiến nghị đối với hoạt động của HĐQT, Ban TGD trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

- Kiến nghị hoàn thiện công tác hạch toán chi phí, chứng từ thanh toán của Cảng Cam Ranh nhằm tăng cường công tác kiểm soát, quản trị chi phí sản xuất kinh doanh.

- Kiến nghị trong công tác tiền lương: trích lập, sử dụng Quỹ tiền lương phù hợp với quy định hiện hành và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Cảng.

- Tham gia góp ý kiến đối với công tác đầu tư, quy trình lựa chọn nhà thầu, thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, quy trình thanh toán chi phí thực hiện dự án.

- Tham gia góp ý kiến đối với dự thảo các quy chế quản lý nội bộ của Cảng (Quy chế chi tiêu nội bộ Công ty, Quy chế quản lý sử dụng các quỹ của Công ty, Quy chế tuyển dụng lao động, Quy chế học tập, đào tạo, quy chế luân chuyển...) và các nội dung khác.

- Tham gia ý kiến góp ý đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh (Công ty con của Cảng Cam Ranh).

III. Đánh giá kết quả hoạt động của các thành viên Ban kiểm soát

- Hoạt động của các thành viên BKS tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

- Từng thành viên đã thực hiện nhiệm vụ theo phân công công việc một cách nghiêm túc, thận trọng, trung thực. Các thành viên BKS thường xuyên trao đổi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

IV. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của BKS năm 2022

- Thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát: Các thành viên BKS đều làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và được hưởng thù lao. Thù lao chi trả cho các thành viên BKS thực hiện theo đúng mức Nghị quyết của ĐHĐCĐ 2022. Tổng số thù lao Công ty đã chi trả cho BKS trong năm 2022 là 156 triệu đồng.

- Chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát: tuân thủ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Quy chế hoạt động của BKS và Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty.

PHẦN II. KẾT QUẢ KIỂM TRA GIÁM SÁT

I. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT và Ban TGD:

1. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT

Thực hiện Nghị quyết số 01/2022/NQ-CCR.ĐHĐCĐ ngày 21/4/2022 của ĐHĐCĐ, HĐQT đã thường xuyên chỉ đạo, giám sát Ban TGD trong việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết của HĐQT cũng như việc nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật về công tác quản trị doanh nghiệp và nhiệm vụ kinh doanh của Công ty. Do thị trường của Công ty hạn hẹp và không ổn định, cùng với sự cạnh tranh của các cảng xung quanh khu vực ngày càng gay gắt đã làm sản lượng hàng hoá thông qua cảng, doanh thu và lợi nhuận giảm so với năm 2021.

HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty. Tại các cuộc họp HĐQT cũng như trao đổi qua tin nhắn nội bộ, các thành viên đã đóng góp ý kiến xây dựng hoặc phản biện về các vấn đề thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của HĐQT như cho ý kiến về các dự án đầu tư, cơ cấu tổ chức doanh nghiệp, bổ nhiệm cán bộ,... nhằm đưa ra những định hướng, chủ trương đúng đắn, phù hợp. HĐQT đã chủ động đánh giá thị trường, căn cứ tình hình kinh doanh của Công ty để ban hành các nghị quyết và quyết định theo đúng thẩm quyền, phù hợp với Pháp luật và Điều lệ Công ty để định hướng hoạt động cho Ban điều hành. BKS đánh giá hoạt động của HĐQT phù hợp với Điều lệ của Công ty, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành hoạt động của Công ty trong năm.

Các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ và bất thường theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty. Năm 2022, HĐQT đã tổ chức 08 cuộc họp (trực tiếp và trực tuyến) và 17 lần lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 27 Nghị quyết và 41 Quyết định liên quan đến công tác điều hành sản xuất kinh doanh, chế độ chính sách, đầu tư... Các cuộc họp đều được chuẩn bị chu đáo, đảm bảo thời lượng và chất lượng, kịp thời định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty, thể hiện tinh thần trách nhiệm cao của các thành viên HĐQT Công ty. Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT trước khi ban hành đều được xin ý kiến của các thành viên HĐQT; việc lấy ý kiến bằng văn bản đều được thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ Công ty và các quy định Pháp luật có liên quan. Về cơ bản, HĐQT đã quyết định các chủ trương, chiến

lược, giải pháp kinh doanh của Công ty phù hợp với chủ trương chính sách của nhà nước và tình hình kinh tế khu vực.

HĐQT và Ban TGD Công ty đã triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT như: thực hiện phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, chia cổ tức, trích và chi thù lao HĐQT, BKS theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đều triển khai ban hành kịp thời, thực hiện tốt chức năng quản trị của HĐQT, đồng thời đáp ứng được yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

HĐQT Cảng Cam Ranh đã tuân thủ theo đúng các quy định pháp luật, Điều lệ, các quy chế, quy định của Công ty, kịp thời giám sát các hoạt động của Ban TGD; phối hợp với Ban TGD chỉ đạo điều hành hoạt động của Công ty theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ như triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư, công tác cán bộ,...

Đánh giá chung: Trong kỳ, HĐQT đã triển khai hoạt động dựa trên kế hoạch sản xuất kinh doanh mà ĐHĐCĐ năm 2022 đã thông qua. HĐQT đã tổ chức các cuộc họp và ban hành các Nghị quyết, Quyết định, quy chế thuộc thẩm quyền đầy đủ, phù hợp với Điều lệ Công ty cũng như các quy định của pháp luật, đồng thời đã giám sát, hỗ trợ Ban Tổng giám đốc thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ.

2. Kết quả giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

TGD và Ban Điều hành đã chủ động và nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ và chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ đã thông qua. Trong quá trình điều hành luôn nghiêm túc triển khai đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Công ty. Chủ động thực hiện các biện pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường... phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ Điều lệ công ty, quy định của pháp luật, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ban Điều hành thường xuyên tổ chức các cuộc họp để hội ý, trao đổi và rà soát tình hình sản xuất kinh doanh cũng như việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT để kịp thời điều chỉnh hoặc giải quyết các vướng mắc phát sinh.

Ban Điều hành đã chủ động trong công tác phát triển thị trường, tìm kiếm khách hàng, thu hút thêm được một số nguồn hàng mới, tuy nhiên các mặt hàng này còn manh mún, sản lượng chưa cao. Xây dựng, ban hành quy định, hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý nội bộ thuộc thẩm quyền của TGD.

Ban Điều hành đã triển khai hoạt động kinh doanh phù hợp và tuân thủ đúng với các quy định, quy chế quản lý của Công ty, nghị quyết của ĐHĐCĐ, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ đúng Điều lệ của Công ty. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước và các chế độ chính sách cho người lao động. Duy trì tốt các hoạt động về đảm bảo an ninh trật tự, an toàn về phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường. Hàng năm đều quan tâm và hỗ trợ đến công tác đoàn thể, phụ nữ của Công ty.

Đánh giá chung: Ban Tổng giám đốc đã tích cực, chủ động trong việc điều hành, giám sát cũng như đề xuất với HĐQT các biện pháp cần thiết để nâng cao hiệu quả trong công tác triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp với Nghị quyết của ĐHĐCĐ, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ đúng Điều lệ công ty, quy định của pháp luật, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm.

3. Đánh giá việc phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban TGD, BKS

- BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban TGD trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao. HĐQT, TGD đã tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện nhiệm vụ.

- BKS được cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu. BKS được mời tham dự các cuộc họp của HĐQT và các cuộc họp cần thiết khác.

- Về cơ bản, các kiến nghị của BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban TGD đều được Công ty ghi nhận và thực hiện.

4. Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh, đánh giá công tác quản lý điều hành của HĐQT:

BKS đã thực hiện thẩm định báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022, đánh giá công tác quản lý, điều hành của HĐQT trình ĐHĐCĐ năm 2022. BKS thống nhất với nội dung HĐQT đã báo cáo ĐHĐCĐ.

II. Công tác thẩm tra, giám sát Báo cáo tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022:

1. Thẩm tra Báo cáo tài chính:

BKS đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC là đơn vị nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

- Ý kiến của Kiểm toán viên: "BCTC đã phản ánh trung thực, hợp lý các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC".

- Báo cáo của Ban Tổng giám đốc: "Ban Tổng giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty,... và đảm bảo rằng BCTC đã tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác".

- Công ty đã lập báo cáo tài chính và công bố thông tin định kỳ trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán cũng như đăng thông tin trên Website của Công ty.

BKS cho rằng, cùng với Báo cáo của Ban TGD, ý kiến của Kiểm toán viên thể hiện trách nhiệm của mình khi lập và kiểm toán BCTC của Công ty.

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ

2.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

| CHỈ TIÊU | TH 2021 | KH 2022 | TH 2022 | TH 2022 /2021 | TH2022/ KH 2022 |
|----------------------|-----------|-----------|-----------|---------------|-----------------|
| Sản lượng hàng thông | 2.435.923 | 2.800.000 | 2.283.430 | 93,7 | 81,6 |

| CHỈ TIÊU | TH 2021 | KH 2022 | TH 2022 | TH 2022 /2021 | TH2022/ KH 2022 |
|-----------------------------|----------------|----------------|----------------|---------------|-----------------|
| qua cảng (tấn) | | | | | |
| Tổng doanh thu | 192.804 | 150.000 | 147.637 | 76,6 | 98,4 |
| Doanh thu thuần | 191.431 | | 146.364 | 76,5 | |
| Doanh thu tài chính | 959 | | 1.236 | 128,9 | |
| Thu nhập khác | 414 | | 37 | 9 | |
| Tổng chi phí | 139.574 | | 129.620 | 92,9 | |
| Giá vốn hàng bán | 107.919 | | 108.860 | 100,9 | |
| Chi phí bán hàng | 240 | | 298 | 124,3 | |
| Chi phí QLDN | 28.180 | | 20.456 | 72,6 | |
| Chi phí tài chính | 741 | | 0 | 0,0 | |
| Chi phí khác | 2.494 | | 6 | - | |
| Lợi nhuận trước thuế | 53.230 | 34.500 | 18.016 | 33,8 | 52,2 |
| Lợi nhuận sau thuế | 42.464 | | 14.429 | 34,0 | |
| Cổ tức (%) | 12,0 | 7,0 | 5,5 | 45,8 | 78,6 |

2.2. Đánh giá tình hình tài chính:

| Chỉ tiêu | Đơn vị | 01/01/2022 | 31/12/2022 |
|--|--------|------------|------------|
| Khả năng thanh toán | | | |
| Khả năng thanh toán nhanh (TSNH-HTK)/Nợ NH | Lần | 2,10 | 2,15 |
| Khả năng thanh toán hiện hành (TSNH/Nợ NH) | Lần | 2,15 | 2,22 |
| Khả năng thanh toán tổng quát (TTS/NPT) | Lần | 13,16 | 10,90 |
| Cơ cấu tài sản | | | |
| TSNH/ Tổng tài sản | % | 13,4 | 11,0 |
| Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản | % | 86,6 | 89,0 |
| Tài sản cố định/ Tổng tài sản | % | 84,9 | 86,6 |
| Hệ số nợ | | | |
| Nợ phải trả/ Tổng tài sản | % | 7,6 | 9,2 |
| Nợ phải trả/ VCSH | % | 8,2 | 10,1 |
| Dư nợ vay/ VCSH | % | - | 0,0 |

* Đánh giá:

+ Khả năng thanh toán: Các hệ số về khả năng thanh toán tại thời điểm 31/12/2022 đều tăng cao so với thời điểm đầu năm, riêng khả năng thanh toán tổng quát giảm so với đầu năm nhưng vẫn ở mức cao (10,9 lần), khả năng thanh toán hiện hành lớn hơn một (1) nhiều cho thấy khả năng thanh toán các khoản nợ của Cảng Cam Ranh vẫn được đảm bảo.

+ Cơ cấu tài sản:

Đơn vị tính: triệu đồng

| Cơ cấu tài sản | 01/01/2022 | 31/12/2022 | Chênh lệch |
|---------------------|----------------|----------------|-----------------|
| Tổng tài sản | 320.906 | 301.970 | (18.936) |
| TSNH | 43.150 | 33.121 | (10.029) |
| TSDH | 277.756 | 268.849 | (8.907) |

Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2022 là 301.970 triệu đồng, giảm 18.936 triệu đồng so với thời điểm đầu năm. Trong đó:

- Tài sản ngắn hạn là 33.121 triệu đồng (chiếm tỷ trọng 11,0% tổng tài sản), giảm 10.029 triệu đồng so với đầu năm. Chủ yếu là do tiền và các khoản tương đương tiền giảm 20.564 triệu đồng, các khoản phải thu ngắn hạn tăng 10.357 triệu đồng chủ yếu tăng trả trước cho người bán, khoản phải thu khách hàng.

- Tài sản dài hạn là 268.849 triệu đồng (chiếm 89,0% tổng tài sản), giảm 8.907 triệu đồng so với thời điểm đầu năm chủ yếu là do khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định chiếm tỷ trọng cao trong tổng tài sản (86,6% tổng tài sản). Cơ cấu tài sản của Cảng Cam Ranh phù hợp với cơ cấu tài sản của một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cảng biển do đầu tư cơ sở hạ tầng với giá trị lớn.

+ Cơ cấu nguồn vốn:

Đơn vị tính: triệu đồng

| Chỉ tiêu | 01/01/2022 | 31/12/2022 | Chênh lệch |
|------------------------------------|----------------|----------------|-------------|
| Tổng nguồn vốn | 320.906 | 301.970 | 94,1 |
| Nợ phải trả, trong đó: | 24.381 | 27.712 | 113,7 |
| - Nợ ngắn hạn | 20.029 | 14.911 | 74,4 |
| - Nợ dài hạn | 4.352 | 12.802 | 294,2 |
| Vốn chủ sở hữu | 296.525 | 274.257 | 92,5 |
| Vốn góp của chủ sở hữu | 245.018 | 245.018 | 100,0 |
| VCSH/ Vốn góp của Chủ sở hữu (lần) | 1,21 | 1,12 | 92,5 |

Tại thời điểm 31/12/2022, tổng nguồn vốn là 301.970 triệu đồng, giảm 18.936 triệu đồng so với thời điểm đầu năm. Trong đó: Nợ phải trả là 27.712 triệu đồng tăng 3.331 triệu đồng, chủ yếu do Cảng Cam Ranh thực hiện vay vốn để đầu tư Cầu 180 tấn theo kế hoạch. Vốn chủ sở hữu là 274.257 triệu đồng, giảm 22.268 triệu đồng chủ yếu do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm.

Các hệ số nợ phải trả/ tổng nguồn vốn (hay vốn chủ sở hữu) đều tăng so với thời điểm đầu năm do phát sinh tăng nợ vay và vốn chủ sở hữu giảm. Nợ phải trả chiếm 9,2% tổng tài sản, bằng 10,1% vốn chủ sở hữu chứng tỏ tài sản của Cảng Cam Ranh chủ yếu được hình thành từ nguồn vốn tự có. Tỷ lệ vốn chủ sở hữu/ Vốn đầu tư của chủ sở hữu là 1,12 (lớn hơn 1) cho thấy vốn chủ sở hữu được bảo toàn, phát triển.

+ Đánh giá khả năng sinh lời :

| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2021 | Năm 2022 |
|--|-----|----------|----------|
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ DTT | % | 22,2 | 9,9 |
| ROA (Tỷ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản) | % | 13,2 | 4,8 |
| ROE (Tỷ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu) | % | 14,3 | 5,3 |

Năm 2022 kết quả sản xuất kinh doanh giảm so với năm 2021 nên các hệ số về khả năng sinh lời năm 2022 đều giảm so với năm 2021. Cụ thể:

Hệ số LNST/DTT = 9,9% giảm so với năm 2021 (22,2%) cho thấy một đồng doanh thu năm 2022 đã tạo ra được ít lợi nhuận hơn so với năm 2021.

ROA = 4,8% giảm so với năm 2021 (ROA năm 2021 là 13,2%), cho thấy hiệu suất sinh lời của tài sản năm 2022 thấp hơn năm 2021.

ROE = 5,3% giảm so với năm 2021 (ROE năm 2022 là 14,3%), cho thấy hiệu suất sinh lời của vốn chủ sở hữu năm 2022 thấp hơn năm 2021.

3. Công tác đầu tư tài chính:

3.1. Đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết:

Tính đến thời điểm 31/12/2022, Cảng Cam Ranh thực hiện đầu tư góp vốn vào 02 Công ty (01 Công ty con và 01 Công ty liên kết). Cụ thể:

Đơn vị tính: triệu đồng

| Công ty | Tỷ lệ SH (%) | Số lượng | Giá gốc | Dự phòng |
|---|--------------|----------|--------------|----------|
| Công ty CP Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh | 51 | 356.979 | 3.294 | - |
| Công ty CP Đô thị Cam Ranh | 6,5 | 234.000 | 1.170 | - |
| Cộng | | | 4.464 | - |

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty con tuy vẫn có lợi nhuận nhưng hiệu quả đầu tư không cao, có 01 khoản đầu tư tại Công ty CP Đô Thị Cam Ranh là đầu tư ngoài ngành. Năm 2022, Cảng Cam Ranh ghi nhận doanh thu cổ tức được chia từ các doanh nghiệp là 898 triệu đồng.

3.2. Góp vốn kinh doanh theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh

Năm 2018, Cảng Cam Ranh đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh cầu Gottwald góp vốn đầu tư cầu với Công ty CP Hàng hải Quảng Hưng số tiền là 7 tỷ đồng. Năm 2022, Cảng Cam Ranh và Công ty Quảng Hưng đã thực hiện sửa chữa, nâng cấp cầu Gottwald với số tiền là 4,17 tỷ đồng (Cảng Cam Ranh đầu tư bổ sung: 1,67 tỷ đồng, theo tỷ lệ góp vốn trong hợp đồng hợp tác kinh doanh). Đến tháng 8/2022 cầu Gottwald đã hoàn thành nâng cấp, bàn giao đưa vào hoạt động sau sửa chữa. Năm 2022, do cầu Gottwald phải dừng hoạt động để nâng cấp, sửa chữa nên hoạt động của cầu chưa hiệu quả.

4. Công tác đầu tư tài sản

Kế hoạch năm 2022 đã được ĐHCĐ thông qua với tổng mức đầu tư là 49,05 tỷ đồng, trong đó:

a. Mua sắm, thanh lý tài sản:

+ Đầu tư, mua sắm thiết bị: Cảng Cam Ranh đã hoàn thành 01 dự án mua sắm tài sản là: Trạm cân điện tử 80T, ghi tăng tài sản số tiền 0,879 tỷ đồng; hoàn thành 90% Dự án Cầu di động sức nâng 180T (đã giải ngân số tiền 17 tỷ đồng).

Trong kế hoạch đầu tư năm 2022 đã được ĐHCĐ thông qua chưa chuyển tiếp danh mục đầu tư nâng cấp Cầu Gottwald HMK-280E (triển khai thực hiện theo kế hoạch đầu tư từ năm 2021). Trong năm 2022, Cảng Cam Ranh tiếp tục đầu tư nâng cấp và hoàn thành với tổng giá trị là 1,67 tỷ đồng.

b. Đầu tư XD CB:

Trong năm, Cảng Cam Ranh hoàn thành đầu tư, đưa vào sử dụng đường trục chính T1-736m (thảm nhựa) với giá trị quyết toán hoàn thành là 5,2 tỷ đồng. Các dự án còn lại đang triển khai thực hiện và chuyển tiếp sang năm 2023 như: Dự án Nâng cao năng lực khai thác cầu cảng Ba Ngòi, Nâng cấp/bê tông nền bãi 3.000m², băng tải làm hàng rời,...

Nhận xét: Công tác đầu tư mua sắm tài sản và xây dựng cơ bản của Cảng đều được thực hiện theo quy định, quy chế của pháp luật, Công ty.

5. Về cơ cấu tổ chức, lao động, tiền lương

5.1. Cơ cấu tổ chức, công tác cán bộ

- Cơ cấu tổ chức của Công ty hiện gồm: Ban Kiểm toán nội bộ, 05 phòng ban chuyên môn (Tổ chức Hành chính, Tài chính Kế hoạch, Pháp chế An ninh, Kinh doanh, Kỹ thuật Công trình) và Trung tâm khai thác. Công ty thường xuyên thực hiện việc rà soát, đánh giá lại việc thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị, các tổ đội sản xuất và phụ trợ sản xuất để sắp xếp, bố trí nhân sự hợp lý, đảm bảo phát huy hiệu quả hoạt động của các đơn vị.

Ngày 14/6/2022, Tổng giám đốc Cảng Cam Ranh đã ban hành Quyết định số 285/2022/QĐ-CCR về việc thành lập Đội bốc xếp hàng hóa thuộc Trung tâm Khai thác và Quyết định số 293/2022/QĐ-CCR về việc bố trí lao động thuộc Đội Bốc xếp hàng hóa trực thuộc Trung tâm Khai thác. Theo đó, sáp nhập 04 tổ sản xuất thành 01 đội sản xuất để khắc phục một số hạn chế của mô hình hiện tại, nhân sự quản lý gồm 01 Đội trưởng, 03 Đội phó (trực tiếp tham gia sản xuất). Thực hiện bố trí sản xuất theo tua vòng tròn cho toàn bộ người lao động đảm bảo trong ca sản xuất có 01 đội phó, 01 an toàn viên.

- Công tác bổ nhiệm, miễn nhiệm

+ Trong năm 2022, Cảng Cam Ranh thực hiện bổ nhiệm Tổng giám đốc đối với ông Nguyễn Văn Thắng và điều chuyển 2 nhân sự phó trưởng phòng (01 phó trưởng phòng của Phòng Tổ chức Hành chính sang phụ trách phòng Pháp chế An ninh và 01 phó trưởng phòng của Phòng Pháp chế An ninh sang công tác tại Phòng Tổ chức Hành chính); bổ nhiệm 03 chức danh phó trưởng phòng gồm: 01 Phó trưởng phòng Kinh doanh, 01 Phó trưởng Phòng Kỹ thuật - Công trình, 01 Phó trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch.

+ Miễn nhiệm Tổng giám đốc Cảng Cam Ranh đối với ông Nguyễn Viết Nhâm theo Quyết định số 26/QĐ-CCR.HĐQT ngày 01/9/2022 của Hội đồng quản trị Công ty (nghỉ hưu theo chế độ).

- Hoàn thành công tác quy hoạch cán bộ cấp cao và cấp trung theo từng giai đoạn. Thực hiện việc luân chuyển, điều động cán bộ, công nhân viên, sắp xếp lại một số vị trí công tác tại các phòng, trung tâm, tổ sản xuất phù hợp năng lực của người lao động.

- Các quy định về nhân sự đã được rà soát, bổ sung trong năm 2022: Đã kiện toàn các Hội đồng, Ban sau khi có sự thay đổi về nhân sự trong Công ty.

5.2. Tình hình lao động

Tổng số lao động đến 31/12/2022: 181 người (lao động bình quân thực hiện là 187,75 người)

Trong đó:

- + Lao động quản lý: 04 người;
- + Lao động chuyên môn nghiệp vụ: 42 người;
- + Trực tiếp sản xuất (CN tổ sản xuất, giao nhận, cơ điện, bán xăng dầu): 92 người;
- + Trực tiếp phụ trợ (Điều độ, tàu lai, bến thủy nội địa, cầu bến): 23 người;
- + Phụ trợ gián tiếp (Bảo vệ, lái xe, tạp vụ): 20 người

Tình hình tăng/giảm lao động: Trong năm 2022, Cảng Cam Ranh tuyển mới 04 lao động chuyên môn nghiệp vụ tại các phòng (Kinh doanh, Kỹ thuật, CNTT), 01 lao động trực tiếp phụ trợ tại Cầu bến; số lao động thôi việc: 14 lao động (trực tiếp sản xuất: 08 người, trực tiếp phụ trợ: 05 người, phụ trợ gián tiếp: 01 người), nghỉ hưu là 01 người (lao động quản lý).

Trong năm thực hiện giải tán Tổ Bến Thủy, chuyển người sang các bộ phận: Bảo vệ, bán xăng, Văn phòng trung tâm. Đề bạt 01 nhân viên bán xăng lên quản lý cửa hàng xăng dầu (tăng khối lao động chuyên môn nghiệp vụ).

5.3. Tình hình tiền lương, thù lao

* Công ty thực hiện chi trả tiền lương, đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ cho người lao động đúng theo quy định. Năm 2022, Công ty đã thực hiện trả lương cho Người quản lý và Người lao động theo Quy chế trả lương ban hành kèm theo Quyết định số 27/2021/QĐ-CCR.HĐQT của Hội đồng quản trị Cảng Cam Ranh.

* Tình hình trích và sử dụng quỹ lương

- Tình hình trích quỹ lương:

+ Quỹ lương kế hoạch năm 2022 là: 40,4 tỷ đồng, trong đó Quỹ tiền lương kế hoạch của Người quản lý là 2,1 tỷ đồng, Quỹ tiền lương kế hoạch của Người lao động là 38,3 tỷ đồng.

+ Quỹ tiền lương thực hiện năm 2022 là: 22,4 tỷ đồng, trong đó Quỹ tiền lương của Người quản lý là 1,66 tỷ đồng, Quỹ tiền lương của Người lao động là 20,74 tỷ đồng.

+ Tình hình sử dụng quỹ lương:

Tổng tiền lương đã chi trong năm 2022 là: 25,93 tỷ đồng (bao gồm cả chi từ quỹ tiền lương dự phòng là 3,53 tỷ đồng), tiền lương bình quân đạt 11,5 triệu đồng/người/tháng. Quỹ tiền lương đã chi trong năm 2022 là: 22,4 tỷ đồng.

* Tình hình chi trả thù lao: Công ty thực hiện chi trả đúng mức thù lao cho HĐQT, BKS theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022, cụ thể:

Đơn vị: đồng

| STT | Họ và tên | Chức danh | Mức thù lao/tháng | Tổng chi thù lao |
|-----|----------------------|-------------------------|-------------------|------------------|
| 1 | Nguyễn Viết Nhâm | Thành viên HĐQT | 5.000.000 | 60.000.000 |
| 2 | Nguyễn Thị Yên | Thành viên HĐQT | 5.000.000 | 60.000.000 |
| 3 | Kiều Phương Ngọc | Thành viên HĐQT | 5.000.000 | 20.000.000 |
| 4 | Nguyễn Thị Minh Ngọc | Thành viên HĐQT độc lập | 5.000.000 | 40.000.000 |

| STT | Họ và tên | Chức danh | Mức thù lao/tháng | Tổng chi thù lao |
|-----|---------------------|-----------------|-------------------|--------------------|
| 5 | Nguyễn Văn Tài | Thành viên HĐQT | 5.000.000 | 60.000.000 |
| 6 | Dương Thị Hồng Hạnh | Trưởng BKS | 5.000.000 | 60.000.000 |
| 7 | Bùi Thị Ngân Hoa | Thành viên BKS | 4.000.000 | 48.000.000 |
| 8 | Trần Thị Thanh Thủy | Thành viên BKS | 4.000.000 | 48.000.000 |
| | TỔNG CỘNG | | | 396.000.000 |

Ghi chú: bà Kiều Phương Ngọc là thành viên HĐQT đến tháng 04/2022; bà Nguyễn Thị Minh Ngọc là Thành viên HĐQT độc lập từ tháng 05/2022 đến nay.

6. Về nghĩa vụ với nhà nước

Việc kê khai, quyết toán thuế định kỳ trong năm 2022: Cảng Cam Ranh đã thực hiện kê khai, quyết toán và nộp nghĩa vụ ngân sách Nhà nước theo quy định.

7. Về xây dựng, ban hành quy chế, quy định quản lý nội bộ

Năm 2022, Công ty đã tiến hành chỉnh sửa, bổ sung các quy trình, quy định, quy chế theo các tiêu chuẩn “Lấy khách hàng làm trung tâm” theo Quyết định số 86/2022/QĐ-CCR ngày 26/2/2022 của Cảng Cam Ranh. Công ty đã chỉ đạo các bộ phận chuyên môn rà soát, triển khai ban hành lại toàn bộ quy trình đang thực hiện theo hướng SOP tinh gọn, dễ hiểu và hướng tới các mong muốn của khách hàng. Đã thực hiện ban hành các quy chế, quy định trong năm 2022 như sau: Quy chế tuyển dụng lao động; Quy chế học tập, đào tạo; Quy định định kỳ báo cáo, cung cấp thông tin, phản ánh của chủ hàng, khách hàng và đề xuất hướng giải quyết; Bảng khảo sát, đánh giá chất lượng dịch vụ online; Quy trình phối hợp các phòng/trung tâm trong báo giá cho khách hàng; Chương trình khách hàng thân thiết; Quy trình thu hồi công nợ cho khách hàng bên ngoài và bên trong; Quy trình xây dựng kế hoạch kinh doanh, tài chính; Quy trình kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị; Quy trình sửa chữa trang thiết bị hư hỏng đột xuất; Quy trình quyết toán cảng phí; Quy trình quyết toán hàng hóa; Quy trình lập kế hoạch tàu cập, rời cầu...

8. Báo cáo đánh giá về các giao dịch:

Tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp quy định về việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan, ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan theo quy định.

Trong năm 2022, Cảng Cam Ranh có phát sinh hợp đồng, giao dịch với một số doanh nghiệp được xác định là người có liên quan như: Công ty CP Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh, Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải, Vosa Nha Trang.

Các hợp đồng, giao dịch nêu trên đều đã được sự chấp thuận của HĐQT Công ty và Công ty đã thực hiện công bố thông tin theo quy định.

IV. Kế hoạch công tác năm 2023 của Ban Kiểm soát:

Căn cứ vào hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2023, Ban Kiểm soát đề ra kế hoạch hoạt động trong năm 2023 cụ thể như sau:

1. Giám sát việc chấp hành Điều lệ của Công ty, pháp luật của nhà nước. Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Quy chế của Hội đồng quản trị công ty và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

2. Kiểm soát tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư của Cảng Cam Ranh đã được ĐHĐCĐ thông qua. Giám sát công tác quản lý điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc theo đúng chức năng nhiệm vụ.

3. Tiến hành thẩm tra các báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính giữa niên độ và năm 2023, giám sát tình hình đầu tư góp vốn của Cảng Cam Ranh, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn góp;

4. Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các cuộc họp có nội dung liên quan để nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời đưa ra các cảnh báo kịp thời đảm bảo lợi ích của các cổ đông.

5. Tăng cường công tác phối hợp với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty thực hiện đầy đủ và tốt nhất Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023.

Trên đây là toàn bộ nội dung Báo cáo giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Cảng Cam Ranh năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban Kiểm soát.

Trân trọng báo cáo./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Dương Thị Hồng Hạnh

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán; Kết quả kinh doanh, đầu tư năm 2022 và thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ doanh nghiệp và mức cổ tức năm 2022

**Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh**

Căn cứ:

- Kết quả kinh doanh năm 2022;
- Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
- Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua tờ trình Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022; Kết quả kinh doanh năm 2022 và phê chuẩn mức trích lập quỹ doanh nghiệp, mức cổ tức năm 2022, cụ thể như sau:

1. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán (Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đính kèm - đã được Công bố thông tin và đăng tải tại website công ty: www.camranhport.vn)

Ý kiến của kiểm toán: chấp thuận toàn phần Báo cáo tài chính của Công ty

2. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 với các số liệu cụ thể như sau:

| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2022 |
|--|------------|-----------------|
| 1- Sản lượng hàng khai thác qua cảng | Tấn | 2.283.430 |
| 2- Tổng doanh thu và thu nhập hợp nhất | Đồng | 152.841.653.410 |
| Tổng doanh thu và thu nhập công ty mẹ | Đồng | 147.636.635.593 |
| 3- Tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất | Đồng | 18.786.490.553 |
| Tổng lợi nhuận trước thuế công ty mẹ | Đồng | 18.016.289.262 |
| 4- Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN hợp nhất | Đồng | 14.907.425.300 |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN Công ty mẹ | Đồng | 14.428.918.388 |

3. Thông qua kết quả đầu tư năm 2022 với các số liệu cụ thể như sau:

| TT | Tên dự án/công trình | Tổng mức đầu tư (tỷ đ) | KH thực hiện năm 2022 (tỷ đ) | Kết quả thực hiện năm 2022 | | % So KH năm |
|-----------|--|------------------------|------------------------------|----------------------------|----------------|-------------|
| | | | | Khối lượng (%) | Giá trị (tỷ đ) | |
| I | DA chuyển tiếp từ năm 2021 | 100.95 | 42.05 | | 26.15 | 62% |
| 1 | Đầu tư XDCB | 64.50 | 15.10 | | 6.16 | 41% |
| 1.1 | Dự án nâng cao năng lực khai thác cầu cảng Ba Ngòi (giai đoạn chuẩn bị đầu tư) | 58.00 | 10.60 | 2% | 0.96 | |
| 1.2 | Thảm nhựa đường trục chính T1 – 736m | 6.50 | 4.50 | 100% | 5.20 | |
| 2 | Mua sắm thiết bị | 36.45 | 26.95 | | 19.99 | 74% |
| 2.1 | Cầu di động sức nâng 180T | 20.00 | 15.00 | 85% | 17.00 | |
| 2.2 | Băng tải làm hàng rời | 14.50 | 10.50 | 0% | 0.00 | |
| 2.3 | Trạm cân điện tử 80T | 1.00 | 0.70 | 100% | 0.82 | |
| 2.4 | Xe nâng hàng 12T | 0.95 | 0.75 | 54% | 0.51 | |
| 2.5 | Nâng cấp cầu GW | | | 100% | 1.66 | |
| II | Dự án khởi công năm 2022 | 7.00 | 7.00 | | 0.93 | 13% |
| 1 | Đầu tư XDCB | 5.00 | 5.00 | | 0.00 | 0% |
| 1.1 | Nâng cấp/bê tông nền bãi 3.000m ² | 5.00 | 5.00 | | 0.00 | |
| 2 | Mua sắm thiết bị | 2.00 | 2.00 | | 0.93 | 47% |
| 2.1 | Nâng cấp hệ thống thiết bị hợp truyền hình trực tuyến | | | | 0.58 | |
| 2.2 | Hệ thống thiết bị và ứng dụng kiểm soát phương tiện | 2.00 | 2.00 | 100% | 0.15 | |
| 2.3 | Hoán cải tàu TLA05 | 0.30 | 0.30 | 100% | 0.20 | |
| | Tổng cộng | 107.95 | 49.05 | | 27.08 | 55% |

4. Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ doanh nghiệp và mức cổ tức năm 2022:
(Báo cáo tài chính riêng năm 2022)

| Nội dung | Tỷ lệ (%) | Số tiền (Triệu đồng) |
|---|-----------|----------------------|
| 1. Lợi nhuận trước thuế 2022 | | 18.016 |
| 2. Thuế TNDN phải nộp | 20% | 3.587 |
| 3. Lợi nhuận sau thuế (3 = 1 - 2) | | 14.429 |
| 4. Trích lập quỹ doanh nghiệp (4=4.1+4.2+4.3+4.4) | 16,1 | 2.334 |

| Nội dung | Tỷ lệ (%) | Số tiền (Triệu đồng) |
|---|------------------|-----------------------------|
| 4.1. Quỹ khen thưởng | 5% | 721 |
| 4.2. Quỹ phúc lợi | 10,2% | 1.475 |
| 4.3. Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành | 0,9% | 138 |
| 5. Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối các quỹ (5 = 3 -4) | | 12.095 |
| 6. Lợi nhuận sau thuế các năm trước để lại chưa chia | | 1.355 |
| 7. Tổng cộng số tiền chia cổ tức (7=5+6) | | 13.449 |
| 8. Cổ phiếu được chia cổ tức (8=8.1-8.2) | | 244.536 |
| 8.1. Vốn điều lệ | | 245.018 |
| 8.2. Cổ phiếu quỹ (không chia cổ tức) | | (482) |
| 9. Lợi nhuận sau thuế đề xuất chia cổ tức năm 2022 (9=8*5,5%) | 5,5% | 13.449 |

- Hình thức chi trả cổ tức năm 2022: bằng tiền
- Thời gian thực hiện chi trả cổ tức: Giao cho Hội đồng quản trị quyết định ngày chốt danh sách chi trả và ngày thực hiện chi trả cổ tức theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, NPTQTCT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Hữu Tấn

Số:/TTr-CCR.HĐQT

Cam Ranh, ngày tháng 04 năm 2023

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v Phê chuẩn Kế hoạch kinh doanh năm 2023

**Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/04/2022;
- Kết quả hoạt động năm 2022 và dự kiến cho năm 2023;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết chấp thuận kế hoạch kinh doanh năm 2023 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh, cụ thể như sau:

| Chỉ tiêu | DVT | KH 2023 |
|-------------------------------------|------------|----------------|
| 1- Sản lượng hàng qua cảng | Tấn | 2.600.000 |
| <i>trong đó sản lượng Container</i> | TEU | 1.500 |
| 2- Doanh thu và thu nhập | | |
| Doanh thu và thu nhập công ty mẹ | Triệu đồng | 160.000 |
| Doanh thu và thu nhập hợp nhất | Triệu đồng | 165.000 |
| 3- Lợi nhuận trước thuế | | |
| Lợi nhuận trước thuế công ty mẹ | Triệu đồng | 23.000 |
| Lợi nhuận trước thuế hợp nhất | Triệu đồng | 23.500 |
| 4- Cổ tức chi trả | % | 6% |
| 5- Đầu tư | Triệu đồng | 34.400 |

Đính kèm: Kế hoạch kinh doanh, đầu tư năm 2023

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, NPTQTCT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Hữu Tấn

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

| Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện 2022 | | Kế hoạch 2023 | | So sánh KH 2023 với TH 2022 | | | |
|---|------|------------------|------------------|------------------|------------------|-----------------------------|----------------|----------------|---------------|
| | | Công ty mẹ CCR | Hợp nhất | Công ty mẹ CCR | Hợp nhất | Công ty mẹ CCR | | Hợp nhất | |
| | | | | | | Số tăng/giảm | % | Số tăng/giảm | % |
| I. Sản lượng hàng thông qua | | 2.283.430 | 2.283.430 | 2.600.000 | 2.600.000 | 316.570 | 113,9% | 316.570 | 113,9% |
| 1. Sản lượng hàng container | Teu | 0 | 0 | 1.500 | 1.500 | 1.500 | | 1.500 | |
| 2. Sản lượng hàng ngoài container | Tấn | 2.283.430 | 2.283.430 | 2.598.500 | 2.598.500 | 315.070 | 113,8% | 315.070 | 113,8% |
| II. Tổng doanh thu | Tr.đ | 147.636 | 152.841 | 160.000 | 165.000 | 12.364 | 108,4% | 12.159 | 108,0% |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | Tr.đ | 146.364 | 151.878 | 159.250 | 164.300 | 12.886 | 108,8% | 12.422 | 108,2% |
| 2. Doanh thu hoạt động tài chính | Tr.đ | 1.235 | 926 | 650 | 600 | (585) | 52,6% | (326) | 64,8% |
| - Lãi tiền gửi ngân hàng | Tr.đ | 338 | 479 | 300 | 400 | (38) | 88,8% | (79) | 83,5% |
| - Cổ tức, lợi nhuận được chia | Tr.đ | 897 | 447 | 350 | 200 | (547) | 39,0% | (247) | 44,7% |
| 3. Thu nhập hoạt động khác | Tr.đ | 37 | 37 | 100 | 100 | 63 | 270,3% | 63 | 270,3% |
| III. Tổng chi phí | Tr.đ | 129.620 | 134.055 | 137.000 | 141.500 | 7.380 | 105,7% | 7.445 | 105,6% |
| 1. Chi phí hoạt động kinh doanh | Tr.đ | 129.614 | 134.033 | 136.220 | 140.720 | 6.606 | 105,1% | 6.687 | 105,0% |
| 1.1- Giá vốn hàng bán | Tr.đ | 108.860 | 111.715 | 114.800 | 117.900 | 5.940 | 105,5% | 6.185 | 105,5% |
| 1.2- Chi phí quản lý doanh nghiệp | Tr.đ | 20.754 | 22.318 | 21.420 | 22.820 | 666 | 103,2% | 502 | 102,2% |
| 2. Chi phí hoạt động tài chính | Tr.đ | 0 | 0 | 700 | 700 | 700 | | 700 | |
| 2.1 - Chi phí lãi vay | Tr.đ | 0 | 0 | 700 | 700 | 700 | | 700 | |
| 2.2- Chi phí tài chính khác | Tr.đ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 0 | |
| 3. Chi phí hoạt động khác | Tr.đ | 6 | 22 | 80 | 80 | 74 | 1333,3% | 58 | 363,6% |
| IV. EBITDA | Tr.đ | 36.895 | 38.541 | 43.700 | 45.100 | 6.805 | 118,4% | 6.559 | 117,0% |
| V. LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (III-IV) | Tr.đ | 18.016 | 18.786 | 23.000 | 23.500 | 4.984 | 127,7% | 4.714 | 125,1% |

| Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện 2022 | | Kế hoạch 2023 | | So sánh KH 2023 với TH 2022 | | | |
|---|---------|----------------|----------|----------------|----------|-----------------------------|--------|--------------|--------|
| | | Công ty mẹ CCR | Hợp nhất | Công ty mẹ CCR | Hợp nhất | Công ty mẹ CCR | | Hợp nhất | |
| | | | | | | Số tăng/giảm | % | Số tăng/giảm | % |
| VI. CHỈ TIÊU LĐ-TL | | | | | | | | | |
| 1. Lao động bình quân | người | 187,75 | 208,75 | 190 | 212 | 2,25 | 101,2% | 3,3 | 101,6% |
| 2. Tổng quỹ lương năm 2022 | Tr.đ | 22.400 | 25.445 | 32.000 | 34.880 | 9.600 | 143% | 9.435 | 137,1% |
| 3. Quỹ lương dự phòng năm 2021 mang sang năm 2022 | Tr.đ | 3.526 | 3.526 | | | | | | |
| 4. Lương bình quân NLD/tháng | Tr.đ/ng | 11,5 | 11,6 | 14 | 14 | 2,49 | 122% | 2,4 | 121,1% |

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2023

| TT | Tên dự án | Quy mô/Mô tả dự án | Tổng mức đầu tư (tỷ đồng) | Nguồn vốn (tỷ đồng) | | Tiến độ thực hiện | | Kế hoạch năm 2023 |
|-----------|---|---|---------------------------|---------------------|--------------|-------------------|------------|-------------------|
| | | | | Tự có/huy động | Vay | Khởi công | Hoàn thành | Giá trị (tỷ đồng) |
| I | DA chuyển tiếp từ năm 2022 | | 68,00 | 27,40 | 40,60 | | | 28,00 |
| 1 | Đầu tư XDCB | | 63,00 | 22,40 | 40,60 | | | 24,00 |
| 1.1 | Dự án nâng cao năng lực khai thác cầu cảng-cảng Ba Ngòi | Nâng cấp bến 1 lên 50.000 DWT giảm tải và bến 2 lên 70.000 DWT giảm tải | 58,00 | 17,40 | 40,60 | 07/2021 | 06/2024 | 19,00 |
| 1.2 | Nâng cấp/bê tông nền bãi | 3.000m ² | 5,00 | 5,00 | 0,00 | 6/2023 | 12/2023 | 5,00 |
| 2 | Mua sắm thiết bị | | 5,00 | 5,00 | 0,00 | | | 4,00 |
| 2.1 | Băng tải trung gian làm hàng rời | 03 băng trung gian | 3,00 | 3,00 | 0,00 | 12/2022 | 10/2023 | 3,00 |
| 2.2 | Công cụ thiết bị phục vụ chuyên đổi số | Hệ thống | 2,00 | 2,00 | 0,00 | 10/2021 | 04/2022 | 1,00 |
| II | DA khởi công năm 2023 | | 19,00 | 19,00 | 0,00 | | | 6,40 |
| 1 | Đầu tư XDCB | | 18,00 | 18,00 | 0,00 | | | 5,40 |
| 1.1 | Trung tâm dịch vụ hàng hải logistics | 797,5m ² | 8,00 | 2,00 | 6,00 | 01/2023 | 12/2024 | 0 |
| 1.2 | San lấp nền bãi dự án PVOIL | 2ha | 18,00 | 18,00 | 0,00 | 05/2023 | 12/2023 | 5,40 |
| 2 | Mua sắm thiết bị | | 1,00 | 1,00 | 0,00 | | | 1,00 |
| 2.1 | Công cụ - dụng cụ xếp dỡ | Công cụ các loại | 1,00 | 1,00 | 0,00 | 03/2023 | 12/2023 | 1,00 |
| | Tổng cộng | | 87,00 | 46,40 | 40,60 | | | 34,40 |

KẾ HOẠCH CHI PHÍ SỬA CHỮA NĂM 2023

| TT | Nội dung | ĐVT | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng) |
|----|---|----------------|----------|----------------|----------------------|
| 1 | Sửa chữa hệ thống kho, bãi | m ² | 4,000 | 250,000 | 1,000,000,000 |
| 2 | Sửa chữa duy tu cầu bến | | | | 1,700,000,000 |
| | <i>Bến số 1</i> | Bến | 1 | 500,000,000 | 500,000,000 |
| | <i>Bến số 2</i> | Bến | 1 | 400,000,000 | 400,000,000 |
| | <i>Cầu dẫn</i> | Bến | 1 | 500,000,000 | 500,000,000 |
| | <i>Kiểm định thông báo hàng hải định kỳ các khu nước trước bến (3 năm/lần)</i> | Bến | 1 | 300,000,000 | 300,000,000 |
| 3 | Sửa chữa thiết bị và công cụ sản xuất | | | | 1,200,000,000 |
| | Sửa chữa tàu CR04 trên đà và tàu TLA | Lượt | 1 | 800,000,000 | 800,000,000 |
| | Cầu và phương tiện, thiết bị xếp dỡ | Lượt | 1 | 300,000,000 | 300,000,000 |
| | Công cụ làm hàng | Lượt | 10 | 10,000,000 | 100,000,000 |
| 4 | Sửa chữa nhà cửa văn phòng/trang thiết bị quản lý (xe con, thiết bị văn phòng, ...) | Lượt | 10 | 50,000,000 | 500,000,000 |
| 5 | Sửa chữa hệ thống đường nội bộ cầu cảng | Lượt | 1 | 400,000,000 | 400,000,000 |
| 6 | Sửa chữa hệ thống điện nước | Lượt | 10 | 40,000,000 | 400,000,000 |
| | Tổng cộng | | | | 5,200,000,000 |

Số:/TTTr-CCR.HĐQT

Cam Ranh, ngày tháng 04 năm 2023

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2022, đề xuất mức tiền lương, thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2023

**Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/04/2022;
- Kết quả kinh doanh năm 2022 và Kế hoạch kinh doanh năm 2023;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2022 và đề xuất quỹ tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2023, cụ thể như sau:

1. Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của HĐQT và BKS năm 2022

- Tổng quỹ tiền lương thực hiện năm 2022 của CTHĐQT chuyên trách là: 398.400.000 đồng
- Tổng quỹ thù lao đã chi trả cho TVHĐQT, BKS không chuyên trách trong năm 2022 là: **396.000.000** đồng (Ba trăm chín mươi sáu triệu đồng). Trong đó:
 - + Tổng mức thù lao đã chi cho TVHĐQT không chuyên trách là: **240.000.000** đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng)
 - + Tổng mức thù lao đã chi cho BKS không chuyên trách là: **156.000.000** đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu đồng)(Chi tiết theo file đính kèm)

2. Đề xuất Quỹ tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2023

- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023;
Căn cứ yêu cầu công tác quản trị và giám sát các hoạt động kinh doanh năm 2023, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua mức tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2023 cụ thể như sau:
- a. Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2023 của Chủ tịch HĐQT chuyên trách: 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

b. Quỹ Thù lao kế hoạch năm 2023 của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không chuyên trách là 396.000.000 đồng (*Ba trăm chín mươi sáu triệu đồng*).

Trong đó:

- Thành viên Hội đồng quản trị / Thành viên HĐQT độc lập: 5.000.000 đồng/người/tháng (*Năm triệu đồng/ người/ tháng*).

- Trưởng Ban kiểm soát: 5.000.000 đồng/người/tháng (*Năm triệu đồng/ người/ tháng*).

- Thành viên Ban kiểm soát: 4.000.000 đồng/người/tháng (*Bốn triệu đồng/ người/ tháng*).

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, NPTQTCT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Hữu Tấn

(Kèm theo tờ trình số/TTr-CCR, HĐQT, ngày tháng 04 năm 2023)

| ST T | Họ và tên | Chức danh | Thời gian | Mức thù lao/tháng (Triệu đồng) | Số tháng | Tổng quỹ tiền lương năm 2022 (Triệu đồng) | Tổng mức thù lao Năm 2022 (Triệu đồng) | |
|-----------|--------------------------|-----------------|-----------------------|--------------------------------|----------|---|--|------------|
| I | Hội đồng quản trị | | | | | | 240 | |
| 1 | Phạm Hữu Tấn | Chủ tịch HĐQT | Từ T01/2022 –T12/2022 | | 12 | 398,4 | | |
| 2 | Nguyễn Việt Nhâm | TV HĐQT | Từ T01/2022 –T12/2022 | 5 | 12 | | 60 | |
| 3 | Nguyễn Văn Tài | TV HĐQT | Từ T01/2022 –T12/2022 | 5 | 12 | | 60 | |
| 4 | Nguyễn Thị Yên | TV HĐQT | Từ T01/2022 –T12/2022 | 5 | 12 | | 60 | |
| 5 | Kiều Phương Ngọc | TV HĐQT | Từ T01/2022 –T04/2022 | 5 | 4 | | 20 | |
| 6 | Nguyễn Thị Minh Ngọc | TV HĐQT độc lập | Từ T05/2022 –T12/2022 | 5 | 8 | | 40 | |
| II | Ban Kiểm soát | | | | | | 156 | |
| 1 | Dương Thị Hồng Hạnh | Trưởng BKS | Từ T01/2022 –T12/2022 | 5 | 12 | | 60 | |
| 2 | Bùi Thị Ngân Hoa | Thành viên BKS | Từ T01/2022 –T12/2022 | 4 | 12 | | 48 | |
| 3 | Trần Thị Thanh Thủy | Thành viên BKS | Từ T01/2022 –T12/2022 | 4 | 12 | | 48 | |
| | Tổng cộng | | | | | | 398,4 | 396 |

KẾ HOẠCH CHI TRẢ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO HĐQT, BKS NĂM 2023

(Kèm theo tờ trình số/TTr-CCR, HĐQT, ngày tháng 04 năm 2023)

| Stt | Người quản lý | Số người | Kế hoạch năm 2023 | | Tổng cộng năm 2023 (12 tháng) | |
|------------------|--|----------|--------------------------------------|---|-------------------------------|--------------------------|
| | | | Tiền lương (triệu đồng/người/ tháng) | Thù lao tháng (triệu đồng/người/ tháng) | Quỹ Tiền lương (triệu đồng) | Quỹ Thù lao (triệu đồng) |
| 1 | Chủ tịch HĐQT chuyên trách | 1 | 50 | | 600 | |
| 2 | Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách/ độc lập | 4 | | 5 | | 240 |
| 3 | Trưởng Ban kiểm soát không chuyên trách | 1 | | 5 | | 60 |
| 4 | Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách | 2 | | 4 | | 96 |
| Tổng cộng | | | | | 600 | 396 |

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH
Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023

**Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/04/2022;

Thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách các đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, thương hiệu, được nhiều công ty đại chúng tin cậy, có đội ngũ kiểm toán viên trình độ cao và nhiều kinh nghiệm.
- Là đơn vị hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, thuộc danh sách các Công ty kiểm toán có đủ tiêu chuẩn do Bộ Tài chính công bố hàng năm.
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, chất lượng, tiến độ kiểm toán của Công ty. Lựa chọn đơn vị kiểm toán hàng đầu trong danh sách các Công ty kiểm toán đủ tiêu chuẩn do Bộ Tài chính công bố hàng năm để thực hiện kiểm toán và soát xét các Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.

2. Danh sách các Công ty kiểm toán đề xuất:

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh đề xuất danh sách 03 công ty kiểm toán độc lập có đủ điều kiện đáp ứng được các tiêu chuẩn lựa chọn nêu trên:

- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tiêu chí lựa chọn được đề xuất và danh sách các công ty kiểm toán nêu trên, ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán để thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh đảm bảo chất lượng, hiệu quả với chi phí hợp lý theo đúng quy định của pháp luật.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, NPTQTCT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Dương Thị Hồng Hạnh

Số:/TT-CCR.HĐQT

Cam Ranh, ngày tháng 04 năm 2023

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh

**Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023
Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh**

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP, ngày 21/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC, ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15, ngày 11/01/2022 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/04/2022;

Căn cứ Quyết định số 07/2021/QĐ-CCR.HĐQT, ngày 23/4/2021 của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/NQ-CCR.HĐQT ngày 21/4/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh;

Căn cứ tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu trong công tác quản trị điều hành của Công ty,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty với các nội dung cụ thể như sau:

| TT | ĐIỀU/KHOẢN | NỘI DUNG HIỆN TẠI | NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | LÝ DO |
|----------|--|---|---|--|
| I | Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty | | | |
| 1 | Phần mở đầu | Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh (sau đây gọi là “Điều lệ”) được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh ngày 21 tháng 4 năm 2022. | Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh (sau đây gọi là “Điều lệ”) được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh ngày 21 tháng 4 năm 2022 và ngày... tháng...năm 2023. | Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thời điểm ban hành lại Điều lệ. |
| 2 | Khoản 2, khoản 4, khoản 5, Điều 5 | <p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</p> <p>2. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc Công ty.</p> <p>3. Tổng giám đốc khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, Tổng giám đốc vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.</p> <p>4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại khoản 3 Điều này mà Tổng giám đốc chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật cho đến khi Tổng giám đốc trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>5 Trường hợp Tổng giám đốc vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và</p> | <p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</p> <p>2. Công ty có 02 (hai) người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Việc phân chia quyền và nghĩa vụ giữa hai người đại diện theo pháp luật cụ thể như sau:</p> <p>a) Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.</p> <p>b) Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty có các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty khi Tổng giám đốc vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, hoặc bị Hội đồng quản trị Công ty miễn nhiệm, bãi nhiệm.</p> | <p>- Khoản 2: Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với nhu cầu hoạt động và quản trị của Công ty.</p> <p>- Khoản 4: Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với nội dung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3.</p> <p>- Khoản 5: Bãi bỏ để phù hợp với nội dung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3.</p> |

| TT | ĐIỀU/KHOẢN | NỘI DUNG HIỆN TẠI | NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | LÝ DO |
|----|------------|--|---|-------|
| | | <p>nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhận chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định hoặc không còn làm việc cho Công ty thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> | <p>c) Việc phân chia quyền, nghĩa vụ đại diện nhằm phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ giữa các người đại diện theo pháp luật, phát huy tính chủ động, đề cao trách nhiệm trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, hạn chế việc chồng chéo về thẩm quyền trong công tác đại diện của Công ty; không làm thay đổi thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>d) Mỗi người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm riêng rẽ đối với thiệt hại gây ra cho Công ty theo quy định pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan trong phạm vi quyền và nghĩa vụ được phân chia theo Điều lệ này. Người đại diện theo pháp luật xác lập giao dịch với bên thứ ba không đúng thẩm quyền quy định của mình phải chịu trách nhiệm cá nhân với Công ty và cơ quan có thẩm quyền về những thiệt hại gây ra trong giao dịch đó. Việc xử lý hậu quả của các giao dịch do người đại diện không đúng thẩm quyền xác lập, thực hiện được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p> <p>đ) Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nếu có vấn đề vướng mắc liên quan đến phạm vi chức danh do người đại diện theo pháp luật đảm nhận theo quy định tại Điều lệ và các quy phạm nội bộ của Công ty thì hai người đại diện theo pháp luật phối hợp với nhau để thực hiện; phải báo cáo thường xuyên và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị Công ty.</p> <p>e) Trường hợp vì bất kỳ lý do nào có một người không đủ điều kiện làm người đại diện theo pháp luật của Công ty thì người còn lại sẽ đương nhiên thực hiện</p> | |

| TT | ĐIỀU/KHOẢN | NỘI DUNG HIỆN TẠI | NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | LÝ DO |
|----|----------------------------------|---|---|--|
| | | | <p>quyền, nghĩa vụ của người đại diện không đủ điều kiện và chịu trách nhiệm đối với các giao dịch do mình là đại diện.</p> <p>4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại khoản 3 Điều này mà Tổng giám đốc chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật cho đến khi Tổng giám đốc trở lại làm việc tại Công ty.</p> | |
| 3 | Khoản 1, khoản 2, Điều 29 | <p>Điều 29. Điều kiện để nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3,5 và 6 Điều này.</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 5 và 6 Điều này.</p> | <p>Điều 29. Điều kiện để nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3,5 và 6 Điều này.</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 5 và 6 Điều này.</p> | Sửa đổi để phù hợp với khoản 5, Điều 7, Luật số 03/2022/QH15, ngày 11/01/2022 |
| 4 | Khoản 3, Điều 39 | <p>Điều 39. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>Chưa quy định</p> | <p>Điều 39. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>Các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 3 Điều lệ.</p> | Bổ sung một điểm để phù hợp với quy định tại Điều 3, Điều lệ sửa đổi |
| 5 | Khoản 2, Điều 41 | <p>Điều 41. Biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo</p> | <p>Điều 41. Biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g,</p> | Sửa đổi để phù hợp với quy định tại khoản 6, Điều 7, Luật số 03/2022/QH15, ngày 11/01/2022 |

| TT | ĐIỀU/KHOẢN | NỘI DUNG HIỆN TẠI | NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | LÝ DO |
|-----------|---|---|--|--|
| | | <p>quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.</p> | <p>h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.</p> | |
| 6 | <p>Điểm k, khoản 4, Điều 47</p> | <p>Điều 47. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc k) Quyết định và ký kết các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê tài sản và các hợp đồng, giao dịch khác liên quan đến việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.</p> | <p>Điều 47. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc k) Quyết định và ký kết các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê tài sản và các hợp đồng, giao dịch khác liên quan đến việc kinh doanh hằng ngày của Công ty trừ trường hợp không còn tư cách là người đại theo pháp luật của Công ty.</p> | <p>Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với nội dung quy định tại khoản 2 Điều 3.</p> |
| II | Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty | | | |
| 1 | <p>Khoản 1, khoản 2, Điều 18</p> | <p>Điều 18. Điều kiện để nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua. 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 5 và 6 Điều này. 2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 5 và 6 Điều này</p> | <p>Điều 18. Điều kiện để nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua. 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 5 và 6 Điều này. 2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 5 và 6 Điều này.</p> | <p>Sửa đổi để phù hợp với khoản 1, khoản 2, Điều 29 Điều lệ sửa đổi</p> |

| TT | ĐIỀU/KHOẢN | NỘI DUNG HIỆN TẠI | NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | LÝ DO |
|----|---------------------------|---|--|---|
| 2 | Khoản 4, Điều 53 | <p>Điều 53. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>Chưa quy định</p> | <p>Điều 53. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 3, Điều lệ Công ty.</p> | Bổ sung thêm một điểm để phù hợp với quy định tại Điều 3, Điều lệ sửa đổi |
| 3 | Điểm i, khoản 10, Điều 56 | <p>Điều 56. Cách thức biểu quyết, cách thức thông qua nghị quyết, uỷ quyền cho người khác tham dự họp, lập biên bản họp Hội đồng quản trị.</p> <p>i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 41 Điều lệ Công ty.</p> <p>....</p> <p>Trường hợp chủ tọa và Thư ký từ chối ký biên bản họp Hội đồng quản trị thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, h khoản 1 Điều 41 Điều lệ Công ty. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký biên bản họp.</p> | <p>Điều 56. Cách thức biểu quyết, cách thức thông qua nghị quyết, uỷ quyền cho người khác tham dự họp, lập biên bản họp Hội đồng quản trị.</p> <p>i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 41 Điều lệ Công ty.</p> <p>....</p> <p>Trường hợp chủ tọa và Thư ký từ chối ký biên bản họp Hội đồng quản trị thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, h khoản 1 Điều 41 Điều lệ Công ty. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký biên bản họp. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp</p> | Bổ sung để phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 41, Điều lệ sửa đổi |
| 4 | Điểm k, khoản 1, Điều 61 | <p>Điều 61. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc.</p> <p>Thiếu sót 1 điểm so với quy định tại Điều lệ</p> | <p>Điều 61. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc.</p> <p>k) Quyết định và ký kết các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê tài sản và các hợp đồng, giao</p> | Bổ sung điểm k, để phù hợp với khoản 4, Điều lệ sửa đổi |

| TT | ĐIỀU/KHOẢN | NỘI DUNG HIỆN TẠI | NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | LÝ DO |
|------------|--|--|--|---|
| | | | dịch khác liên quan đến việc kinh doanh hằng ngày của Công ty trừ trường hợp không còn tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty; | |
| III | Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty | | | |
| 1 | Phần căn cứ pháp lý | Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; | Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung số 03/2022/QH15, ngày 11/1/2022; | Bổ sung, cập nhật căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung số 03/2022/QH15 cho đầy đủ |
| 2 | Khoản 3, Điều 7 | Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị. 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: Chưa quy định | Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị. 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 3 của Điều lệ Công ty. | Bổ sung một điểm để phù hợp với Điều lệ sửa đổi |
| 3 | Khoản 2, Điều 16 | Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị. 2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. | Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị. 2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan. | Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với Điều lệ sửa đổi |

Tài liệu đính kèm:

- Dự thảo toàn văn Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh sửa đổi bổ sung kèm theo;
- Dự thảo toàn văn Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh sửa đổi bổ sung kèm theo;
- Dự thảo toàn văn Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh sửa đổi bổ sung kèm theo.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: NPTQTCT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Hữu Tấn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

*(Sửa đổi, bổ sung lần 7 và được ban hành lại theo Nghị quyết của
Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh năm 2023)*

Cam Ranh, tháng 4 năm 2023

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| PHẦN MỞ ĐẦU | 1 |
| CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG..... | 1 |
| MỤC 1: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ | 1 |
| Điều 1. Giải thích thuật ngữ | 1 |
| MỤC 2: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY | 2 |
| Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty | 2 |
| Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty | 3 |
| Điều 4. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Công ty | 4 |
| MỤC 3: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY | 4 |
| Điều 5. Mục tiêu hoạt động của Công ty | 4 |
| Điều 6. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty | 6 |
| CHƯƠNG II: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU | 6 |
| Điều 7. Vốn điều lệ..... | 6 |
| Điều 8. Cổ phần..... | 7 |
| Điều 9. Chào bán cổ phần..... | 7 |
| Điều 10. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty | 7 |
| Điều 11. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông..... | 8 |
| Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần | 8 |
| Điều 13. Thừa kế, tặng cho cổ phần | 9 |
| Điều 14. Chứng nhận cổ phiếu và chứng chỉ chứng khoán khác | 9 |
| Điều 15. Trả cổ tức | 9 |
| Điều 16. Sổ đăng ký cổ đông..... | 10 |
| MỤC 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC | 11 |
| Điều 17. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát..... | 11 |
| MỤC 2: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG | 11 |
| Điều 18. Quyền của cổ đông | 11 |

| | |
|--|----|
| Điều 19. Nghĩa vụ của cổ đông | 13 |
| Điều 20. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức..... | 14 |
| Điều 21. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức..... | 14 |
| Điều 22. Đại hội đồng cổ đông..... | 15 |
| Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông..... | 16 |
| Điều 24. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông..... | 17 |
| Điều 25. Thay đổi các quyền | 18 |
| Điều 26. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông..... | 18 |
| Điều 27. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông | 20 |
| Điều 28. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông..... | 20 |
| Điều 29. Điều kiện để nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua..... | 22 |
| Điều 30. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông | 23 |
| Điều 31. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông..... | 24 |
| Điều 32. Yêu cầu hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông..... | 25 |
| MỤC 3: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 25 |
| Điều 33. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị..... | 25 |
| Điều 34. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị | 26 |
| Điều 35. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị..... | 26 |
| Điều 36. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị..... | 27 |
| Điều 37. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị | 28 |
| Điều 38. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị | 30 |
| Điều 39. Chủ tịch Hội đồng quản trị | 30 |
| Điều 40. Cuộc họp của Hội đồng quản trị | 31 |
| Điều 41. Biên bản họp Hội đồng quản trị..... | 33 |
| Điều 42. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị | 34 |
| Điều 43. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị | 34 |
| Điều 44. Người phụ trách quản trị công ty | 34 |
| MỤC 4: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC | 35 |

| | |
|---|----|
| Điều 45. Tổ chức bộ máy quản lý | 35 |
| Điều 46. Người điều hành Công ty..... | 35 |
| Điều 47. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc..... | 35 |
| Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc..... | 36 |
| MỤC 5: BAN KIỂM SOÁT | 37 |
| Điều 49. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát..... | 37 |
| Điều 50. Thành phần Ban kiểm soát..... | 38 |
| Điều 51. Trưởng Ban kiểm soát | 38 |
| Điều 52. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát..... | 39 |
| Điều 53. Cuộc họp của Ban kiểm soát..... | 41 |
| Điều 54. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát..... | 41 |
| MỤC 6: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC | 41 |
| Điều 55. Trách nhiệm của người quản lý Công ty | 41 |
| Điều 56. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi | 42 |
| Điều 57. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này..... | 43 |
| Điều 58. Công khai lợi ích có liên quan | 44 |
| Điều 59. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường..... | 45 |
| MỤC 7: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY | 46 |
| Điều 60. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ | 46 |
| MỤC 8: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ,..... | 46 |
| TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI CƠ SỞ TRONG CÔNG TY..... | 46 |
| Điều 61. Công nhân viên và tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong Công ty | 47 |
| CHƯƠNG IV: QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC | 47 |
| Điều 62. Quản lý vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác | 47 |
| Điều 63. Quan hệ giữa Công ty với công ty TNHH một thành viên..... | 47 |
| Điều 64. Quan hệ giữa Công ty với công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên | 47 |

| | |
|--|----|
| CHƯƠNG V: TÀI CHÍNH CÔNG TY | 48 |
| MỤC 1: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN..... | 48 |
| Điều 65. Phân phối lợi nhuận | 48 |
| MỤC 2: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ | 48 |
| CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN | 48 |
| Điều 66. Tài khoản ngân hàng..... | 48 |
| Điều 67. Năm tài chính..... | 49 |
| Điều 68. Chế độ kế toán | 49 |
| MỤC 3: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN | 49 |
| Điều 69. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý | 49 |
| Điều 70. Báo cáo thường niên | 49 |
| Điều 71. Công khai thông tin | 49 |
| MỤC 4: KIỂM TOÁN CÔNG TY | 50 |
| Điều 72. Kiểm toán..... | 50 |
| MỤC 5: DẤU CỦA CÔNG TY | 50 |
| Điều 73. Dấu của Công ty | 50 |
| MỤC 6: GIẢI THỂ CÔNG TY | 50 |
| Điều 74. Giải thể công ty..... | 50 |
| Điều 75. Thanh lý | 50 |
| MỤC 7: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ..... | 51 |
| Điều 76. Giải quyết tranh chấp nội bộ..... | 51 |
| MỤC 8: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ | 51 |
| Điều 77. Điều lệ Công ty | 51 |
| MỤC 9: NGÀY HIỆU LỰC..... | 52 |
| Điều 78. Ngày hiệu lực..... | 52 |

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh (sau đây gọi là “Điều lệ”) được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh ngày 21 tháng 4 năm 2023.

Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh (sau đây được gọi tắt là “Công ty”) được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ này, các quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

MỤC 1: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- “**Luật Doanh nghiệp**” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- “**Luật Chứng khoán**” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- “**Ngày thành lập**” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
- “**Vốn điều lệ**” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán và theo quy định tại Điều 8 Điều lệ này;
- “**Vốn có quyền biểu quyết**” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- “**Người quản lý doanh nghiệp**” là người quản lý Công ty, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- “**Người điều hành doanh nghiệp**” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
- “**Người có liên quan**” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- “**Cổ đông**” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
- “**Cổ đông lớn**” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 05% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Công ty;
- “**Cổ phần đã bán**” là cổ phần được quyền chào bán đã được các cổ đông thanh toán đủ cho Công ty;
- “**Cổ phần được quyền chào bán**” là tổng số cổ phần các loại mà Đại hội đồng cổ đông quyết định sẽ chào bán để huy động vốn;
- “**Cổ phần chưa bán**” là cổ phần được quyền chào bán và chưa được thanh toán cho Công ty;
- “**Sở giao dịch chứng khoán**” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;
- “**Thời hạn hoạt động**” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều lệ này;

p) **“Đại hội đồng cổ đông”** là Đại hội đồng cổ đông của Công ty;

q) **“Hội đồng quản trị”** là Hội đồng quản trị của Công ty;

r) **“Ban kiểm soát”** là Ban kiểm soát của Công ty;

s) **“Tổng giám đốc”** là Tổng giám đốc của Công ty;

t) **“Kế toán trưởng”** là Kế toán trưởng Công ty;

u) **“Việt Nam”** là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

v) **“Pháp luật”** là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14 ngày 18 tháng 6 năm 2020.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung mà không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ khác đã được định nghĩa trong Bộ luật dân sự và Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

MỤC 2: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH**
- Tên tiếng Anh: **CAMRANH PORT JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt tiếng Việt: **CẢNG CAM RANH**
- Tên viết tắt tiếng Anh: **CAMRANH PORT**
- Loại hình công ty: Công ty cổ phần

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Địa chỉ trụ sở chính của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 29 đường Nguyễn Trọng Kỳ, phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

- Điện thoại: (0258) 3854307
- Fax: (0258) 3854536
- E-mail : mail@camranhport.vn
- Website : http://www.camranhport.vn

- Logo của Công ty :



Member of **VIMC** 

4. Công ty có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật hiện hành kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 74 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Việc phân chia quyền và nghĩa vụ giữa hai người đại diện theo pháp luật cụ thể như sau:

a) Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty có các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty khi Tổng giám đốc vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, hoặc bị Hội đồng quản trị Công ty miễn nhiệm, bãi nhiệm.

c) Việc phân chia quyền, nghĩa vụ đại diện nhằm phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ giữa các người đại diện theo pháp luật, phát huy tính chủ động, đề cao trách nhiệm trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, hạn chế việc chồng chéo về thẩm quyền trong công tác đại diện của Công ty; không làm thay đổi thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

d) Mỗi người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm riêng rẽ đối với thiệt hại gây ra cho Công ty theo quy định pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan trong phạm vi quyền và nghĩa vụ được phân chia theo Điều lệ này. Người đại diện theo pháp luật xác lập giao dịch với bên thứ ba không đúng thẩm quyền quy định của mình phải chịu trách nhiệm cá nhân với Công ty và cơ quan có thẩm quyền về những thiệt hại gây ra trong giao dịch đó. Việc xử lý hậu quả của các giao dịch do người đại diện không đúng thẩm quyền xác lập, thực hiện được thực hiện theo quy định của pháp luật.

e) Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nếu có vấn đề vướng mắc liên quan đến phạm vi chức danh do người đại diện theo pháp luật đảm nhận theo quy định tại Điều lệ và các quy phạm nội bộ của Công ty thì hai người đại diện theo pháp luật phối hợp với nhau để thực hiện; phải báo cáo thường xuyên và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị Công ty.

f) Trường hợp vì bất kỳ lý do nào có một người không đủ điều kiện làm người đại diện theo pháp luật của Công ty thì người còn lại sẽ đương nhiên thực hiện quyền, nghĩa vụ của người đại diện không đủ điều kiện và chịu trách nhiệm đối với các giao dịch do mình là đại diện.

3. Tổng giám đốc khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, Tổng giám đốc vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại khoản 3 Điều này mà Tổng giám đốc chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì **Chủ tịch Hội đồng quản trị** thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật cho đến khi Tổng giám đốc trở lại làm việc tại Công ty.

Điều 4. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

b) Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này.

MỤC 3: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 5. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|------------|---|-----------------|
| 1 | Bốc xếp hàng hóa | 5224 |
| 2 | Vận tải hành khách đường bộ khác | 4932 |
| 3 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ | 4933 |
| 4 | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương | 5012 |
| 5 | Vận tải hành khách đường thủy nội địa | 5021 |
| 6 | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa | 5022 |
| 7 | Vận tải hành khách ven biển và viễn dương | 5011 |
| 8 | Đại lý du lịch | 7911 |

| | | |
|----|--|------|
| 9 | Điều hành tua du lịch | 7912 |
| 10 | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Dịch vụ khách sạn; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày | 5510 |
| 11 | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống | 5610 |
| 12 | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch | 7920 |
| 13 | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa | 5210 |
| 14 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy | 5222 |
| 15 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ Logistics; dịch vụ giao nhận, kiểm đếm, đóng gói, nâng hạ hàng hóa; môi giới thuê tàu biển; cung ứng dịch vụ hàng hải; dịch vụ đại lý tàu biển; sửa chữa tàu biển; dịch vụ lai dắt tàu sông, tàu biển; dịch vụ cứu nạn, cứu hộ tàu sông, tàu biển; vệ sinh tàu và các hoạt động phụ trợ vận tải; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ khai thuế hải quan. | 5229 |
| 16 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê kho, bãi, văn phòng. | 6810 |
| 17 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa | 8299 |
| 18 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác | 4290 |
| 19 | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải | 3315 |
| 20 | Sửa chữa máy móc, thiết bị | 3312 |
| 21 | Sửa chữa thiết bị điện | 3314 |
| 22 | Sửa chữa thiết bị khác | 3319 |
| 23 | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp | 3320 |
| 24 | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn Chi tiết: Sửa chữa container | 3311 |
| 25 | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại | 2592 |
| 26 | Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác. Chi tiết: Dịch vụ vệ sinh container | 8129 |
| 27 | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện. Chi tiết: Chế biến dăm gỗ, mua bán nguyên liệu chế biến dăm gỗ. | 1629 |

| | | |
|----|--|------|
| 28 | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Mua bán xăng, dầu và các sản phẩm liên quan | 4730 |
| 29 | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan | 4661 |
| 30 | Cung ứng và quản lý nguồn lao động | 7830 |
| 31 | Cho thuê xe có động cơ | 7710 |
| 32 | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác | 7730 |
| 33 | Sản xuất điện Chi tiết: Sản xuất điện mặt trời | 3511 |

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

a) Tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty và cổ đông trên cơ sở xây dựng hệ thống quản lý, điều hành gọn nhẹ, hiệu lực, hiệu quả, ứng dụng công nghệ thông tin và công cụ quản lý tiên tiến, quản trị tốt nhất các nguồn lực và hoạt động sản xuất kinh doanh.

b) Xây dựng và phát triển thương hiệu của Công ty luôn là một doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực dịch vụ logistics; với chiến lược phát triển ổn định và bền vững trên nền tảng kinh doanh cốt lõi là dịch vụ quản lý khai thác cảng biển; chú trọng đầu tư có trọng tâm, trọng điểm phát triển cơ sở hạ tầng logistics, ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Công ty.

c) Đa dạng hóa các hình thức đầu tư, phát triển dịch vụ mới gắn kết với ngành nghề kinh doanh cốt lõi của Công ty.

d) Phát triển, đào tạo nguồn nhân lực chuyên môn chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh kết hợp với chính sách đãi ngộ tương xứng.

e) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước và trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng.

Điều 6. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với Cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư, pháp luật chuyên ngành có liên quan.

CHƯƠNG II:

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU

Điều 7. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Công ty là **245.018.170.000** đồng (bằng chữ: Hai trăm bốn mươi lăm tỷ không trăm mười tám triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng).

2. Vốn điều lệ được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND).

3. Vốn điều lệ được sử dụng vào các mục đích theo quy định của pháp luật.

4. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Công ty có thể giảm vốn điều lệ trong các trường hợp sau đây:

a) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu của họ trong Công ty và đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông;

b) Công ty mua lại cổ phần đã bán theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 Điều lệ này.

Việc giảm vốn điều lệ của Công ty phải bảo đảm vốn điều lệ sau khi giảm không được thấp hơn vốn pháp định theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 8. Cổ phần

1. Mỗi cổ phần của Công ty có mệnh giá là **10.000 VND** (Bằng chữ: mười nghìn đồng).

2. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thông qua được chia thành **24.501.817** cổ phần (Bằng chữ: Hai mươi bốn triệu, năm trăm lẻ một ngàn, tám trăm mười bảy).

3. Cổ phần Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.

4. Công ty có thể phát hành cổ phần ưu đãi. Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi.

5. Người được quyền mua cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

6. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu cổ phần đó có các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

7. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 9. Chào bán cổ phần

1. Chào bán cổ phần là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán để tăng vốn điều lệ.

2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo các hình thức sau đây:

a) Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu;

b) Chào bán cổ phần riêng lẻ;

c) Chào bán cổ phần ra công chúng.

3. Chào bán cổ phần của Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

Điều 10. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong mỗi 12 tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty theo trình tự, thủ tục sau đây:

a) Quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức để bảo đảm đến được tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải gồm tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá trị mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty;

b) Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nói trên.

4. Ngoài các quy định nêu trên, việc Công ty mua lại cổ phần còn phải thực hiện theo quy định tại Điều 36 Luật Chứng khoán.

5. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần mua lại được thực hiện theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp.

Điều 11. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần mua lại được thực hiện theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp và Điều 36 Luật Chứng khoán.

Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp cổ phần hạn chế chuyển nhượng được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng.

2. Việc chuyển nhượng cổ phiếu đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Việc chuyển nhượng cổ phần chưa được niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán thực hiện bằng hợp đồng. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ

ký.

4. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Thừa kế, tặng cho cổ phần

1. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của Công ty.

2. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

3. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của Công ty.

4. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này và Điều 12 Điều lệ này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ được quy định tại khoản 2 Điều 122 Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

Điều 14. Chứng nhận cổ phiếu và chứng chỉ chứng khoán khác

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

5. Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 15. Trả cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng

đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
- b) Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật;
- c) Ngay sau khi trả hết cổ tức, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.

4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng lý cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.

5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại Điều 9 Điều lệ này. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

Điều 16. Sổ đăng ký cổ đông

1. Sổ đăng ký cổ đông được lập và lưu giữ dưới dạng văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông Công ty.

2. Sổ đăng ký cổ đông bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán từng loại;
- c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
- d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
- e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông Công ty trong sổ đăng ký cổ đông.

4. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc

không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông. Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ công ty.

CHƯƠNG III: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

MỤC 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 17. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Tổng Giám đốc.

MỤC 2: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 18. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại điều 132 của Luật Doanh nghiệp;
- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

1) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

6. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Công ty hoặc người khác theo quy định tại Điều 166 Luật Doanh nghiệp.

Điều 19. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Công ty, của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật;

9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 20. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức

1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

2. Việc cử người đại diện theo ủy quyền của tổ chức là cổ đông của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

a) Sở hữu từ 10% đến 20% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền 01 người đại diện theo ủy quyền;

b) Sở hữu trên 20% đến 30% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 02 người đại diện theo ủy quyền;

c) Sở hữu trên 30% đến 50% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện theo ủy quyền;

d) Sở hữu trên 50% đến 75% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 04 người đại diện theo ủy quyền;

e) Sở hữu trên 75% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 05 người đại diện theo ủy quyền.

3. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.

4. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được văn bản. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;

b) Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng người đại diện theo ủy quyền;

d) Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện;

e) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.

5. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Không có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp.

Điều 21. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức

1. Người đại diện theo ủy quyền nhân danh cổ đông thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này. Mọi hạn chế của

cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông tương ứng tại Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba.

2. Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; thực hiện quyền, nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông cử đại diện.

3. Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước cổ đông cử đại diện do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này. Cổ đông cử đại diện chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

Điều 22. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt là thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại;

5. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Điều lệ này.

Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Thông qua định hướng phát triển Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- f) Thông qua Báo cáo tài chính hàng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;

- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 57 Điều lệ này với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 57 Điều lệ này;
- s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 24. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình

thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 25. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 27, 28 và 29 Điều lệ này.

Điều 26. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội;

- c) Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội;
- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;
- f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g) Các công việc khác phục vụ Đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

7. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.

Điều 27. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 28. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;
- b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không đảm bảo cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định

tại Điều 144 Luật doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 29. Điều kiện để nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông **tham dự và biểu quyết tại cuộc họp** tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 5 và 6 Điều này:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

f) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông **tham dự và biểu quyết tại cuộc họp** tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 5 và 6 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

6. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 30. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 23 của Điều lệ này;

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Điều lệ này;

3. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 31. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng

quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản cuộc họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố trên trang thông tin điện tử theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 32. Yêu cầu hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 29 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty. Trường hợp nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có nghị quyết bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

MỤC 3: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 33. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông: sở hữu từ 10% đến 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 ứng cử viên; sở hữu trên 20% đến 30% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 02 ứng cử viên; sở hữu trên 30% đến 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 03 ứng cử viên; sở hữu trên 50% đến 75% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 04 ứng cử viên và sở hữu trên 75% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 05 ứng cử viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Điều lệ này, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 35 Điều lệ này.

Điều 34. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người, bao gồm thành viên chuyên trách và không chuyên trách.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Trường hợp Công ty là công ty niêm yết thì số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo có tối thiểu 01 thành viên độc lập.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 36 Điều lệ này.

6. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 35. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d) Không phải là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất 03 năm liền kề trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 36. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 35 của Điều lệ này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

c) Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ này. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị không bảo đảm số lượng theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Điều lệ này;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 37. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền, nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền, nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 10 Điều lệ này;

f) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

g) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và giới hạn theo quy định của pháp luật;

h) Quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư mua sắm không nằm trong kế hoạch kinh doanh, đầu tư hàng năm có giá trị đầu tư dưới 15 tỷ đồng hoặc khoản đầu tư nằm trong kế hoạch kinh doanh, đầu tư hàng năm nhưng phát sinh tổng giá trị các khoản đầu tư vượt kế hoạch dưới 10%. Tổng giá trị các khoản đầu tư phát sinh không vượt quá 10% và 20 tỷ đồng so với tổng kế hoạch ngân sách đầu tư hàng năm đã được phê duyệt.

i) Quyết định bán tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

j) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công

ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 23, khoản 4 Điều 57 Điều lệ này;

k) Phân cấp hoặc ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định đối với phương án đầu tư và dự án đầu tư; phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thuê, cho thuê tài sản cố định; quy chế nội bộ của Công ty;

l) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng giám đốc;

m) Cử người đại diện theo uỷ quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

n) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng theo đề nghị của Tổng giám đốc;

o) Chấp thuận đề Tổng giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh Giám đốc các chi nhánh trực thuộc, Trưởng phòng và tương đương;

p) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

q) Quyết định thay đổi và hình thức, nội dung logo của Công ty;

r) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

s) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

t) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

u) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

v) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

w) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

x) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện;

y) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Điều lệ này;

b) Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên Hội đồng quản trị độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị;

e) Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);

f) Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc;

g) Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;

h) Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 38. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 39. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều lệ Công ty.

b) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

c) Chuẩn bị trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

d) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

f) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

g) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị; ký các văn bản khác để xử lý công việc thuộc quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị;

h) Đảm bảo các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét;

i) Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

j) Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công;

k) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 40. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường. Đối với các vấn đề phát sinh giữa hai phiên họp của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tổ chức lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần tham luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị

chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Kết quả biểu quyết bằng Phiếu lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như các Nghị quyết, quyết định trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị.

Điều 41. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. **Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.**

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 42. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu người điều hành doanh nghiệp cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người điều hành doanh nghiệp được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 43. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 44. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

MỤC 4: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 45. Tổ chức bộ máy quản lý

1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.

2. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 46. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 47. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này.

4. Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức, thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh Giám đốc các chi nhánh trực thuộc, Trưởng phòng và tương đương sau khi đã được Hội đồng quản trị chấp thuận;
- f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty và người thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty có vốn góp của Công ty; quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- j) Trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động hằng năm;
- k) Quyết định và ký kết các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê tài sản và các hợp đồng, giao dịch khác liên quan đến việc kinh doanh hằng ngày của Công ty **trừ trường hợp không còn tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty;**
- l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy chế nội bộ của Công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

5. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp khi được yêu cầu.

6. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho Công ty.

7. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế. Trong thời gian thực hiện thủ tục bổ nhiệm Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị quyết định việc giao nhiệm vụ cho một người quản lý doanh nghiệp hoặc một người điều hành doanh nghiệp khác thực hiện quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc và đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý Công ty, Kiểm soát viên của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ;
- c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

2. Đương nhiên mất tư cách, thay thế Tổng giám đốc trong các trường hợp sau:

- a) Mất năng lực hành vi dân sự, chết;
- b) Vi phạm quy định của pháp luật về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;

c) Khi bị Tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc bị Tòa án cấm đảm nhận chức vụ, cấm hành nghề hoặc công việc nhất định;

d) Công ty bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;

3. Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;

b) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty trước khi ngừng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình ít nhất 45 ngày;

d) Theo quyết định của Hội đồng quản trị;

e) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật hiện hành.

MỤC 5: BAN KIỂM SOÁT

Điều 49. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty khác);

e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

f) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông: sở hữu từ 10% đến 40% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 ứng cử viên; sở hữu trên 40% đến 65% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 02 ứng cử viên; sở hữu trên 65% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 03 ứng cử viên;

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới

thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 50. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

e) Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phân vốn của doanh nghiệp, người đại diện phân vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty;

f) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

g) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

5. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 51. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán,

kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 52. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 18 của Điều lệ này.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 18 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 55 Điều lệ này phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

13. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

14. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

15. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

16. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ này của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

17. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

18. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

19. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

20. Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát phải đảm bảo các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 54 Điều lệ này.

b) Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát.

c) Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty.

f) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

21. Có quyền được cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh nghiệp.

22. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 53. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 54. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

MỤC 6: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 55. Trách nhiệm của người quản lý Công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ này, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 58 của Điều lệ này;

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo Điều lệ này và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; Giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty và bên thứ ba.

Điều 56. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao

dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 57. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này

1. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.

2. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.

3. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ trường hợp Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ này và trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Công ty chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;

Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc mà Công ty và tổ chức đó là các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ này;

b) Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 58 Điều lệ này;

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

d) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 5 Điều này.

5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với một trong các đối tượng quy định tại điểm b khoản 4 Điều này và có giá trị trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ các hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm c khoản 4 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và phải gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

6. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 4 Điều này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 29 và khoản 8 Điều 30 của Điều lệ này.

7. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

8. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 58. Công khai lợi ích có liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được

thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;

4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công ty;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;

d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định của Công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Điều 59. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

MỤC 7: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 60. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

MỤC 8: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI CƠ SỞ TRONG CÔNG TY

Điều 61. Công nhân viên và tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong Công ty

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

3. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong Công ty hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và điều lệ của tổ chức.

4. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng và không được cản trở, gây khó khăn cho việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong Công ty; không được cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này.

CHƯƠNG IV: QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 62. Quản lý vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác

1. Công ty quyết định thành lập và đầu tư, góp vốn, mua cổ phần tại doanh nghiệp khác; quyết định chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác phù hợp với chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty và theo quy định của pháp luật.

2. Quyền, nghĩa vụ của Công ty đối với doanh nghiệp và vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ doanh nghiệp và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan. Công ty cử người đại diện theo ủy quyền trực tiếp thay mặt Công ty quản lý vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo ủy quyền được quy định tại Điều lệ doanh nghiệp hoặc quy chế quản lý nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.

Điều 63. Quan hệ giữa Công ty với công ty TNHH một thành viên

Hội đồng quản trị thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với công ty TNHH một thành viên do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty do Hội đồng quản trị phê duyệt.

Điều 64. Quan hệ giữa Công ty với công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên

1. Doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty được thành lập, tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật có liên quan và Điều lệ của doanh nghiệp đó.

2. Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc thành viên, bên liên doanh theo quy định của pháp luật và Điều lệ của doanh nghiệp đó.

3. Công ty quản lý vốn đầu tư thông qua người đại diện theo ủy quyền tại doanh nghiệp đó.

4. Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với phần vốn góp ở doanh nghiệp thông qua người đại diện theo ủy quyền để thực hiện quyền của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh.

5. Hội đồng quản trị yêu cầu người đại diện theo ủy quyền thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

CHƯƠNG V: TÀI CHÍNH CÔNG TY

MỤC 1: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 65. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

MỤC 2: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 66. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 67. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 68. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

MỤC 3: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 69. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 70. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 71. Công khai thông tin

1. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của mình thông tin sau đây:

- a) Điều lệ công ty;
- b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc công ty;
- c) Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

3. Công ty thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

MỤC 4: KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 72. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

MỤC 5: DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 73. Dấu của Công ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và cá nhân sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật.

MỤC 6: GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 74. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 75. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó có 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất

cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

MỤC 7: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 76. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu được chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

MỤC 8: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 77. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với

điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

MỤC 9: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 78. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 05 Chương 78 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh biểu quyết nhất trí thông qua ngày 21 tháng 04 năm 2022 tại trụ sở Công ty, địa chỉ số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành năm (05) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị./.

Cam Ranh, ngày 21 tháng 04 năm 2023.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Thắng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-CCR.HĐQT ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh)

Cam Ranh, tháng 04 năm 2023

MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| CHƯƠNG I | 1 |
| NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG | 1 |
| Điều 1. Giải thích từ ngữ..... | 1 |
| Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng..... | 1 |
| CHƯƠNG II | 1 |
| ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG | 1 |
| Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông..... | 1 |
| MỤC 1: | 3 |
| HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG | 3 |
| Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông..... | 3 |
| Điều 5. Chủ tọa, điều hành Đại hội đồng cổ đông..... | 4 |
| Điều 6. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp | 6 |
| Điều 7. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông..... | 6 |
| Điều 8. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông..... | 6 |
| Điều 9. Chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông | 7 |
| Điều 10. Việc ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông | 8 |
| Điều 11. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông..... | 8 |
| Điều 12. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông | 10 |
| Điều 13. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông | 10 |
| Điều 14. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội | 10 |
| Điều 15. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết..... | 11 |
| Điều 16. Cách thức bỏ phiếu bầu cử..... | 12 |
| Điều 17. Kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu..... | 13 |
| Điều 18. Điều kiện đề nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua..... | 13 |
| Điều 19. Cách thức phân đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông | 14 |
| Điều 20. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông..... | 14 |
| Điều 21. Công bố nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông..... | 15 |
| MỤC 2 | 16 |
| TRÌNH TỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN | 16 |

| | |
|--|-----------|
| Điều 22. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.... | 16 |
| Điều 23. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản..... | 16 |
| MỤC 3 | 18 |
| TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ĐỂ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN..... | 18 |
| Điều 24. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến | 18 |
| Điều 25. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến | 18 |
| Điều 26. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử..... | 19 |
| Điều 27. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến | 19 |
| Điều 28. Điều kiện tiến hành | 20 |
| Điều 29. Thảo luận tại Đại hội đồng cổ đông trực tuyến..... | 20 |
| Điều 30. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trực tuyến..... | 21 |
| Điều 31. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến | 21 |
| Điều 32. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến | 22 |
| Điều 33. Thông báo kết quả kiểm phiếu | 23 |
| Điều 34. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông | 23 |
| Điều 35. Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông | 23 |
| MỤC 4 | 23 |
| TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN KẾT HỢP TRỰC TUYẾN | 23 |
| Điều 36. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông..... | 23 |
| Điều 37. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông..... | 24 |
| Điều 38. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông | 24 |
| Điều 39. Điều kiện tiến hành | 25 |
| Điều 40. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông | 25 |
| Điều 41. Cách thức bỏ phiếu..... | 25 |
| Điều 42. Cách thức kiểm phiếu..... | 25 |
| Điều 43. Thông báo Kết quả kiểm phiếu | 25 |
| Điều 44. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông | 25 |
| Điều 45. Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông | 26 |
| CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 26 |
| Điều 46. Vai trò, quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị..... | 26 |

| | |
|---|-----------|
| Điều 47. Số lượng, nhiệm kỳ, cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của TV Hội đồng quản trị | 27 |
| Điều 48. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị..... | 28 |
| Điều 49. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị..... | 28 |
| Điều 50. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị | 29 |
| Điều 51. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị. | 29 |
| Điều 52. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị..... | 29 |
| Điều 53. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị | 30 |
| Điều 54. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị | 31 |
| Điều 55. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị..... | 32 |
| Điều 56. Cách thức biểu quyết, cách thức thông qua nghị quyết, ủy quyền cho người khác tham dự họp, lập biên bản họp Hội đồng quản trị..... | 33 |
| Điều 57. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị..... | 36 |
| Điều 58. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty | 36 |
| CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT | 37 |
| Điều 59. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát..... | 37 |
| Điều 60. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát | 40 |
| CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC | 42 |
| Điều 61. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc | 42 |
| Điều 62. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc | 43 |
| CHƯƠNG VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC | 45 |
| Điều 63. Nguyên tắc phối hợp công tác..... | 45 |
| Điều 64. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc | 45 |
| Điều 65. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc | 47 |
| Điều 66. Phối hợp khác..... | 50 |
| CHƯƠNG VII..... | 50 |
| QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA CÔNG TY..... | 50 |
| Điều 67. Phương thức đánh giá hoạt động của người quản lý, người điều hành của Công ty | 50 |
| Điều 68. Nguyên tắc áp dụng các hình thức kỷ luật | 51 |

| | |
|--|-----------|
| Điều 69. Khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị | 51 |
| Điều 70. Khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Ban kiểm soát..... | 51 |
| Điều 71. Khen thưởng và kỷ luật đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng | 51 |
| Điều 72. Trách nhiệm về thiệt hại..... | 52 |
| CHƯƠNG VIII. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ..... | 52 |
| Điều 73. Sửa đổi, bổ sung Quy chế..... | 52 |
| Điều 74. Hiệu lực | 52 |
| Điều 75. Tổ chức thực hiện..... | 53 |

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

- a) “Công ty” có nghĩa là Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh;
- b) “Điều lệ Công ty” là Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua và chấp thuận ban hành;
- c) “Đại hội đồng cổ đông” hoặc “ĐHĐCĐ” là Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh;
- d) “Hội đồng quản trị” hoặc “HDQT” là Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh;
- e) “Ban kiểm soát” là Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh;
- f) “Ban điều hành” bao gồm: Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh;
- g) “UBCKNN” là Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- h) “SGDCK” là Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;
- i) “TTLKCK” là Trung tâm lưu ký chứng khoán;

2. Các thuật ngữ khác được sử dụng trong Quy chế này có nghĩa như trong Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

CHƯƠNG II

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Thông qua định hướng phát triển Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

- d) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- f) Thông qua Báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m) Quyết định việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ; thời điểm và phương thức huy động vốn;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
- e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

- n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 57 Điều lệ Công ty với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 57 Điều lệ Công ty;
 - s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

MỤC 1:

HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. *Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên:* Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. *Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:*

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại không đáp ứng số lượng tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều 154 và khoản 1 Điều 168 Luật Doanh nghiệp hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c, d khoản 3 Điều 22 Điều lệ Công ty;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b Khoản này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả các chi phí cho

việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

3. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Điều lệ Công ty.

Điều 5. Chủ tọa, điều hành Đại hội đồng cổ đông

1. Chủ tọa và Đoàn Chủ tọa

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

d) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

e) Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

- Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

- Một số quyền và nghĩa vụ khác của Chủ tọa theo quy định của luật hiện hành.

f) Đoàn Chủ tọa gồm Chủ tọa và các thành viên do Ban tổ chức Đại hội giới thiệu để Đại hội biểu quyết thông qua. Đoàn chủ tọa sẽ cử 01 thành viên làm chủ tọa.

g) Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:

- Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

h) Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa: Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

2. Thư ký đại hội

a) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

b) Nhiệm vụ của Thư ký đại hội:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông/Đại biểu;
- Lập Biên bản họp và soạn thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tọa.

3. Ban kiểm phiếu

a) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

b) Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

- Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết;
- Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết;
- Thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

4. Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu:

a) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thành viên Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu phục vụ cuộc họp. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội bao gồm 01 Trưởng Ban và các thành viên.

b) Nhiệm vụ của Ban kiểm tra cổ đông/đại biểu:

- Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
- Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức tiến hành.

- Tham gia kiểm phiếu các nội dung khác trước khi thành lập Ban kiểm phiếu.

Điều 6. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp

1. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

3. Các thông tin cơ bản về cổ đông:

- Họ và tên;
- Địa chỉ liên hệ, quốc tịch, số và ngày cấp giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc số chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của cổ đông là tổ chức;

- Số lượng cổ phần từng loại;

- Số và ngày đăng ký cổ đông;

- Địa chỉ thư điện tử, số điện thoại nếu có.

Điều 7. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.

2. Hồ sơ thông báo thực hiện quyền đầy đủ, hợp lệ phải được gửi đến Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chậm nhất 08 ngày làm việc liền trước ngày đăng ký cuối cùng.

3. Công ty phải công bố thông tin ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và trên trang thông tin điện tử của Công ty theo đúng quy định của Luật chứng khoán và Quy chế công bố thông tin của Công ty.

4. Chuẩn bị chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông:

Hội đồng quản trị Công ty cần thống nhất một số nội dung sau trước khi tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

b) Thành lập Tổ giúp việc, Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu (nếu có nội dung bầu cử);

Điều 8. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc (*tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ*). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên,

địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 9. Chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

2. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Hội đồng quản trị thành lập Tổ giúp việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông để tham mưu, hỗ trợ Hội đồng quản trị trong công tác tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Tài liệu phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổng hợp trên cơ sở tài liệu do các phòng chuyên môn cung cấp dưới sự giám sát trực tiếp của Người phụ trách quản trị công ty và Tổ trưởng Tổ giúp việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông;
- c) Tài liệu phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải là tài liệu đã được Hội đồng quản trị thông qua nội dung và chấp thuận phát hành, công bố;
- d) Trong các trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông không do Hội đồng quản trị triệu tập, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu cần thiết phục vụ cuộc họp. Công ty có trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin, hỗ trợ Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoàn thiện tài liệu cuộc họp.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy chế này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông; số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 4 Điều này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

8. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.

Điều 10. Việc ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 11. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông) về Công ty.

b) Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:

- Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều này; (Trường hợp có nhiều hơn một đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu cử/biểu quyết được ủy quyền cho mỗi đại diện).
- Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
- Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với quy định của pháp luật.

c) Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có

trách nhiệm dùng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 12. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì Thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 13. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản bản và các hình thức khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Quy chế này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

1. Nguyên tắc chung

a) Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.

b) Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại Đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử. Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

2. Quy định về tính hợp lệ của phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử

a) Phiếu biểu quyết

➤ **Phiếu biểu quyết hợp lệ:** Là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

➤ **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:** Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu biểu quyết hợp lệ.

b) Phiếu bầu cử

➤ Phiếu bầu cử hợp lệ: Là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

➤ Phiếu bầu cử không hợp lệ:

- Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu bầu cử hợp lệ
- Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên cần bầu;
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
- Các quy định khác theo Quy chế bầu cử Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty.

Điều 15. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

1. Nguyên tắc chung

- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

- Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định.

2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết

a) Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn 01 lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.

b) Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất các nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

Điều 16. Cách thức bỏ phiếu bầu cử

1. Nguyên tắc chung

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát.

2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử

a) Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu

- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu;
- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;
- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra Đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);
- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu mới và phải nộp phiếu cũ;
- Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:
 - + Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên cần bầu;
 - + Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng;
 - + Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý: Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

- Nguyên tắc trúng cử:
 - + Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
 - + Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
 - + Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

b) Bầu cử theo phương thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 Quy chế này.

Điều 17. Kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

2. Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách thu phiếu bầu cử/thẻ/phiếu biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ/phiếu biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

3. Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

4. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 18. Điều kiện để nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông **tham dự và biểu quyết tại cuộc họp** tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 5 và 6 Điều này:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- f) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông **tham dự và biểu quyết tại cuộc họp** tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 5 và 6 Điều này.

3. Riêng việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

7. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 19. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu tòa án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 29 Điều lệ Công ty;

b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

2. Các trường hợp có yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Trường hợp nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có nghị quyết bị hủy bỏ có thể xem xét, tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình theo quy định tại Điều 11 Điều lệ Công ty.

Điều 20. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản cuộc họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 21. Công bố nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại diện Ban Thư ký trình bày dự thảo biên bản và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp;

2. Chủ tọa cuộc họp điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông xem xét, bổ sung nội dung dự thảo biên bản và nghị quyết cuộc họp nhưng không trái với kết quả biểu quyết đối với từng nội dung đã được thảo luận;

3. Chủ tọa cuộc họp điều hành Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung biên bản và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp.

4. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu họp đính kèm biên bản (nếu có) phải được công bố thông tin theo quy định tại Quy chế công bố thông tin của Công ty.

5. Bế mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tuyên bố bế mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Tất cả các vấn đề trong chương trình họp đã được thảo luận và biểu quyết;

b) Kết quả biểu quyết đã được công bố;

c) Biên bản và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua.

MỤC 2

TRÌNH TỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN

Điều 22. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 23 của Điều lệ Công ty.

2. Việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có thể quyết định tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, ngoại trừ các vấn đề phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty được quy định tại Điều lệ Công ty.

4. Thông báo về lấy kiến cổ đông bằng văn bản và quy chế thực hiện phải được công bố thông tin theo quy định về quản trị công ty niêm yết (trường hợp Công ty đã niêm yết).

Điều 23. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

1. Lập danh sách cổ đông cần lấy ý kiến bằng văn bản. Quy trình lập danh sách thực hiện như đối với công tác tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông;

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất 10 ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Điều lệ Công ty;

3. Nội dung phiếu lấy ý kiến bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu

Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu

a) Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

b) Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

7. Lưu tài liệu

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ công ty.

b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

9. Phương thức gửi lại Phiếu lấy kiến, cách thức kiểm phiếu và công bố kết quả tuân thủ quy định tại khoản 5, 6, 7 và 8 Điều 30 Điều lệ Công ty.

MỤC 3

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ĐỂ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN

Điều 24. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức trực tuyến thay vì tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức gặp mặt trực tiếp nếu đánh giá thấy việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gặp mặt trực tiếp có thể không thực hiện được do dịch bệnh, quyết định của cơ quan quản lý nước có thẩm quyền hoặc các nguyên nhân bất khả kháng khác.

2. Công ty gửi thư mời hoặc thông báo mời họp được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến kèm theo văn bản có nội dung hướng dẫn xác nhận tư cách cổ đông đến từng cổ đông. Ban tổ chức đại hội phải thông báo các tài liệu hướng dẫn/quy định đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và các thông tin cần thiết khác cho cổ đông chậm nhất là 21 ngày, trước ngày diễn ra Đại hội trực tuyến.

Điều 25. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:

1. Điều kiện tham gia:

- Có tên trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ được lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.
- Đại diện ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Yêu cầu kỹ thuật:

Cổ đông cần có thiết bị điện tử kết nối internet (ví dụ: máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet...).

3. Cách thức ghi nhận cổ đông tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

Cổ đông được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi cổ đông đó thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo quy định tại Điều 26 Quy chế này và đã thực hiện bỏ phiếu điện tử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 26. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử

1. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo mời họp (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng quản trị quy định). Cổ đông phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có Đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

2. Khi cổ đông có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức Đại hội có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.

3. Cổ đông sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử theo nội dung của Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

4. Cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến sau khi cuộc họp đã khai mạc thì vẫn được đăng ký tham dự và có quyền biểu quyết sau khi hoàn thành đăng ký. Ban chủ tọa không được dừng cuộc họp để cổ đông đăng ký tham dự và hiệu lực của các vấn đề đã tiến hành biểu quyết không bị ảnh hưởng.

Điều 27. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Việc ủy quyền cho người đại diện tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện tương tự theo quy định tại Điều 10 Quy chế này và được gửi đến Công ty theo các phương thức đảm bảo đến được địa chỉ Công ty trước thời gian khai mạc Đại hội.

2. Trường hợp cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử cho cá nhân/tổ chức khác thì cổ đông và người được ủy quyền chịu trách nhiệm đối với việc ủy quyền và kết quả bỏ phiếu điện tử theo Tài khoản truy cập đã được cấp.

3. Một số quy định cần lưu ý khi thực hiện ủy quyền trực tuyến:

3.1. Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền trực tuyến, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.

Hiệu lực của ủy quyền trực tuyến: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến.
- Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.
- Công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước lúc Đại hội khai mạc chính thức.

3.2. Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến

a) Cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho Công ty trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.

b) Hủy bỏ ủy quyền sẽ bị vô hiệu lực nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 28. Điều kiện tiến hành

1. Điều kiện để cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo quy định tại Điều 12 Quy chế này.

2. Hệ thống tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đường truyền của Hệ thống tại địa điểm tổ chức Đại hội phải liên tục, ổn định, đảm bảo sự tham dự của các cổ đông không bị gián đoạn. Trường hợp việc tổ chức đại hội bị gián đoạn tại địa điểm họp thì Ban chủ tọa phải tóm tắt lại diễn biến nội dung phần gián đoạn đó;

b) Địa điểm họp phải đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, đường truyền, nguồn điện, phương tiện điện tử và các trang thiết bị khác theo yêu cầu và tính chất của cuộc họp trực tuyến;

c) Đảm bảo an toàn thông tin, giữ bí mật Tài khoản truy cập vào Hệ thống. Mọi thông tin tiếp nhận và cung cấp trên Hệ thống đảm bảo nguyên tắc bảo mật thông tin và phù hợp với các quy định của Luật An toàn thông tin mạng;

d) Dữ liệu điện tử của chương trình Đại hội trực tuyến phải được lưu giữ, trích xuất được từ Hệ thống.

Điều 29. Thảo luận tại Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông;
- Chỉ có cổ đông mới được tham gia thảo luận;
- Cổ đông có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại quy chế làm việc của đại hội;

- Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa.

2. Giải đáp ý kiến của các cổ đông:

- Trên cơ sở nội dung thảo luận của cổ đông, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của cổ đông;

- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời sau.

Điều 30. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp bằng phiếu điện tử hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Quy chế này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết bằng phiếu điện tử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 31. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến

1. Cổ đông có thể thực hiện quyền biểu quyết thông qua hình thức bỏ phiếu trực tuyến.

2. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:

➤ Việc bỏ phiếu trực tuyến được thực hiện như sau:

a) Cổ đông sử dụng Tài khoản truy cập để đăng nhập vào trang web theo hướng dẫn được gửi kèm theo Thông báo mời hoặc và được đăng tải trên website Công ty để thực hiện biểu quyết;

b) Cổ đông quyết định chọn biểu quyết bằng hình thức đánh dấu chọn vào 01 trong 03 ô tương ứng “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không ý kiến” đối với từng nội dung xin ý kiến của cổ đông trên Hệ thống;

c) Cổ đông có quyền biểu quyết là cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến tính đến thời điểm biểu quyết và số lượng cổ đông này là cơ sở để tính tỷ lệ phiếu biểu quyết của cổ đông. Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến nhưng không thực hiện biểu quyết thì được hiểu là cổ đông đó bỏ phiếu “Không ý kiến” đối với các nội dung xin ý kiến cổ đông tương ứng.

d) Sau đó, cổ đông tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

3. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử

a) Trường hợp cổ đông không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình Đại hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như cổ đông không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó.

b) Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình đại hội đã gửi, cổ đông có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu cổ đông không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh thì xem như cổ đông không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó.

c) Cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của Đại hội.

d) Trong trường hợp, Đại biểu thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên khác với (lớn hơn hoặc nhỏ hơn) tổng số phiếu bầu của Đại biểu đại diện được tính tại thời gian kiểm phiếu bầu cử.

e) Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong quy chế làm việc tại Đại hội. Đại biểu có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ cổ đông.

f) Khi điều hành Đại hội, Ban chủ tọa phải thông báo thời điểm kết thúc bỏ phiếu trên Hệ thống để cổ đông thực hiện quyền của mình. Trường hợp cổ đông gặp trục trặc về việc bỏ phiếu trên Hệ thống có thể liên hệ về số hotline theo thông báo của Ban tổ chức Đại hội để được hướng dẫn, hỗ trợ hoàn thành việc bỏ phiếu. Kể từ thời điểm Hệ thống đóng nội dung bỏ phiếu, cổ đông không có quyền thay đổi bất cứ nội dung nào đã bỏ phiếu, kết quả bỏ phiếu của cổ đông được ghi nhận trên Hệ thống theo Tài khoản truy cập là kết quả cuối cùng và không được phép khiếu nại/khiếu kiện liên quan đến kết quả này.

4. Thời điểm biểu quyết

a) Cổ đông có quyền biểu quyết từ thời điểm khai mạc Đại hội trực tuyến đến trước thời điểm kết thúc biểu quyết. Trường hợp cổ đông đã biểu quyết nhưng muốn thay đổi ý kiến thì phải thực hiện thay đổi trước thời điểm kết thúc biểu quyết. Ý kiến biểu quyết sau cùng được Hệ thống ghi nhận trước thời điểm kết thúc biểu quyết là ý kiến hợp lệ và được ghi nhận vào kết quả kiểm phiếu;

b) Để bảo đảm diễn biến liên tục và tập trung thời gian cho phần diễn biến của đại hội, cổ đông tham dự khi đăng nhập Hệ thống có thể tiến hành biểu quyết về chương trình đại hội, thành phần Ban kiểm phiếu và nội dung sửa đổi về quy chế tổ chức Đại hội (nếu có). Thời gian kết thúc biểu quyết của các nội dung này trên Hệ thống sẽ được Ban tổ chức thông báo tại thời điểm khai mạc Đại hội trực tuyến;

c) Các kết quả bỏ phiếu được tính theo tại thời điểm cổ đông thực hiện bỏ phiếu điện tử nên việc kết nối của cổ đông bị ngắt đột ngột (nếu có) chỉ ảnh hưởng đến các nội dung chưa bỏ phiếu, các nội dung đã bỏ phiếu không bị ảnh hưởng;

d) Trước khi thời hạn biểu quyết kết thúc, cổ đông chỉ được biết kết quả bỏ phiếu của mình. Sau khi thời hạn biểu quyết kết thúc, cổ đông sẽ biết được kết quả biểu quyết chung đối với từng nội dung do Ban chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố.

Điều 32. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến

1. Chủ tọa giới thiệu một hoặc một số người làm thành viên Ban kiểm phiếu để Đại hội biểu quyết thông qua, Ban kiểm phiếu có các quyền và nghĩa vụ như sau:

- Hướng dẫn cho cổ đông cách thức biểu quyết tại Đại hội trực tuyến;

- Tiến hành kiểm phiếu biểu quyết;
- Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu biểu quyết cho Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Hệ thống phần mềm sẽ tự động thống kê, tổng hợp, số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

Điều 33. Thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội có trách nhiệm kiểm tra kết quả bỏ phiếu điện tử để tổng hợp kết quả biểu quyết.

2. Kết quả biểu quyết được Ban Chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố ngay tại Đại hội trực tuyến.

Điều 34. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Nội dung họp Đại hội trực tuyến được Ban thư ký ghi chép và lập thành Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 20 Quy chế này. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được ghi nhận là nơi Ban Chủ tọa điều hành đại hội.

2. Biên bản cuộc họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội trực tuyến.

Điều 35. Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Bản sao biên bản, nghị quyết cuộc họp phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ.

2. Công ty phải tổ chức công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật chứng khoán và Quy chế công bố thông tin của Công ty.

MỤC 4

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP KẾT HỢP TRỰC TUYẾN

Điều 36. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị Công ty họp, ra quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp với trực tuyến và thống nhất thông qua các nội dung, chương trình đại hội.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các công việc theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi Thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (*tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ*).

➤ Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- Phiếu biểu quyết (đối với cổ đông tham dự trực tiếp).

* Đối với các cổ đông tham dự trực tuyến: Công ty gửi thư mời tham dự Đại hội trực tuyến kèm theo văn bản có nội dung hướng dẫn xác nhận tư cách cổ đông đến từng cổ đông. Ban tổ chức đại hội phải thông báo các tài liệu hướng dẫn/quy định đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và các thông tin cần thiết khác cho cổ đông trước ngày diễn ra Đại hội trực tuyến.

Điều 37. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Đối với cổ đông tham dự trực tiếp

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Đối với cổ đông tham dự trực tuyến

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 31 Quy chế này.

Điều 38. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đối với cổ đông tham dự trực tiếp

a) Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

b) Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

2. Đối với cổ đông tham dự trực tuyến

a) Việc ủy quyền cho người đại diện tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện tương tự theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và được gửi đến Công ty bằng các phương thức đảm bảo đến được địa chỉ Công ty trước thời gian khai mạc đại hội.

b) Trường hợp cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử cho cá nhân/tổ chức khác thì cổ đông và người được ủy quyền chịu trách nhiệm đối với việc ủy quyền và kết quả bỏ phiếu điện tử theo Tài khoản truy cập đã được cấp.

Điều 39. Điều kiện tiến hành

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến được tiến hành khi đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 28 Quy chế này.

2. Hệ thống tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 31 Quy chế này.

Điều 40. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp bằng phiếu biểu quyết hoặc bằng phiếu điện tử hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy chế này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bằng phiếu biểu quyết hoặc bằng phiếu điện tử.

Điều 41. Cách thức bỏ phiếu

1. Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một đơn vị biểu quyết.

2. Với cổ đông tham dự và biểu quyết trực tiếp tại địa điểm họp: Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

3. Với cổ đông tham dự và biểu quyết trực tuyến thông qua hệ thống trực tuyến: Cổ đông có thể thực hiện quyền biểu quyết thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử. Việc bỏ phiếu điện tử được thực hiện theo quy định tại Điều 31 Quy chế này.

4. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

Điều 42. Cách thức kiểm phiếu

1. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

2. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của chủ tọa.

Điều 43. Thông báo Kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp; trường hợp việc kiểm phiếu kéo dài sang ngày hôm sau thì Chủ tọa có trách nhiệm thông báo cho cổ đông dự họp kết quả kiểm phiếu thông qua website của Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Điều 44. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Nội dung họp Đại hội trực tiếp kết hợp với trực tuyến được Ban thư ký ghi chép và lập thành Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.

2. Biên bản cuộc họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội trực tuyến.

Điều 45. Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Bản sao biên bản, nghị quyết cuộc họp phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ.
2. Công ty phải tổ chức công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Chứng khoán và Quy chế công bố thông tin của Công ty.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 46. Vai trò, quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền, nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền, nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm sau:

- a) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty;
- b) Đối xử bình đẳng đối với tất cả các cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
- c) Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty;
- d) Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty;
- e) Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
- f) Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- g) Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
- h) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty;
- i) Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- j) Báo cáo tình hình quản trị công ty tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

k) Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế này.

3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung

cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 47. Số lượng, nhiệm kỳ, cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng, nhiệm kỳ, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 34 Điều lệ Công ty.

b) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

c) Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

d) Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Trường hợp Công ty là công ty niêm yết thì số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo có tối thiểu 01 thành viên độc lập.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d) Không phải là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ.

Điều 48. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Ứng viên được Hội đồng quản trị đề cử thêm phải có mặt tại Đại hội đồng cổ đông;

2. Ứng viên phải báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 33 Điều lệ Công ty;

3. Cổ đông hoặc bất kỳ thành viên nào của Đoàn Chủ tịch, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đương nhiệm đều có quyền đặt câu hỏi về lý lịch và chuyên môn.

4. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định sau:

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông: sở hữu từ 10% đến 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 ứng cử viên; sở hữu trên 20% đến 30% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 02 ứng cử viên; sở hữu trên 30% đến 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 03 ứng cử viên; sở hữu trên 50% đến 75% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 04 ứng cử viên và sở hữu trên 75% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 05 ứng cử viên.

b) Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 49. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Nguyên tắc bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo Điều lệ Công ty. Theo đó, việc bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Người trúng cử được xác định theo số phiếu từ cao xuống thấp cho đến khi đủ số thành viên quy định. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến) để bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau. Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo khoản 2 Điều 29 Điều lệ Công ty.

Điều 50. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 35 của Điều lệ Công ty;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

c) Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 51. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Việc thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị của Công ty phải được công bố thông tin trên website của Công ty và phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK theo các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 52. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cần

trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

Điều 53. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 3 của Điều lệ Công ty.

b) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

c) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

d) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

f) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

g) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị; ký các văn bản khác để xử lý công việc thuộc quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị;

h) Đảm bảo các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét;

i) Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

j) Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công;

k) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Công ty;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

3. Việc bãi nhiệm cũng như bầu, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị được thực hiện khi có quyết định của Hội đồng quản trị. Quyết định này sẽ được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 54. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao cho công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện

những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 55. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm: Hội đồng quản trị họp định kỳ ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

b) Đề nghị nêu tại điểm a khoản này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần tham luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

c) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại điểm a khoản này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế triệu tập họp Hội đồng quản trị.

3. Thông báo họp Hội đồng quản trị

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

b) Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

4. Quyền dự họp của thành viên Ban kiểm soát

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

b) Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 56. Cách thức biểu quyết, cách thức thông qua nghị quyết, ủy quyền cho người khác tham dự họp, lập biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều lệ Công ty;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

3. Biểu quyết

a) Trừ quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có 01 phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

4. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

5. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại khoản 2 Điều 37 Điều lệ Công ty.

6. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

7. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

8. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

9. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

a) Thành viên Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị bằng văn bản gửi đến Chủ tịch Hội đồng quản trị trước ngày tổ chức họp ít nhất 01 ngày làm việc.

b) Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

10. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 41 Điều lệ Công ty.

Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 41 Điều lệ Công ty.

Trường hợp chủ tọa và Thư ký từ chối ký biên bản họp Hội đồng quản trị thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, h khoản 1 Điều 41 Điều lệ Công ty. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký biên bản họp. **Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.**

11. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đảm bảo tất cả các bản sao nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc đồng thời với việc cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 57. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên trong tiểu ban

Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Việc thành lập và hoạt động của tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có) được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban:

a) Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban;

b) Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này.

Điều 58. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

a) Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

b) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người làm người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại Công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

3. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Có đơn xin từ chức và được chấp thuận;

- b) Không đáp ứng được tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều này;
- c) Các trường hợp vi phạm pháp luật bị xử lý trách nhiệm hình sự hoặc vi phạm nghiêm trọng quy định của Công ty;
- d) Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
- e) Các trường hợp khác khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Công ty phải thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty cũng như thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán, Quy chế công bố thông tin của Công ty và pháp luật có liên quan.

5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV BAN KIỂM SOÁT

Điều 59. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Vai trò, quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

- a) Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
- b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

c) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

d) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

e) Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 18 của Điều lệ Công ty.

f) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 18 của Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

g) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

h) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 55 Điều lệ Công ty phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

i) Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

j) Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

k) Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

l) Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

m) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

n) Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.

o) Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

p) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

q) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

r) Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

s) Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

t) Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát phải đảm bảo các nội dung sau:

- Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 54 Điều lệ Công ty.

- Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát.

- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

- Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

- Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty.

- Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

u) Có quyền được cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh nghiệp.

v) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

2. Vai trò, quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

a) Thành viên Ban kiểm soát có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty. Thành viên Hội đồng

quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.

b) Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Điều 60. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát:

a) Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người.

b) Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

c) Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

d) Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

e) Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 51 Điều lệ Công ty.

f) Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác; không phải là người quản lý doanh nghiệp; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

d) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

f) Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông: sở hữu từ 10% đến 40% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 ứng cử viên; sở hữu trên 40% đến 65% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 02 ứng cử viên; sở hữu trên 65% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 03 ứng cử viên;

- Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

4. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát:

Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến) để bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau. Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo khoản 2 Điều 29 Điều lệ Công ty.

5. Các trường hợp miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát:

Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại điểm a, b, c, d, e khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

6. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

7. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát:

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được

công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty khác);
- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

8. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát:

a) Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

b) Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

c) Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG V

TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 61. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao. Tổng Giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức, thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e) Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh Giám đốc các chi nhánh trực thuộc, Trưởng phòng và tương đương sau khi đã được Hội đồng quản trị chấp thuận;

f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty và người thuộc thẩm quyền bỏ nhiệm của Tổng Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty có vốn góp của Công ty; quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j) Trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động hằng năm;

k) Quyết định và ký kết các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê tài sản và các hợp đồng, giao dịch khác liên quan đến việc kinh doanh hằng ngày của Công ty trừ trường hợp không còn tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty;

l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy chế nội bộ của Công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

2. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp khi được yêu cầu.

3. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho Công ty.

Điều 62. Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc:

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty;

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

3. Bỏ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc:

a) Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

b) Hồ sơ đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc bao gồm:

- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự kê khai nêu rõ nhân thân, học vấn, kinh nghiệm;
- Bản kê khai tài sản, thu nhập;
- Chương trình hành động;
- Bản tự nhận xét đánh giá quá trình công tác;
- Các bản sao văn bằng, chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng (có công chứng hoặc đóng dấu của cơ quan sao y bản chính);
- Các kết luận kiểm tra, thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo và các giấy tờ liên quan khác đối với nhân sự đề nghị bổ nhiệm (nếu có);

**Toàn bộ hồ sơ đề nghị bổ nhiệm Tổng Giám đốc phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị cùng với tài liệu mời họp xem xét bổ nhiệm Tổng Giám đốc.*

c) Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết đề Chủ tịch Hội đồng quản trị ký quyết định bổ nhiệm Tổng Giám đốc.

d) Sau khi có quyết định bổ nhiệm Tổng Giám đốc của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc. Nội dung hợp đồng lao động phải quy định rõ mức thu nhập, nguyên tắc trả tiền lương, thù lao và lợi ích khác được hưởng, trách nhiệm và quyền hạn. Hợp đồng lao động phải tuân thủ các quy định của pháp luật lao động và Điều lệ Công ty.

e) Trong thời gian thực hiện thủ tục bổ nhiệm Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị quyết định việc giao nhiệm vụ cho một người quản lý doanh nghiệp hoặc một người điều hành doanh nghiệp khác thực hiện quyền, nghĩa vụ của Tổng Giám đốc và đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Miễn nhiệm, bãi nhiệm chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc:

a) Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.

b) Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trước khi ngừng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình ít nhất 45 ngày;
- Theo quyết định của Hội đồng quản trị;
- Các trường khác theo quy định pháp luật hiện hành.

5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc: Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty và cho các cơ quan quản lý nhà nước theo trình tự và quy định của pháp luật.

6. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc:

a) Công ty trả tiền lương, thưởng, thù lao và lợi ích khác cho Tổng Giám đốc theo kết quả và hiệu quả kinh doanh và do Hội đồng quản trị quyết định.

b) Tiền lương, thưởng, thù lao và lợi ích khác của Tổng Giám đốc và người điều hành khác được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VI CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 63. Nguyên tắc phối hợp công tác

1. Việc phối hợp công tác giữa Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị với Tổng Giám đốc và những người điều hành khác của Công ty cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

a) Luôn trung thành với lợi ích của cổ đông và của Công ty;

b) Tuân thủ các quy định của pháp luật của Nhà nước, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty;

c) Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch;

d) Thực hiện nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, hợp tác và chủ động phối hợp giải quyết vướng mắc, khó khăn khi phát sinh.

2. Trong trường hợp khẩn cấp, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc có thể thông tin ngay (bằng gặp mặt, điện thoại hoặc email) cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc hoặc cả ba để phối hợp giải quyết hiệu quả.

Điều 64. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

1.1. Thành phần mời họp Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định nhưng ít nhất bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát. Hội đồng quản trị có thể mời Tổng Giám đốc không là thành viên Hội đồng quản trị hoặc người khác (Phó Tổng Giám đốc, Trưởng các đơn vị có liên quan tham dự, báo cáo công việc và tham gia ý kiến) tham dự cuộc họp của Hội đồng quản trị khi cần thiết.

Trình tự, thủ tục tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ Công ty.

1.2. Tại các cuộc họp có nội dung quan trọng, Trưởng Ban kiểm soát có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành khác của Công ty để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thông báo mời họp phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc tại cuộc họp và phải được chuyển đến thành

viên dự họp ít nhất 05 ngày trước khi tổ chức họp. Trưởng Ban kiểm soát phải có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc trong thời gian 05 ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

Trình tự, thủ tục tiến hành cuộc họp này thực hiện theo các quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

1.3. Tại các cuộc họp có nội dung quan trọng, Tổng Giám đốc có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát tham gia cuộc họp để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thông báo mời họp phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc tại cuộc họp và phải được chuyển đến thành viên dự họp ít nhất 03 ngày làm việc trước khi tổ chức họp. Tổng Giám đốc phải có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho Hội đồng quản trị và Trưởng Ban kiểm soát trong thời gian 05 ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền tham dự hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị nội dung trình Hội đồng quản trị do Tổng Giám đốc chủ trì.

1.4. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị đảm bảo tất cả các bản sao nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc đồng thời với việc cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị.

1.5. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi Ban kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc có đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

b) Trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị, trường hợp không triệu tập thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty. Người đề nghị triệu tập cuộc họp sẽ có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

c) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp.

1.6. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo (trực tiếp hoặc bằng văn bản) cho Hội đồng quản trị tình hình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Trong báo cáo, phải phản ánh những nội dung cơ bản sau:

- a) Nội dung chỉ đạo của Hội đồng quản trị;
- b) Tiến độ thực hiện tính đến thời điểm báo cáo;
- c) Hiệu quả thực hiện và nguyên nhân dẫn đến kết quả;
- d) Phương hướng giải quyết và đề xuất cụ thể (nếu có).

1.7. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc có trách nhiệm nghiêm túc thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện nội dung không có lợi cho Công ty, Tổng Giám đốc có trách nhiệm đề nghị Hội đồng quản trị xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp Hội đồng quản trị không điều chỉnh, Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến.

2. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:

a) Tổng Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;

b) Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc gửi cho Hội đồng quản trị sớm nhất có thể nhưng không nhiều hơn 07 ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

c) Khi chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được Tổng Giám đốc trình để Hội đồng quản trị thông qua;

d) Thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật.

e) Các giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

f) Các giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc cổ đông lớn;

g) Các nội dung khác cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là 07 ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng 07 ngày làm việc.

Điều 65. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên

1. Quan hệ công việc giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát

a) Hội đồng quản trị tôn trọng quyền của Ban kiểm soát trong công tác kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong hoạt động quản lý, điều hành Công ty, đồng thời tạo điều kiện để Ban kiểm soát tiến hành kiểm tra các hoạt động quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Công ty theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn trong Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

b) Hội đồng quản trị có trách nhiệm tiếp thu và có biện pháp chỉnh sửa các thiếu sót hoặc khiếm khuyết trong công tác quản lý, điều hành theo kết luận kiểm tra của Ban kiểm soát, đồng thời có trách nhiệm chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp cần thiết để xử lý các sai phạm (nếu có) và/hoặc khắc phục các thiếu sót trong công tác điều hành, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Công ty.

c) Chủ tịch Hội đồng quản trị đảm bảo các thành viên Ban kiểm soát được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị.

d) Hội đồng quản trị đảm bảo thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị, các thông tin khác được cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

e) Ban kiểm soát thực hiện việc thẩm định các Báo cáo tài chính của Công ty, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị đồng thời định kỳ thông báo cho Hội đồng quản trị về kế hoạch tiến hành cũng như kết quả thực hiện công tác kiểm tra kiểm soát đối với hoạt động quản lý, điều hành và tình hình ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính của Công ty.

f) Thành viên Ban kiểm soát có thể đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành của Công ty, ngoài những thông tin báo cáo định kỳ phải cung cấp theo quy định.

2. Quan hệ công việc giữa Hội đồng quản trị với Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành

a) Hội đồng quản trị có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết để Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc hoàn thành nhiệm vụ được giao.

b) Tổng Giám đốc có trách nhiệm nghiêm túc thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện nội dung không có lợi cho Công ty, Tổng Giám đốc có trách nhiệm đề nghị Hội đồng quản trị xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp Hội đồng quản trị không điều chỉnh nghị quyết, quyết định, Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến.

c) Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo (trực tiếp hoặc bằng văn bản) Hội đồng quản trị tình hình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Trong báo cáo phải phản ánh được những nội dung cơ bản sau:

- Nội dung chỉ đạo của Hội đồng quản trị;
- Tiến độ thực hiện tính đến thời điểm báo cáo;
- Hiệu quả thực hiện và nguyên nhân dẫn đến kết quả;

- Phương hướng giải quyết và đề xuất cụ thể (nếu cần).

d) Tổng Giám đốc và những người điều hành khác có trách nhiệm tạo mọi điều kiện để các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ được phân công, được tiếp cận thông tin, báo cáo một cách đầy đủ và kịp thời.

e) Định kỳ hàng quý, sáu tháng, hàng năm, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh đã thực hiện và kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn tiếp theo (*có kèm theo bản dự toán*), cùng với kiến nghị cần thiết để thực hiện nhiệm vụ được giao theo thẩm quyền. Khi phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố xảy ra có thể ảnh hưởng xấu đến uy tín, hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc cần kịp thời báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp phụ trách công việc đó biết để có biện pháp xử lý kịp thời.

f) Định kỳ hàng quý, sáu tháng, hàng năm, Tổng Giám đốc xin ý kiến Hội đồng quản trị về nội dung Báo cáo tài chính và các tài liệu giải trình có liên quan trước khi ký ban hành và công bố thông tin.

g) Tổng Giám đốc chủ động quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc theo Điều lệ Công ty; quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị biết. Thời hạn báo cáo không chậm hơn 24 giờ kể từ thời điểm phát sinh trường hợp khẩn cấp.

h) Đối với những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc phải có tờ trình xin ý kiến đính kèm các tài liệu liên quan gửi đến Hội đồng quản trị. Tờ trình xin ý kiến phải đảm bảo những nội dung cơ bản sau:

- Nội dung cần xin ý kiến;
- Quan điểm của Tổng Giám đốc về nội dung cần xin ý kiến;
- Đề xuất cụ thể phương hướng giải quyết.

3. Quan hệ giữa Ban kiểm soát với Tổng Giám đốc

a) Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

b) Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Tổng Giám đốc trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

c) Thành viên Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;

d) Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của Ban kiểm soát phải được gửi đến Công ty trước ít nhất 48 giờ. Ban kiểm soát không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

e) Các nội dung khác cần ý kiến của Tổng Giám đốc: phải được gửi trước ít nhất là 07 ngày và Tổng Giám đốc sẽ phản hồi trong vòng 07 ngày.

Điều 66. Phối hợp khác

1. Hội đồng quản trị tạo điều kiện cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và những người điều hành khác của Công ty tham gia các khóa đào tạo, hội nghị, hội thảo, khảo sát trong và ngoài nước nhằm trau dồi trình độ chuyên môn, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành. Việc tham gia các khóa đào tạo, hội thảo nói trên không được ảnh hưởng đến công việc chung của Công ty.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc đi công tác nước ngoài phải có chương trình cụ thể, báo cáo và được Chủ tịch Hội đồng quản trị chấp thuận bằng văn bản. Tùy theo tính chất và nội dung công việc, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể yêu cầu cán bộ, nhân viên Công ty có liên quan cùng tham gia.

CHƯƠNG VII

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA CÔNG TY

Điều 67. Phương thức đánh giá hoạt động của người quản lý, người điều hành của Công ty

1. Việc đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những người điều hành Công ty được thực hiện hàng năm.

2. Thẩm quyền thực hiện đánh giá:

a) Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá nhận xét mức độ hoàn thành công việc và các tiêu chuẩn khác đối với thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

b) Ban kiểm soát tổ chức đánh giá nhận xét mức độ hoàn thành công việc và các tiêu chuẩn khác đối với thành viên Ban kiểm soát;

c) Tổng Giám đốc chủ trì công tác đánh giá nhận xét mức độ hoàn thành công việc và các tiêu chuẩn khác đối với các chức danh do Tổng Giám đốc bổ nhiệm;

3. Tiêu chí, trình tự thủ tục đánh giá nhận xét người điều hành do cấp có thẩm quyền đánh giá quyết định.

4. Phòng Tổ chức - Hành chính, Người phụ trách quản trị công ty, tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị được giao thực hiện hoạt động đánh giá này có trách nhiệm

chuẩn bị tài liệu hướng dẫn và giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong công tác đánh giá nhận xét cán bộ hàng năm.

Điều 68. Nguyên tắc áp dụng các hình thức kỷ luật

1. Các hành vi bị xem xét áp dụng hình thức kỷ luật:

a) Vi phạm tiêu chuẩn chức danh hoặc vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Công ty.

b) Vi phạm pháp luật bị Tòa án kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật.

c) Các trường hợp chưa xem xét xử lý kỷ luật:

d) Đang trong thời gian nghỉ hàng năm, nghỉ theo chế độ, nghỉ việc riêng được cấp có thẩm quyền cho phép;

e) Đang trong thời gian điều trị có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền;

f) Đang bị tạm giữ, tạm giam chờ kết luận của cơ quan có thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử về hành vi vi phạm pháp luật.

2. Các trường hợp được miễn trách nhiệm kỷ luật:

a) Được cơ quan có thẩm quyền xác nhận tình trạng mất năng lực hành vi dân sự khi thực hiện hành vi sai phạm;

b) Được cấp có thẩm quyền xác nhận vi phạm quy định trong tình thế bất khả kháng khi thực hiện nhiệm vụ.

Điều 69. Khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc trích lập quỹ khen thưởng đối với thành viên Hội đồng quản trị Công ty được quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các hoạt động thuộc phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể bị xem xét kỷ luật khi có hành vi vi phạm đã được quy định trong Điều lệ Công ty và các quy định khác của Công ty.

Điều 70. Khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Ban kiểm soát

1. Việc trích lập quỹ khen thưởng đối với thành viên Ban kiểm soát Công ty được quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

2. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát. Các thành viên Ban kiểm soát có thể bị xem xét kỷ luật khi có hành vi vi phạm đã được quy định trong Điều lệ Công ty và các quy định khác của Công ty.

Điều 71. Khen thưởng và kỷ luật đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

1. Khen thưởng và kỷ luật đối với Tổng Giám đốc:

a) Khen thưởng: Hội đồng quản trị sẽ quyết định việc khen thưởng cụ thể cho Tổng Giám đốc theo chính sách đã thiết lập và thỏa thuận trước, chi phí này được hạch toán vào chi phí quản lý. Việc khen thưởng thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

b) Kỷ luật: Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc có thể bị xem xét kỷ luật khi có hành vi vi phạm đã được quy định trong Điều lệ Công ty và các quy định khác của Công ty.

2. Khen thưởng và kỷ luật đối với những người điều hành khác:

a) Khen thưởng: Hội đồng quản trị sẽ quyết định việc khen thưởng cụ thể cho các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc và theo chính sách của Công ty, chi phí này được hạch toán vào chi phí quản lý. Việc khen thưởng thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

b) Kỷ luật: Những người điều hành của Công ty có thể bị xem xét kỷ luật khi có hành vi vi phạm đã được quy định trong Điều lệ Công ty và các quy định khác của Công ty.

Điều 72. Trách nhiệm về thiệt hại

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ do pháp luật và Công ty quy định sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Trách nhiệm về thiệt hại được xem xét ngay cả trong trường hợp cá nhân không có hành vi trực tiếp hoặc gián tiếp gây thiệt hại nhưng không có ý thức ngăn cản hành vi vi phạm đó.

CHƯƠNG VIII

THỰC HIỆN, SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG QUY CHẾ

Điều 73. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Trong quá trình thực hiện, khi có nội dung không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và hoạt động quản trị của Công ty, Quy chế sẽ được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật hiện hành có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập hoặc có nội dung khác với nội dung trong Quy chế này thì sẽ áp dụng của quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 74. Hiệu lực

1. Quy chế này gồm 08 Chương và 75 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh nhất trí thông qua, chấp thuận hiệu lực toàn văn và giao cho Hội đồng quản trị Công ty ban hành, triển khai thực hiện kể từ ngày 21/4/2023.

2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.

3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế về quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 75. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm phối hợp triển khai việc thực hiện Quy chế này.

2. Ban kiểm soát có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện Quy chế này trong Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Hữu Tấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Cam Ranh, ngày 21 tháng 04 năm 2023

**QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số:/QĐ-HĐQT.CCR, ngày 21/04/2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh)

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung số 03/2022/QH15, ngày 11/1/2022;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ-CCR.ĐHĐCĐ, ngày 21 tháng 04 năm 2023;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh;

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh bao gồm các nội dung sau:

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Người điều hành doanh nghiệp trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người điều hành doanh nghiệp được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người, bao gồm thành viên chuyên trách và không chuyên trách.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Trường hợp Công ty là công ty niêm yết thì số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo có tối thiểu 01 thành viên độc lập.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty.

6. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 3 của Điều lệ Công ty.

b) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

c) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

d) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

f) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

g) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị, ký các văn bản khác để xử lý công việc thuộc quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị;

h) Đảm bảo các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét;

i) Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

j) Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công;

k) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Không còn là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

c) Là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Khoản 4 Điều 34 Điều lệ Công ty;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông: sở hữu từ 10% đến 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 ứng cử viên; sở hữu trên 20% đến 30% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 02 ứng cử viên; sở hữu trên 30% đến 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 03 ứng cử viên; sở hữu trên 50% đến 75% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 04 ứng cử viên và sở hữu trên 75% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 05 ứng cử viên.

2. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên

được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 1 Điều 34 Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

5. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 10 của Điều lệ Công ty;
 - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và giới hạn theo quy định của Pháp luật;
 - g) Quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư mua sắm không nằm trong kế hoạch kinh doanh, đầu tư hàng năm có giá trị đầu tư dưới 15 tỷ đồng hoặc khoản đầu tư nằm trong kế hoạch kinh doanh, đầu tư hàng năm nhưng phát sinh tổng giá trị các khoản đầu tư vượt kế hoạch dưới 10%. Tổng giá trị các khoản đầu tư phát sinh không vượt quá 10% và 20 tỷ đồng so với tổng kế hoạch ngân sách đầu tư hàng năm đã được phê duyệt.
 - h) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - i) Quyết định bán tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - j) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ

đồng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 23, khoản 4 Điều 57 Điều lệ của Công ty;

k) Phân cấp hoặc uỷ quyền cho Tổng giám đốc quyết định đối với phương án đầu tư và dự án đầu tư; phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thuê, cho thuê tài sản cố định; quy chế nội bộ của Công ty;

l) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng giám đốc;

m) Cử người đại diện theo uỷ quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

n) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng theo đề nghị của Tổng giám đốc;

o) Chấp thuận đề Tổng giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh Giám đốc các chi nhánh trực thuộc, Trưởng phòng và tương đương;

p) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

q) Quyết định thay đổi và hình thức, nội dung logo của Công ty;

r) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

s) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

t) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

u) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

v) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

w) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

x) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện;

y) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hoặc không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên các nội dung sau:

- a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Điều lệ Công ty;
- b) Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các Quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên Hội đồng quản trị độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị;
- e) Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);
- f) Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc;
- g) Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;
- h) Các kế hoạch trong tương lai.

4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- b) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 18 của Điều lệ Công ty; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;
- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp;
- c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c Khoản 1 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn, ở và đi lại.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp: Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. [Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị]. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

CHƯƠNG IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường. Đối với các vấn đề phát sinh giữa hai phiên họp của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tổ chức lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản:

13.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng Phiếu lấy ý kiến. Thời hạn chậm nhất để trả lời Phiếu lấy ý kiến là 05 ngày làm việc, nếu trong Phiếu lấy ý kiến không có quy định khác. Phiếu lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị được quản lý, lưu giữ như Biên bản họp Hội đồng quản trị.

13.2. Kết quả lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị được tổng hợp thành Biên bản tổng hợp ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị để làm cơ sở cho Hội đồng quản trị thông qua quyết định về vấn đề đưa ra xin ý kiến.

13.3. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Kết quả biểu quyết bằng Phiếu lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như các Nghị quyết, quyết định

trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10

ngày kể từ ngày gửi. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này.

CHƯƠNG V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo

từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

c) Cổ đông, đại diện theo uỷ quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định của Công ty

5. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và

độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh bao gồm 07 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 04 năm 2023.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Hữu Tấn

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG CAM RANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/TTr-CCR.HĐQT

Cam Ranh, ngày tháng 04 năm 2023

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh nhiệm kỳ 2020-2025**

**Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023
Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành có hiệu lực;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành có hiệu lực;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh;
- Căn cứ văn bản số 350/HHVN-TCNS, ngày 31/08/2022 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, theo đó ông Nguyễn Viết Nhâm tiếp tục là Thành viên HĐQT cho đến ĐHĐCĐ thường niên năm 2023;
- Căn cứ Biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh đối với Ông/bà:, thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh, nhiệm kỳ 2020-2025.

Lý do miễn nhiệm: Theo yêu cầu của cổ đông tổ chức Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, NPTQTCT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Hữu Tấn

Số:/TTTr-CCR.HĐQT

Cam Ranh, ngày tháng 04 năm 2023

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

*Về việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh, nhiệm kỳ 2020-2025*

**Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023
Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành có hiệu lực;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành có hiệu lực;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh tại Khoản 1, Điều 34, Điều lệ Công ty, theo đó quy định: “Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người, bao gồm thành viên chuyên trách và không chuyên trách”;

- Căn cứ Biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh nhiệm kỳ 2020-2025, như sau:

1. Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty, nhiệm kỳ 2020 – 2025 :

1.1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bầu bổ sung: 1 người

1.2. Thời hạn giữ chức danh của thành viên Hội đồng quản trị được bầu bổ sung là thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2020-2025.

2. Danh sách ứng viên dự bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

Căn cứ Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh và Đơn đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị; Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Danh sách ứng viên dự bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ 2020 – 2025 như sau:

- Ông/bà....., sinh ngày/..../.....

(Lý lịch trích ngang của ứng viên Hội đồng quản trị đính kèm)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết chấp thuận và tiến hành thủ tục bầu cử tại Đại hội theo quy định của Pháp luật.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, NPTQTCT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Hữu Tấn

**LÝ LỊCH TRÍCH NGANG CỦA ỨNG VIÊN DỰ BÀU BỔ SUNG
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY, NHIỆM KỲ 2020-2025**

| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Số CMND, Hộ chiếu | Địa chỉ thường trú | Trình độ học vấn | Trình độ chuyên môn | Chức vụ hiện đang nắm giữ tại Công ty |
|-----------|------------------|------------------|--------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------|--|
| | | | | | | | |

Cam Ranh, ngày 21 tháng 04 năm 2023

**QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ
BỔ SUNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH
NHIỆM KỲ 2020-2025**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành có hiệu lực;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh;

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh ban hành Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ 2020-2025 của Công ty như sau:

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Mục đích, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này hướng dẫn các điều kiện và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh nhiệm kỳ 2020-2025.

2. Đối tượng áp dụng: Áp dụng cho tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh hoặc những người được ủy quyền tham dự họp lệ (người đại diện theo ủy quyền) tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông, đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi đến tham dự Đại hội đồng cổ đông đều được nhận một **phiếu bầu cử Hội đồng quản trị**, trên phiếu có ghi rõ số lượng cổ phần mà cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đó nắm giữ và số phiếu bầu tương ứng được sử dụng để bầu cử.

2. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền phải tuân thủ các điều kiện và thể thức quy định tại Quy chế này và sự hướng dẫn của Ban Kiểm phiếu.

**CHƯƠNG II
QUY ĐỊNH VỀ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, NHIỆM KỲ 2020-2025**

Điều 3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ 2020-2025 được bầu bổ sung là một (01) người.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị phải thỏa mãn các tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp năm 2020, Điều lệ Công ty và Quy chế này, cụ thể như sau:

- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.
- Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật tốt;
- Được đề cử của cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quy định tại Quy chế này.

3. Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, cụ thể như sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông: sở hữu từ 10% đến 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 ứng cử viên; sở hữu trên 20% đến 30% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 02 ứng cử viên; sở hữu trên 30% đến 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 03 ứng cử viên; sở hữu trên 50% đến 75% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 04 ứng cử viên và sở hữu trên 75% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 05 ứng cử viên.
- Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị

1. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị gồm:
 - a. Đơn xin ứng cử hoặc đề cử tham gia Hội đồng quản trị (1 bản gốc theo mẫu); Biên bản họp nhóm cổ đông;
 - b. Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (1 bản gốc theo mẫu);
 - c. Bản sao hợp lệ CMND, Hộ khẩu thường trú (hoặc Giấy đăng ký tạm trú dài hạn), Hộ chiếu nếu là Việt kiều, người nước ngoài;
 - d. Bản sao hợp lệ bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn;
 - e. Các văn bản chứng minh ứng viên đầy đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo Quy chế, quy định của pháp luật (1 bản gốc hoặc bản sao hợp lệ)

2. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị phải gửi về Ban tổ chức Đại hội chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày diễn ra Đại hội theo địa chỉ ghi trên thư mời họp. Nếu hồ sơ là bản fax, scan thì phải gửi lại bản gốc hoặc bản sao y hợp lệ khi đăng ký tham dự trước cuộc họp.

3. Dựa trên Đơn xin đề cử, ứng cử của các cổ đông/ nhóm cổ đông, Ban tổ chức Đại hội sẽ lập danh sách các ứng viên đáp ứng đủ điều kiện như quy định để đưa vào danh sách ứng viên bổ sung Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ (2020-2025) báo cáo ĐHĐCĐ trước khi tiến hành bầu cử.

CHƯƠNG III

BẦU CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, NHIỆM KỲ (2020-2025)

Điều 5. Phương thức bầu cử

1. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện bằng hình thức bầu trực tiếp, bỏ phiếu kín tại Đại hội theo phương thức bầu dồn phiếu.

2. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu (bao gồm sở hữu và được uỷ quyền) nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị: Tổng số phiếu biểu quyết = Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết x số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị.

3. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

4. Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của một cổ đông không được vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó (bằng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu)

Điều 6. Phiếu bầu cử và cách ghi phiếu bầu

1. Phiếu bầu

- Phiếu bầu do Ban tổ chức in, được phát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trên mỗi phiếu bầu có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có ghi Tổng số cổ phần sở hữu / đại diện, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, có đóng dấu Công ty.

- Mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền khi tới tham dự Đại hội được nhận một (01) Phiếu bầu cử Hội đồng quản trị. Cổ đông/người đại diện theo uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông khi được phát phiếu bầu phải kiểm tra lại thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay cho Ban tổ chức tại thời điểm nhận phiếu.

2. Cách ghi phiếu bầu

- Cổ đông ghi trực tiếp số phiếu biểu quyết cho từng ứng cử viên tùy theo tín nhiệm của mình. Số phiếu biểu quyết ghi cho mỗi ứng cử viên có thể khác nhau nhưng tổng số phiếu biểu quyết cho các ứng cử viên **không vượt quá** tổng số phiếu được quyền bầu của cổ đông.

- Cổ đông có thể chia tổng số phiếu biểu quyết của mình cho các ứng viên mà họ lựa chọn hoặc dồn hết tổng số phiếu biểu quyết cho một hoặc một số ứng cử viên nhưng phải đảm bảo tổng số phiếu biểu quyết cho các ứng cử viên **không vượt quá** tổng số

phiếu được quyền bầu của cổ đông và số ứng viên mà cổ đông đó lựa chọn để bầu không được vượt quá số ứng viên cần bầu vào thành viên Hội đồng quản trị (được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua).

- Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.

3. Tính hợp lệ và không hợp lệ của phiếu bầu cử

a. Phiếu bầu hợp lệ

- Phiếu do Ban Tổ chức Đại hội phát hành có đóng dấu treo của Công ty, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu;

- Bầu cho những người có tên trong danh sách đề cử và ứng cử Hội đồng quản trị đã được Đại hội thông qua.

- Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông cho các ứng viên không lớn hơn tổng số quyền biểu quyết của cổ đông đó.

b. Phiếu bầu không hợp lệ

- Phiếu không do Ban Tổ chức Đại hội phát hành;

- Bầu nhiều hơn số thành viên Hội đồng quản trị so với quy định;

- Bầu quá số cổ phần có quyền biểu quyết;

- Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội thông qua.

- Phiếu bầu bị tẩy xóa, cạo sửa.

- Phiếu trắng: Phiếu không ghi số lượng phiếu bầu cho ứng viên nào.

Điều 7. Bỏ phiếu và kiểm phiếu

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi Ban kiểm phiếu tuyên bố kết thúc thời gian bỏ phiếu;

- Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;

- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc. Ban kiểm phiếu có thể mời một cổ đông giám sát việc kiểm phiếu.

- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

Điều 8. Nguyên tắc trúng cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Số người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị là những người có số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định.

2. Nếu bầu cử không đủ số thành viên Hội đồng quản trị thì Đại hội sẽ tiến hành bầu cử tiếp lần hai trong số những người được đề cử/ứng cử còn lại; nếu sau khi bầu lần hai mà vẫn chưa đủ thì việc tiếp tục bầu cử do Đại hội và Chủ tịch Đoàn quyết định.

3. Trường hợp đạt được số phiếu bằng nhau thì Đại hội quyết định hình thức biểu quyết bằng thẻ hoặc bầu lại đối với riêng những người đó.

Điều 9. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

1. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu.

2. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: thời gian, địa điểm lập Biên bản kiểm phiếu; thành phần Ban kiểm phiếu; Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ số phiếu của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số phiếu của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỉ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ; số và tỉ lệ quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên vào Hội đồng quản trị; Kết quả bầu cử; chữ ký của thành viên Ban Kiểm phiếu.

3. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội và được ghi nhận vào Nghị quyết của Đại hội.

Điều 10. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại:

1. Mọi khiếu nại về kết quả bầu cử (nếu có) chỉ được xem xét ngay tại Đại hội, cổ đông không được phản đối tính hợp lệ của việc bầu cử này bất kỳ lúc nào khác.

2. Trường hợp có bất đồng về thủ tục bầu cử hoặc kết quả bầu cử, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội quyết định.

CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Hiệu lực và thi hành

1. Quy chế này gồm 4 chương, 11 điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh thông qua

2. Quy chế này áp dụng cho việc đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ 2020-2025 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh./.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Hữu Tấn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....,ngày... tháng ... năm 2023

ĐƠN ĐỀ CỬ
BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, NHIỆM KỲ 2020-2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh

Tôi/ Chúng tôi là nhóm cổ đông gồm:

| STT | Họ và tên cổ đông | Số CMND, Hộ chiếu | Số cổ phần sở hữu | Tỷ lệ % vốn điều lệ | Chữ ký |
|-----|-------------------|-------------------|-------------------|---------------------|--------|
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Tổng số cổ phần đang sở hữu/đại diện sở hữu đến thời điểm hiện tại:cổ phần (Bằng chữ : cổ phần) tương ứng với: % vốn điều lệ của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh.

Sau khi nghiên cứu các tiêu chuẩn đề cử tại ***Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh***, Tôi/chúng tôi trân trọng đề cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh nhiệm kỳ 2020-2025 gồm các Ông/Bà:

| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Số CMND, Hộ chiếu | Địa chỉ thường trú | Trình độ học vấn | Chuyên ngành |
|----|-----------|-----------|-------------------|--------------------|------------------|--------------|
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| 3 | | | | | | |

Tôi/chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của nội dung đơn này và hồ sơ kèm theo, đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh.

Trân trọng ./.

CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hồ sơ kèm theo:

1. Sơ yếu lý lịch do người được đề cử tự khai (có xác nhận của cơ quan công tác hoặc địa phương nơi cư trú).
2. Bản sao hợp lệ Hộ khẩu thường trú/ Giấy đăng ký tạm trú hoặc giấy tờ tương đương.
3. Giấy uỷ quyền hợp lệ (nếu cổ đông uỷ quyền cho người khác đề cử).
4. Bản sao hợp lệ Chứng minh thư nhân dân/ hộ chiếu.
5. Bản sao hợp lệ và các bằng cấp chứng, văn bằng nhận trình độ học vấn của (các) ứng viên.

Lưu ý: Quý cổ đông gửi Đơn này và hồ sơ kèm theo, trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Ban tổ chức Đại hội, địa chỉ: Công ty CP Cảng Cam Ranh (Số 29 đường Nguyễn Trọng Kỳ, P.Cam Linh, Tp Cam Ranh, Khánh Hòa), trước 16h00 ngày 14/04/2023.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....,ngày tháng 04 năm 2023

**ĐƠN XIN ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH
NHIỆM KỲ 2020-2025**

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh

Tôi tên là:
Số CMND: cấp ngày:/...../..... tại:.....
Địa chỉ thường trú:
Hiện đang sở hữu và đại diện sở hữu cho đến thời điểm hiện tại:cổ phần
(Bằng chữ : cổ phần) tương ứng với: %
vốn Điều lệ của Công của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh.

Sau khi nghiên cứu và xét thấy bản thân đã thỏa mãn các tiêu chuẩn ứng cử tại **Quy chế ứng cử, đề cử, bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh**, Tôi đề nghị được tham gia ứng cử thành viên:

- Hội đồng quản trị Công ty CP Cảng Cam Ranh nhiệm kỳ 2020-2025:
(Quý cổ đông đánh dấu "X" vào ô được chọn)

Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của nội dung đơn này và hồ sơ kèm theo, đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ 2020-2025 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh.

Trân trọng ./.

CỔ ĐÔNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hồ sơ gửi kèm theo bao gồm:

1. Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai;
2. Bản sao hợp lệ: Chứng minh nhân dân/hộ chiếu, Hộ khẩu thường trú;
3. Bản sao hợp lệ các bằng cấp, văn bằng chứng nhận trình độ học vấn.

Lưu ý: Quý cổ đông gửi Đơn này và hồ sơ kèm theo, trực tiếp hoặc qua bưu điện về Ban Tổ chức Đại hội, địa chỉ:- Công ty CP Cảng Cam Ranh- Số 29 Đường Nguyễn Trọng Kỳ, P.Cam Linh, Tp.Cam Ranh, Khánh Hòa), trước 16h00 ngày 14/4/2023.



**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH**

**PHIẾU BẦU
BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NHIỆM KỲ 2020-2025**

1. Thông tin của cổ đông tham gia bầu cử:

- Tên cổ đông: **A**
- Mã số cổ đông: **CCR.....**
- Số cổ phần sở hữu:
- Số cổ phần nhận ủy quyền:
- Tổng số cổ phần sở hữu / đại diện (*):
- Tổng số phiếu được quyền bầu (= (*) x 1):

2. Phân bầu cử:

| STT | DANH SÁCH BẦU CỬ | SỐ PHIẾU BẦU |
|-----|---|--------------|
| 1 | A | |
| | Tổng cộng <i>Lưu ý: Tổng cộng số phiếu được quyền bầu của cổ đông không được vượt quá :</i> | |



Member of VIMC

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH**

**PHIẾU
BIỂU QUYẾT**

Tên cổ đông:

Mã số cổ đông:

Số cổ phần sở hữu/đại diện: cổ phần

Cam Ranh, Ngày 21 tháng 4 năm 2023

DỰ THẢO

**BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Địa chỉ: 29 Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Linh, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4200272350 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu vào ngày 01/04/2009, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 06/09/2022.

Hôm nay, vào lúc 08h00 ngày 21/4/2023, tại Hội trường Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh đã tổ chức khai mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh (sau đây gọi tắt là Đại Hội) với diễn biến như sau:

I. Thủ tục khai mạc:

1. Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và thành phần tham dự

- Đại hội đã tiến hành làm Lễ chào cờ.
- Ông **Nguyễn Ngọc Duy** thay mặt Ban tổ chức tuyên bố lý do tổ chức Đại hội, giới thiệu đại biểu và thành phần tham dự Đại hội.

2. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông

Đại hội đã nghe Ông **Nguyễn Trọng Thành** thay mặt Ban Kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội với:

100% đại biểu dự đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đều là cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông Công ty theo danh sách cổ đông đã được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) công bố chốt danh sách cổ đông ngày 16/03/2023 với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty là: 24.453.617 cổ phần

Đến 08h00 ngày 21 tháng 4 năm 2023, tổng số cổ đông tham dự và đại diện ủy quyền tham dự là cổ đông, sở hữu và đại diện cho tổng số cổ phần được quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ / trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Trong đó:

- Cổ đông pháp nhân: cổ đông, sở hữu và đại diện cho cổ phần, chiếm tỷ lệ 95,36%/ trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

- Cổ đông thể nhân: cổ đông, sở hữu và đại diện cho cổ phần, chiếm tỷ lệ %/ trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty. Căn cứ theo Khoản 1 Điều 145 Luật Doanh nghiệp năm 2020, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh đủ điều kiện tiến hành.

3. Thông qua thành phần Đoàn chủ tọa, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu.

3.1. Đại hội đã nghe Ông Nguyễn Ngọc Duy, thay mặt Ban Tổ chức thông qua Danh sách nhân sự Đoàn Chủ tọa gồm:

- Ông Phạm Hữu Tấn Chủ tịch Hội đồng quản trị - Chủ tọa Đại hội;
- Bà Nguyễn Thị Yên Thành viên Hội đồng quản trị, - Thành viên;

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- 100% Phiếu biểu quyết là phiếu hợp lệ

3.2. Đại hội đã nghe Ông Phạm Hữu Tấn, thay mặt Đoàn chủ tọa giới thiệu và đề cử danh sách nhân sự Ban Thư ký Đại hội gồm:

- Bà Phan Thị Kim Yên Người phụ trách quản trị - Trưởng Ban; Công ty
- Bà Hồ Nguyễn Tú Anh Phó Trưởng phòng Tài - Thành viên. chính - Kế hoạch

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- 100% Phiếu biểu quyết là phiếu hợp lệ

3.3. Đại hội đã nghe Ông Phạm Hữu Tấn, thay mặt Đoàn chủ tọa giới thiệu và đề cử danh sách nhân sự Ban Kiểm phiếu Đại hội gồm:

- Ông Nguyễn Châu Sinh; Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ – Trưởng ban;
- Ông Nguyễn Hữu Đạt, Chuyên viên Ban Kiểm toán nội bộ – Thành viên.
- Ông Bùi Thanh Trọng, Nhân viên Phòng Pháp chế An ninh – Thành viên

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- 100% Phiếu biểu quyết là phiếu hợp lệ

4. Phát biểu khai mạc Đại hội: Đại hội đã nghe Ông Phạm Hữu Tấn thay mặt Đoàn chủ tọa phát biểu khai mạc Đại hội.

5. Thông qua Chương trình và Quy chế làm việc của Đại hội: Đại hội đã nghe Bà Nguyễn Thị Yên thay mặt Đoàn chủ tọa thông qua Chương trình và Quy chế làm việc của Đại hội (*Chương trình và Quy chế làm việc đính kèm*)

Kết quả biểu quyết thông qua Chương trình Đại hội:

- Tán thành: cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- 100% Phiếu biểu quyết là phiếu hợp lệ

Kết quả biểu quyết thông qua Quy chế làm việc Đại hội:

- Tán thành: cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- 100% Phiếu biểu quyết là phiếu hợp lệ

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ

1. Báo cáo của Tổng giám đốc về Kết quả kinh doanh năm 2022 và Kế hoạch kinh doanh năm 2023: Đại hội đã nghe Ông Nguyễn Văn Thắng - Tổng Giám đốc Công ty báo cáo về Kết quả kinh doanh năm 2022 và Kế hoạch kinh doanh năm 2023 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh (*Báo cáo Tổng giám đốc đính kèm*).

Đại hội đã biểu quyết thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2022 và kế hoạch kinh doanh năm 2023.

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- 100% Phiếu biểu quyết là phiếu hợp lệ

2. Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và chương trình hoạt động năm 2023: Đại hội đã nghe Ông Phạm Hữu Tấn- Chủ tịch Hội đồng quản trị trình bày báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022, chương trình hoạt động năm 2023 (*Báo cáo đính kèm*).

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- 100% Phiếu biểu quyết là phiếu hợp lệ

3. Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2022 và chương trình hoạt động năm 2023: Đại hội đã nghe Bà Dương Thị Hồng Hạnh, Trưởng Ban Kiểm soát báo cáo tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022 và chương trình hoạt động năm 2023 (*Báo cáo đính kèm*).

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- 100% Phiếu biểu quyết là phiếu hợp lệ

4. Các tờ trình thông qua tại Đại hội

4.1. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán; Kết quả kinh doanh năm 2022 và thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ doanh nghiệp và mức cổ tức năm 2022: Đại hội đã nghe đại diện Đoàn Chủ tọa trình bày Tờ trình Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán; Kết quả kinh doanh năm 2022 và phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ doanh nghiệp và chia cổ tức năm 2022, cụ thể như sau:

a. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán (*Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được Công bố thông tin và đăng tải tại website công ty: www.camranhport.vn*)

b. Thông qua kết quả kinh doanh và đầu tư năm 2022 với các số liệu như sau:

| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2022 |
|--|------------|-----------------|
| 1- Sản lượng hàng khai thác qua cảng | Tấn | 2.283.430 |
| 2- Tổng doanh thu và thu nhập hợp nhất | Đồng | 152.841.653.410 |
| Tổng doanh thu và thu nhập công ty mẹ | Đồng | 147.636.635.593 |
| 3- Tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất | Đồng | 18.786.490.553 |
| Tổng lợi nhuận trước thuế công ty mẹ | Đồng | 18.016.289.262 |
| 4- Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN hợp nhất | Đồng | 14.907.425.300 |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN Công ty mẹ | Đồng | 14.428.918.388 |
| 5- Kết quả thực hiện đầu tư | Triệu đồng | 27.080 |

(Bảng chi tiết kết quả thực hiện các hạng mục đầu tư năm 2022 đính kèm)

c. Phê duyệt Phương án Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ doanh nghiệp và mức cổ tức năm 2022 như sau:

(Báo cáo tài chính riêng năm 2022)

| Nội dung | Tỷ lệ (%) | Số tiền (Triệu đồng) |
|---|------------------|-----------------------------|
| 1. Lợi nhuận trước thuế 2022 | | 18.016 |
| 2. Thuế TNDN phải nộp | 20% | 3.587 |
| 3. Lợi nhuận sau thuế (3 = 1 - 2) | | 14.429 |
| 4. Trích lập quỹ doanh nghiệp (4=4.1+4.2+4.3+4.4) | 16,1 | 2.334 |
| 4.1. Quỹ khen thưởng | 5% | 721 |
| 4.2. Quỹ phúc lợi | 10,2% | 1.475 |
| 4.3. Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành | 0,9% | 138 |
| 5. Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối các quỹ (5 = 3 -4) | | 12.095 |
| 6. Lợi nhuận sau thuế các năm trước để lại chưa chia | | 1.355 |
| 7. Tổng cộng số tiền chia cổ tức (7=5+6) | | 13.449 |
| 8. Cổ phiếu được chia cổ tức (8=8.1-8.2) | | 244.536 |
| 8.1. Vốn điều lệ | | 245.018 |
| 8.2. Cổ phiếu quỹ (không chia cổ tức) | | (482) |
| 9. Lợi nhuận sau thuế đề xuất chia cổ tức năm 2022 (9=8*5,5%) | 5,5% | 13.449 |
| 10. Lợi nhuận sau thuế để lại chưa phân phối (10=5+6-7) | | 0 |

Ghi chú:

Vốn điều lệ: 245.018.170.000 đồng;

Trừ cổ phiếu quỹ (không chia cổ tức): 482.000.000 đồng;

Cổ phiếu được chia cổ tức: 244.536.170.000 đồng.

Cổ tức thực chia: 244.536.170.000 đồng x 5,5% = 13.449.489.000 đồng

6.1. Hình thức chi trả cổ tức năm 2022: bằng tiền.

6.2. Thời gian thực hiện chi trả cổ tức: Giao cho Hội đồng quản trị quyết định ngày chốt danh sách chi trả và ngày thực hiện chi trả cổ tức theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

100% Phiếu biểu quyết là phiếu hợp lệ

4.2. Phê chuẩn Kế hoạch kinh doanh năm 2023 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh: Đại hội đã nghe , thay mặt Đoàn Chủ tọa thông qua Tờ trình về việc phê chuẩn Kế hoạch kinh doanh năm 2023 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh, cụ thể như sau:

| Chỉ tiêu | ĐVT | KH 2023 |
|----------------------------------|------------|-----------|
| 1- Sản lượng hàng qua cảng | Tấn | 2.600.000 |
| trong đó sản lượng Container | TEU | 1.500 |
| 2- Doanh thu và thu nhập | | |
| Doanh thu và thu nhập công ty mẹ | Triệu đồng | 160.000 |
| Doanh thu và thu nhập hợp nhất | Triệu đồng | 165.000 |
| 3- Lợi nhuận trước thuế | | |
| Lợi nhuận trước thuế công ty mẹ | Triệu đồng | 23.000 |
| Lợi nhuận trước thuế hợp nhất | Triệu đồng | 23.500 |
| 4- Cổ tức dự kiến chi trả | % | 6% |
| 5- Đầu tư | Triệu đồng | 34.400 |

Đính kèm: Kế hoạch kinh doanh, đầu tư, sửa chữa chi tiết năm 2023

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

100% Phiếu biểu quyết là phiếu hợp lệ

4.3. Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022 và thông qua quỹ tiền lương, thù lao của người quản lý Công ty không chuyên trách là thành viên Hội đồng quản trị/ HĐQT độc lập và Ban Kiểm soát năm 2023: Đại hội đã nghe _____, thay mặt Đoàn Chủ tọa báo cáo về kết quả thực hiện tiền lương, thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022 và đề xuất quỹ tiền lương, thù lao của người quản lý Công ty không chuyên trách là thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2023 với các nội dung cụ thể như sau:

a. Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của HĐQT và BKS năm 2022

- Tổng quỹ tiền lương thực hiện năm 2022 của CTHĐQT chuyên trách là: 398.400.000 đồng

- Tổng quỹ thù lao đã chi trả cho TVHĐQT, BKS không chuyên trách trong năm 2022 là: **396.000.000** đồng (*Ba trăm chín mươi sáu triệu đồng*). Trong đó:

+ Tổng mức thù lao đã chi cho TVHĐQT không chuyên trách là: **240.000.000** đồng (*Hai trăm bốn mươi triệu đồng*)

+ Tổng mức thù lao đã chi cho BKS không chuyên trách là: **156.000.000** đồng (*Một trăm năm mươi sáu triệu đồng*).

b. Đề xuất quỹ tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2023: Cụ thể như sau:

b.1. Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2023 của Chủ tịch HĐQT chuyên trách: 600.000.000 đồng (*Sáu trăm triệu đồng*).

b.2. Quỹ Thù lao kế hoạch năm 2023 của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không chuyên trách là 396.000.000 đồng (*Ba trăm chín mươi sáu triệu đồng*).

Trong đó:

- Thành viên Hội đồng quản trị / Thành viên HĐQT độc lập: 5.000.000 đồng/người/tháng (*Năm triệu đồng/ người/ tháng*).

- Trưởng Ban kiểm soát: 5.000.000 đồng/người/tháng (*Năm triệu đồng/ người/ tháng*).

- Thành viên Ban kiểm soát: 4.000.000 đồng/người/tháng (*Bốn triệu đồng/ người/ tháng*).

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: _____ cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Tán thành: cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- 100% Phiếu biểu quyết là phiếu hợp lệ

4.6.2. Thông qua những điểm sửa đổi bổ sung của Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh theo yêu cầu của Hội đồng quản trị tại tờ trình số..../TTr-CCR.HĐQT, ngày.../04/2023 và thông qua toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh (sửa đổi, bổ sung) (*toàn văn Quy chế đính kèm*)

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- 100% Phiếu biểu quyết là phiếu hợp lệ

4.6.3. Thông qua những điểm sửa đổi bổ sung của Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh theo yêu cầu của Hội đồng quản trị tại tờ trình số..../TTr-CCR.HĐQT, ngày.../04/2023 và thông qua toàn văn Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh (sửa đổi, bổ sung) (*toàn văn Quy chế đính kèm*);

Kết quả biểu quyết:

- Tán thành: cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- 100% Phiếu biểu quyết là phiếu hợp lệ

4.6. Về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ (2020-2025) của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh: Đại hội đã nghe

, thay mặt Đoàn Chủ tọa đọc Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ (2020-2025) của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh với các nội dung như sau:

- Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh, đối với Ông/bà: _____, thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh, nhiệm kỳ 2020-2025.

- Lý do miễn nhiệm: Theo yêu cầu của cổ đông tổ chức Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP.

Kết quả biểu quyết

- Tán thành: _____ cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
100% Phiếu biểu quyết là phiếu hợp lệ

4.7. Về việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ (2020-2025) của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh: Đại hội đã nghe

, thay mặt Đoàn Chủ tọa đọc văn bản của cổ đông lớn Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc giới thiệu ông/bà, sinh ngày .../.../..... làm thành viên Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ (2020-2025) và Tờ trình về việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ (2020-2025) của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh (*Tờ trình đính kèm*) với các nội dung cụ thể như sau:

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bầu bổ sung: 1 người.
- Thời hạn giữ chức danh của thành viên Hội đồng quản trị được bầu bổ sung là thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2020-2025.
- Căn cứ Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh và Đơn đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị; Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông Danh sách ứng viên dự bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ 2020 – 2025 là ông/bà....., sinh ngày .../.../.....

(Lý lịch trích ngang của ứng viên Hội đồng quản trị đính kèm)

Kết quả biểu quyết

- Tán thành: _____ cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
100% Phiếu biểu quyết là phiếu hợp lệ

4.8. Công tác bầu cử:

- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- 100% Phiếu biểu quyết là phiếu hợp lệ

Kết quả biểu quyết thông qua toàn văn Nghị quyết Đại hội:

- Tán thành: cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- 100% Phiếu biểu quyết là phiếu hợp lệ

2. Phát biểu Bế mạc đại hội: Đại hội đã nghe Ông Phạm Hữu Tấn - Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Đoàn Chủ tọa phát biểu bế mạc Đại hội.

Biên bản này được Thư ký Đại hội ghi lại đầy đủ, trung thực, được đọc lại trước Đại hội và được các cổ đông tham dự Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh kết thúc vào hồi 11 giờ 30 phút cùng ngày.

**TM. BAN THƯ KÝ
TRƯỞNG BAN**

**TM. ĐOÀN CHỦ TỌA
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

Phan Thị Kim Yến

Phạm Hữu Tấn

KẾT QUẢ ĐẦU TƯ NĂM 2023

| TT | Tên dự án | Quy mô/Mô tả dự án | Tổng mức đầu tư (tỷ đồng) | Nguồn vốn (tỷ đồng) | | Tiến độ thực hiện | | Kế hoạch năm 2023 |
|-----------|--|---|---------------------------|---------------------|--------------|-------------------|------------|-------------------|
| | | | | Tự có/huy động | Vay | Khởi công | Hoàn thành | Giá trị (tỷ đồng) |
| I | DA chuyển tiếp từ năm 2022 | | 68,00 | 27,40 | 40,60 | | | 28,00 |
| 1 | Đầu tư XDCB | | 63,00 | 22,40 | 40,60 | | | 24,00 |
| 1.1 | Dự án nâng cao năng lực khai thác cầu cảng- cảng Ba Ngòi | Nâng cấp bến 1 lên 50.000 DWT giảm tải và bến 2 lên 70.000 DWT giảm tải | 58,00 | 17,40 | 40,60 | 07/2021 | 06/2024 | 19,00 |
| 1.2 | Nâng cấp/bê tông nền bãi | 3.000m ² | 5,00 | 5,00 | 0,00 | 6/2023 | 12/2023 | 5,00 |
| 2 | Mua sắm thiết bị | | 5,00 | 5,00 | 0,00 | | | 4,00 |
| 2.1 | Băng tải trung gian làm hàng rời | 03 băng trung gian | 3,00 | 3,00 | 0,00 | 12/2022 | 10/2023 | 3,00 |
| 2.2 | Công cụ thiết bị phục vụ chuyển đổi số | Hệ thống | 2,00 | 2,00 | 0,00 | 10/2021 | 04/2022 | 1,00 |
| II | DA khởi công năm 2023 | | 19,00 | 19,00 | 0,00 | | | 6,40 |
| 1 | Đầu tư XDCB | | 18,00 | 18,00 | 0,00 | | | 5,40 |
| 1.1 | Trung tâm dịch vụ hàng hải logistics | 797,5m ² | 8,00 | 2,00 | 6,00 | 01/2023 | 12/2024 | 0 |
| 1.2 | San lấp nền bãi dự án PVOIL | 2ha | 18,00 | 18,00 | 0,00 | 05/2023 | 12/2023 | 5,40 |
| 2 | Mua sắm thiết bị | | 1,00 | 1,00 | 0,00 | | | 1,00 |
| 2.1 | Công cụ - dụng cụ xếp dỡ | Công cụ các loại | 1,00 | 1,00 | 0,00 | 03/2023 | 12/2023 | 1,00 |
| | Tổng cộng | | 87,00 | 46,40 | 40,60 | | | 34,40 |

Số:/NQ-CCR.ĐHĐCĐ

Cam Ranh, ngày tháng 04 năm 2023

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành có hiệu lực;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành có hiệu lực;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP, ngày 21/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC, ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15, ngày 11/01/2022 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh số:/BB-CCR.ĐHĐCĐ, ngày tháng 04 năm 2023,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh thống nhất thông qua các nội dung cụ thể như sau:

1. Thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2022 và kế hoạch kinh doanh năm 2023 (*Báo cáo đính kèm*)

2. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 (*Báo cáo đính kèm*);

3. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 (*Báo cáo đính kèm*);

4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán (*Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được Công bố thông tin và đăng tải tại website công ty: www.camranhport.vn*)

5. Thông qua kết quả kinh doanh và đầu tư năm 2022 với các số liệu như sau:

| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2022 |
|--|------------|-----------------|
| 1- Sản lượng hàng khai thác qua cảng | Tấn | 2.283.430 |
| 2- Tổng doanh thu và thu nhập hợp nhất | Đồng | 152.841.653.410 |
| Tổng doanh thu và thu nhập công ty mẹ | Đồng | 147.636.635.593 |
| 3- Tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất | Đồng | 18.786.490.553 |
| Tổng lợi nhuận trước thuế công ty mẹ | Đồng | 18.016.289.262 |
| 4- Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN hợp nhất | Đồng | 14.907.425.300 |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN Công ty mẹ | Đồng | 14.428.918.388 |
| 5- Kết quả thực hiện đầu tư | Triệu đồng | 27.080 |

(*Bảng chi tiết kết quả thực hiện các hạng mục đầu tư năm 2022 đính kèm*)

6. Phê duyệt Phương án Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ doanh nghiệp và mức cổ tức năm 2022 như sau:

| Nội dung | Tỷ lệ (%) | Số tiền (Triệu đồng) |
|---|-----------|----------------------|
| 1. Lợi nhuận trước thuế 2022 | | 18.016 |
| 2. Thuế TNDN phải nộp | 20% | 3.587 |
| 3. Lợi nhuận sau thuế (3 = 1 - 2) | | 14.429 |
| 4. Trích lập quỹ doanh nghiệp (4=4.1+4.2+4.3+4.4) | 16,1 | 2.334 |
| 4.1. Quỹ khen thưởng | 5% | 721 |
| 4.2. Quỹ phúc lợi | 10,2% | 1.475 |
| 4.3. Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành | 0,9% | 138 |
| 5. Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối các quỹ (5 = 3 -4) | | 12.095 |
| 6. Lợi nhuận sau thuế các năm trước để lại chưa chia | | 1.355 |
| 7. Tổng cộng số tiền chia cổ tức (7=5+6) | | 13.449 |
| 8. Cổ phiếu được chia cổ tức (8=8.1-8.2) | | 244.536 |
| 8.1. Vốn điều lệ | | 245.018 |
| 8.2. Cổ phiếu quỹ (không chia cổ tức) | | (482) |
| 9. Lợi nhuận sau thuế đề xuất chia cổ tức năm 2022 (9=8*5,5%) | 5,5% | 13.449 |
| 10. Lợi nhuận sau thuế để lại chưa phân phối (10=5+6-7) | | 0 |

Ghi chú:

Vốn điều lệ: 245.018.170.000 đồng;

Trừ cổ phiếu quỹ (không chia cổ tức): 482.000.000 đồng;

Cổ phiếu được chia cổ tức: 244.536.170.000 đồng.

Cổ tức thực chia: $244.536.170.000 \text{ đồng} \times 5,5\% = 13.449.489.000 \text{ đồng}$

6.1. Hình thức chi trả cổ tức năm 2022: bằng tiền.

6.2. Thời gian thực hiện chi trả cổ tức: Giao cho Hội đồng quản trị quyết định ngày chốt danh sách chi trả và ngày thực hiện chi trả cổ tức theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

7. Phê duyệt Kế hoạch kinh doanh năm 2023 với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

| Chỉ tiêu | ĐVT | KH 2023 |
|----------------------------------|------------|-----------|
| 1- Sản lượng hàng qua cảng | Tấn | 2.600.000 |
| trong đó sản lượng Container | TEU | 1.500 |
| 2- Doanh thu và thu nhập | | |
| Doanh thu và thu nhập công ty mẹ | Triệu đồng | 160.000 |
| Doanh thu và thu nhập hợp nhất | Triệu đồng | 165.000 |
| 3- Lợi nhuận trước thuế | | |
| Lợi nhuận trước thuế công ty mẹ | Triệu đồng | 23.000 |
| Lợi nhuận trước thuế hợp nhất | Triệu đồng | 23.500 |
| 4- Cổ tức chi trả | % | 6% |
| 5- Đầu tư | Triệu đồng | 34.400 |

Đính kèm: Kế hoạch kinh doanh, đầu tư, sửa chữa chi tiết năm 2023

8. Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2022, cụ thể như sau:

8.1. Tổng quỹ tiền lương thực hiện năm 2022 của CTHĐQT chuyên trách là: 398.400.000 đồng

8.2. Tổng quỹ thù lao đã chi trả cho TVHĐQT, BKS không chuyên trách trong năm 2022 là: 396.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi sáu triệu đồng). Trong đó:

+ Tổng mức thù lao đã chi cho TVHĐQT không chuyên trách là: 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng)

+ Tổng mức thù lao đã chi cho BKS không chuyên trách là: 156.000.000 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu đồng).

9. Thông qua quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2023 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, cụ thể như sau:

9.1. Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2023 của Chủ tịch HĐQT chuyên trách: 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

9.2. Quỹ thù lao kế hoạch năm 2023 của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không chuyên trách là 396.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi sáu triệu đồng). Trong đó:

a. Thành viên Hội đồng quản trị /Thành viên HĐQT độc lập: 5.000.000

đồng/người/tháng (*Năm triệu đồng/ người/ tháng*).

b. Trưởng Ban kiểm soát: 5.000.000 đồng/người/tháng (*Năm triệu đồng/ người/ tháng*).

c. Thành viên Ban kiểm soát: 4.000.000 đồng/người/tháng (*Bốn triệu đồng/ người/ tháng*).

10. Thông qua tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán, danh sách các công ty kiểm toán và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán để thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đảm bảo chất lượng, hiệu quả, chi phí hợp lý và tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, với các nội dung cụ thể như sau:

a. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, thương hiệu, được nhiều công ty đại chúng tin cậy, có đội ngũ kiểm toán viên trình độ cao và nhiều kinh nghiệm.

- Là đơn vị hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, thuộc danh sách các Công ty kiểm toán có đủ tiêu chuẩn do Bộ Tài chính công bố hàng năm.

- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, chất lượng, tiến độ kiểm toán của Công ty. Lựa chọn đơn vị kiểm toán hàng đầu trong danh sách các Công ty kiểm toán đủ tiêu chuẩn do Bộ Tài chính công bố hàng năm để thực hiện kiểm toán và soát xét các Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.

b. Danh sách các Công ty kiểm toán đề xuất:

- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;

- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;

- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

11. Thông qua những điểm sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh theo yêu cầu của Hội đồng quản trị tại tờ trình số...../TTr-CCR.HĐQT, ngày.../04/2023 và thông qua toàn văn Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh (sửa đổi, bổ sung lần 7) (*toàn văn Điều lệ đính kèm*);

12. Thông qua những điểm sửa đổi bổ sung của Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh theo yêu cầu của Hội đồng quản trị tại tờ trình số...../TTr-CCR.HĐQT, ngày.../04/2023 và thông qua toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh (sửa đổi, bổ sung) (*toàn văn Quy chế đính kèm*);

13. Thông qua những điểm sửa đổi bổ sung của Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh theo yêu cầu của Hội đồng quản trị tại tờ trình số...../TTr-CCR.HĐQT, ngày.../04/2023 và thông qua toàn văn Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh (sửa đổi, bổ sung) (*toàn văn Quy chế đính kèm*);

14. Thống nhất miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh, nhiệm kỳ 2020-2025 đối với ông/bà

15. Thông qua kết quả bầu bổ sung 1 thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh, nhiệm kỳ 2020-2025 đối với ông/bà..... Thời hạn giữ chức danh của thành viên Hội đồng quản trị là thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2020-2025 kể từ ngày ra Nghị quyết này.

Điều 2. Giao cho Hội đồng quản trị căn cứ các mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh nhất trí thông qua toàn văn với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100% trên tổng số phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21/04/2023

Các ông (bà): Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty,
- Các TV HĐQT;BKS,
- Ban Điều hành;
- Lưu: VT, NPTQTCT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

**Phạm Hữu Tấn
CHỦ TỊCH HĐQT**

BẢNG CHI TIẾT KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ NĂM 2022
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-CCR.DHĐCD, ngày 21/04/2023)

| TT | Tên dự án/công trình | Tổng mức đầu tư (tỷ đồng) | KH thực hiện năm 2022 (tỷ đồng) | Kết quả thực hiện năm 2022 | | % hoàn thành KH năm |
|-----------|--|---------------------------|---------------------------------|----------------------------|-------------------|---------------------|
| | | | | Khối lượng (%) | Giá trị (tỷ đồng) | |
| I | DA chuyển tiếp từ năm 2021 | 100.95 | 42.05 | | 26.15 | 62% |
| 1 | Đầu tư XDCB | 64.50 | 15.10 | | 6.16 | 41% |
| 1.1 | Dự án nâng cao năng lực khai thác cầu cảng Ba Ngòi (giai đoạn chuẩn bị đầu tư) | 58.00 | 10.60 | 2% | 0.96 | |
| 1.2 | Thảm nhựa đường trục chính T1 – 736m | 6.50 | 4.50 | 100% | 5.20 | |
| 2 | Mua sắm thiết bị | 36.45 | 26.95 | | 19.99 | 74% |
| 2.1 | Cầu di động sức nâng 180T | 20.00 | 15.00 | 85% | 17.00 | |
| 2.2 | Băng tải làm hàng rời | 14.50 | 10.50 | 0% | 0.00 | |
| 2.3 | Trạm cân điện tử 80T | 1.00 | 0.70 | 100% | 0.82 | |
| 2.4 | Xe nâng hàng 12T | 0.95 | 0.75 | 54% | 0.51 | |
| 2.5 | Nâng cấp cầu GW | | | 100% | 1.66 | |
| II | Dự án khởi công năm 2022 | 7.00 | 7.00 | | 0.93 | 13% |
| 1 | Đầu tư XDCB | 5.00 | 5.00 | | 0.00 | 0% |
| 1.1 | Nâng cấp/bê tông nền bãi 3.000m ² | 5.00 | 5.00 | | 0.00 | |
| 2 | Mua sắm thiết bị | 2.00 | 2.00 | | 0.93 | 47% |
| 2.1 | Nâng cấp hệ thống thiết bị họp truyền hình trực tuyến | | | | 0.58 | |
| 2.2 | Hệ thống thiết bị và ứng dụng kiểm soát phương tiện | 2.00 | 2.00 | 100% | 0.15 | |
| 2.3 | Hoán cải tàu TLA05 | 0.30 | 0.30 | 100% | 0.20 | |
| | Tổng cộng | 107.95 | 49.05 | | 27.08 | 55% |

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-CCR.ĐHĐCĐ, ngày 21/04/2023)

| Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện 2022 | | Kế hoạch 2023 | | So sánh KH 2023 với TH 2022 | | | |
|---|------|------------------|------------------|------------------|------------------|-----------------------------|---------------|----------------|---------------|
| | | | | | | Công ty mẹ CCR | | Hợp nhất | |
| | | Công ty mẹ CCR | Hợp nhất | Công ty mẹ CCR | Hợp nhất | Số tăng/giảm | % | Số tăng/giảm | % |
| I. Sản lượng hàng thông qua | | 2.283.430 | 2.283.430 | 2.600.000 | 2.600.000 | 316.570 | 113,9% | 316.570 | 113,9% |
| 1. Sản lượng hàng container | Teu | 0 | 0 | 1.500 | 1.500 | 1.500 | | 1.500 | |
| 2. Sản lượng hàng ngoài container | Tấn | 2.283.430 | 2.283.430 | 2.598.500 | 2.598.500 | 315.070 | 113,8% | 315.070 | 113,8% |
| II. Tổng doanh thu | Tr.đ | 147.636 | 152.841 | 160.000 | 165.000 | 12.364 | 108,4% | 12.159 | 108,0% |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | Tr.đ | 146.364 | 151.878 | 159.250 | 164.300 | 12.886 | 108,8% | 12.422 | 108,2% |
| 2. Doanh thu hoạt động tài chính | Tr.đ | 1.235 | 926 | 650 | 600 | (585) | 52,6% | (326) | 64,8% |
| - Lãi tiền gửi ngân hàng | Tr.đ | 338 | 479 | 300 | 400 | (38) | 88,8% | (79) | 83,5% |
| - Cổ tức, lợi nhuận được chia | Tr.đ | 897 | 447 | 350 | 200 | (547) | 39,0% | (247) | 44,7% |
| 3. Thu nhập hoạt động khác | Tr.đ | 37 | 37 | 100 | 100 | 63 | 270,3% | 63 | 270,3% |
| III. Tổng chi phí | Tr.đ | 129.620 | 134.055 | 137.000 | 141.500 | 7.380 | 105,7% | 7.445 | 105,6% |
| 1. Chi phí hoạt động kinh doanh | Tr.đ | 129.614 | 134.033 | 136.220 | 140.720 | 6.606 | 105,1% | 6.687 | 105,0% |
| 1.1- Giá vốn hàng bán | Tr.đ | 108.860 | 111.715 | 114.800 | 117.900 | 5.940 | 105,5% | 6.185 | 105,5% |
| 1.2- Chi phí quản lý doanh nghiệp | Tr.đ | 20.754 | 22.318 | 21.420 | 22.820 | 666 | 103,2% | 502 | 102,2% |

| Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện 2022 | | Kế hoạch 2023 | | So sánh KH 2023 với TH 2022 | | | |
|---|---------|----------------|---------------|----------------|---------------|-----------------------------|----------------|--------------|---------------|
| | | Công ty mẹ CCR | Hợp nhất | Công ty mẹ CCR | Hợp nhất | Công ty mẹ CCR | | Hợp nhất | |
| | | | | | | Số tăng/giảm | % | Số tăng/giảm | % |
| 2. Chi phí hoạt động tài chính | Tr.đ | 0 | 0 | 700 | 700 | 700 | | 700 | |
| 2.1 - Chi phí lãi vay | Tr.đ | 0 | 0 | 700 | 700 | 700 | | 700 | |
| 2.2- Chi phí tài chính khác | Tr.đ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | 0 | |
| 3. Chi phí hoạt động khác | Tr.đ | 6 | 22 | 80 | 80 | 74 | 1333,3% | 58 | 363,6% |
| IV. EBITDA | Tr.đ | 36.895 | 38.541 | 43.700 | 45.100 | 6.805 | 118,4% | 6.559 | 117,0% |
| V. LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (III-IV) | Tr.đ | 18.016 | 18.786 | 23.000 | 23.500 | 4.984 | 127,7% | 4.714 | 125,1% |
| VI. CHỈ TIÊU LĐ-TL | | | | | | | | | |
| 1. Lao động bình quân | người | 187,75 | 208,75 | 190 | 212 | 2,25 | 101,2% | 3,3 | 101,6% |
| 2. Tổng quỹ lương năm 2022 | Tr.đ | 22.400 | 25.445 | 32.000 | 34.880 | 9.600 | 143% | 9.435 | 137,1% |
| 3. Quỹ lương dự phòng năm 2021 mang sang năm 2022 | Tr.đ | 3.526 | 3.526 | | | | | | |
| 4. Lương bình quân NLĐ/tháng | Tr.đ/ng | 11,5 | 11,6 | 14 | 14 | 2,49 | 122% | 2,4 | 121,1% |

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-CCR.ĐHĐCĐ, ngày 21/04/2023)

| TT | Tên dự án | Quy mô/Mô tả dự án | Tổng mức đầu tư (tỷ đồng) | Nguồn vốn (tỷ đồng) | | Tiến độ thực hiện | | Kế hoạch năm 2023 |
|-----------|--|---|---------------------------|---------------------|--------------|-------------------|------------|-------------------|
| | | | | Tự có/huy động | Vay | Khởi công | Hoàn thành | Giá trị (tỷ đồng) |
| I | DA chuyển tiếp từ năm 2022 | | 68,00 | 27,40 | 40,60 | | | 28,00 |
| 1 | Đầu tư XDCB | | 63,00 | 22,40 | 40,60 | | | 24,00 |
| 1.1 | Dự án nâng cao năng lực khai thác cầu cảng- cảng Ba Ngòi | Nâng cấp bến 1 lên 50.000 DWT giảm tải và bến 2 lên 70.000 DWT giảm tải | 58,00 | 17,40 | 40,60 | 07/2021 | 06/2024 | 19,00 |
| 1.2 | Nâng cấp/bê tông nền bãi | 3.000m ² | 5,00 | 5,00 | 0,00 | 6/2023 | 12/2023 | 5,00 |
| 2 | Mua sắm thiết bị | | 5,00 | 5,00 | 0,00 | | | 4,00 |
| 2.1 | Băng tải trung gian làm hàng rời | 03 băng trung gian | 3,00 | 3,00 | 0,00 | 12/2022 | 10/2023 | 3,00 |
| 2.2 | Công cụ thiết bị phục vụ chuyển đổi số | Hệ thống | 2,00 | 2,00 | 0,00 | 10/2021 | 04/2022 | 1,00 |
| II | DA khởi công năm 2023 | | 19,00 | 19,00 | 0,00 | | | 6,40 |
| 1 | Đầu tư XDCB | | 18,00 | 18,00 | 0,00 | | | 5,40 |
| 1.1 | Trung tâm dịch vụ hàng hải logistics | 797,5m ² | 8,00 | 2,00 | 6,00 | 01/2023 | 12/2024 | 0 |

| TT | Tên dự án | Quy mô/Mô tả dự án | Tổng mức đầu tư (tỷ đồng) | Nguồn vốn (tỷ đồng) | | Tiến độ thực hiện | | Kế hoạch năm 2023 |
|----------|-----------------------------|--------------------|---------------------------|---------------------|--------------|-------------------|------------|-------------------|
| | | | | Tự có/huy động | Vay | Khởi công | Hoàn thành | Giá trị (tỷ đồng) |
| 1.2 | San lấp nền bãi dự án PVOIL | 2ha | 18,00 | 18,00 | 0,00 | 05/2023 | 12/2023 | 5,40 |
| 2 | Mua sắm thiết bị | | 1,00 | 1,00 | 0,00 | | | 1,00 |
| 2.1 | Công cụ - dụng cụ xếp dỡ | Công cụ các loại | 1,00 | 1,00 | 0,00 | 03/2023 | 12/2023 | 1,00 |
| | Tổng cộng | | 87,00 | 46,40 | 40,60 | | | 34,40 |

KẾ HOẠCH CHI PHÍ SỬA CHỮA NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-CCR.DHĐCĐ, ngày 21/04/2023)

| TT | Nội dung | ĐVT | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng) |
|----|---|----------------|----------|----------------|----------------------|
| 1 | Sửa chữa hệ thống kho, bãi | m ² | 4.000 | 250.000 | 1.000.000.000 |
| 2 | Sửa chữa duy tu cầu bến | | | | 1.700.000.000 |
| | <i>Bến số 1</i> | Bến | 1 | 500.000.000 | 500.000.000 |
| | <i>Bến số 2</i> | Bến | 1 | 400.000.000 | 400.000.000 |
| | <i>Cầu dẫn</i> | Bến | 1 | 500.000.000 | 500.000.000 |
| | <i>Kiểm định thông báo hàng hải định kỳ các khu nước trước bến (3 năm/lần)</i> | Bến | 1 | 300.000.000 | 300.000.000 |
| 3 | Sửa chữa thiết bị và công cụ sản xuất | | | | 1.200.000.000 |
| | Sửa chữa tàu CR04 trên đà và tàu TLA | Luợt | 1 | 800.000.000 | 800.000.000 |
| | Cầu và phương tiện, thiết bị xếp dỡ | Luợt | 1 | 300.000.000 | 300.000.000 |
| | Công cụ làm hàng | Luợt | 10 | 10.000.000 | 100.000.000 |
| 4 | Sửa chữa nhà cửa văn phòng/trang thiết bị quản lý (xe con, thiết bị văn phòng, ...) | Luợt | 10 | 50.000.000 | 500.000.000 |
| 5 | Sửa chữa hệ thống đường nội bộ cầu cảng | Luợt | 1 | 400.000.000 | 400.000.000 |
| 6 | Sửa chữa hệ thống điện nước | Luợt | 10 | 40.000.000 | 400.000.000 |
| | Tổng cộng | | | | 5.200.000.000 |



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Địa chỉ: 29 Nguyễn Trọng Kỳ, p.Cam Linh, tp. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa
Điện thoại: 0258.3854307 Fax: 0258.3854536 Email: mail@camranhport.vn

**PHIẾU XÁC NHẬN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH**

Tên cổ đông:Mã cổ đông

Số CMND/ĐKKD: cấp ngày:...../...../..... tại:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:

Là chủ sở hữu: cổ phần của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh
(*Bằng chữ: cổ phần*)

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông, Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

Xin xác nhận về việc tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh được tổ chức vào ngày 21/4/2023, như sau:

- : **Có tham dự**
- : **Không tham dự**
- : **Không tham dự, Ủy quyền cho người khác tham dự**
(*có giấy ủy quyền kèm theo*)

....., ngày tháng năm 2023

CỔ ĐÔNG

(*Ký, ghi rõ họ tên*)

Ghi chú: Quý cổ đông vui lòng đánh dấu tích [X] vào 1 trong 3 ô trên và gửi Phiếu này đến Ban tổ chức Đại hội –Địa chỉ: Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh - Số 29 đường Nguyễn Trọng Kỳ, P.Cam Linh, Tp.Cam Ranh ,Khánh Hòa, hoặc Fax: 0258.3854536, trước **16h00** ngày **14/4/2023**.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Kính gửi : Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023
Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh

1. Bên ủy quyền:

Ông/Bà:

CMND số : cấp ngày : tại :

Địa chỉ :

Điện thoại : Fax:

Mã số cổ đông:.....

Hiện đang sở hữu :..... cổ phần của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh.

(Bằng chữ :cổ phần

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông, Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần)

2. Bên được ủy quyền:

Ông/Bà :

CMND số : cấp ngày : tại :

Địa chỉ :

Điện thoại :

3. Nội dung ủy quyền:

Bên được ủy quyền được quyền đại diện thay mặt cho **Bên ủy quyền** thực hiện việc tham dự **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh** được tổ chức ngày **21/4/2023** và thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.

4. Cam kết

- Hai bên cam kết sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về mọi thông tin ủy quyền ở trên.

- Mọi tranh chấp phát sinh giữa bên ủy quyền và bên được ủy quyền sẽ do hai bên tự giải quyết.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt hiệu lực kể từ ngày công việc ủy quyền được hoàn tất.

....., ngày tháng..... năm 2023

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên)

BÊN ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Quý cổ đông tải mẫu Giấy ủy quyền tại Website công ty: www.camranhport.vn

Quý cổ đông vui lòng gửi Giấy ủy quyền (theo mẫu) về cho công ty trước **16h00, ngày 14/4/2023** với một trong các hình thức: (1) gửi trực tiếp tại Văn phòng Công ty; (2) gửi qua bưu điện; (3) gửi fax theo số 0258.3854536; (4) gửi email: mail@camranhport.vn (Trường hợp gửi theo hình thức (3) và (4), khi đi tham dự Đại hội, người được ủy quyền vui lòng mang theo Giấy ủy quyền bản chính để nộp về cho BTC Đại hội).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Kính gửi : Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh

1. Bên ủy quyền:

Tên tổ chức:

Giấy ĐKKD số : cấp ngày : tại :

Địa chỉ :

Điện thoại :Fax:

Đại diện theo pháp luật là Ông/Bà: Chức vụ:.....

Mã số cổ đông:.....

Hiện đang sở hữu :..... cổ phần của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh.

(Bằng chữ :cổ phần

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông, Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần)

2. Bên được ủy quyền:

Ông/Bà :

CMND số : cấp ngày : tại :

Địa chỉ :

Điện thoại :

3. Nội dung ủy quyền:

Bên được ủy quyền được quyền đại diện thay mặt cho **Bên ủy quyền** thực hiện việc tham dự **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023** của Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh được tổ chức ngày **21/4/2023** và thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.

4. Cam kết

- Hai bên cam kết sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về mọi thông tin ủy quyền ở trên.
- Mọi tranh chấp phát sinh giữa bên ủy quyền và bên được ủy quyền sẽ do hai bên tự giải quyết.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt hiệu lực kể từ ngày công việc ủy quyền được hoàn tất.

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng..... năm 2023
BÊN ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Quý cổ đông tải mẫu Giấy ủy quyền tại Website công ty: www.camranhport.vn

Quý cổ đông vui lòng gửi Giấy ủy quyền (theo mẫu) về cho công ty trước **16h00, ngày 14/4/2023** với một trong các hình thức: (1) gửi trực tiếp tại Văn phòng Công ty; (2) gửi qua bưu điện; (3) gửi fax theo số 0258.3854536; (4) gửi email: mail@camranhport.vn (Trường hợp gửi theo hình thức (3) và (4), khi đi tham dự Đại hội, người được ủy quyền vui lòng mang theo Giấy ủy quyền bản chính để nộp về cho BTC Đại hội).



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Địa chỉ: 29 Nguyễn Trọng Kỳ, p. Cam Linh, tp. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại: 0258.3854307 Fax: 0258.3854536 Email: mail@camranhport.vn

**PHIẾU LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH**

1- Thông tin cổ đông:

Họ và tên :

Số cổ phần biểu quyết:

Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD:

Địa chỉ:

Số điện thoại liên hệ:

2- Phần lấy ý kiến và đặt câu hỏi (nếu có)

a- Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông:

.....
.....

b- Các nội dung thuộc chương trình cần biểu quyết/thông qua tại Đại hội:

.....
.....

c- Những nội dung khác:

.....
.....
.....

....., ngày tháng năm 2023

CỔ ĐÔNG

(Ký, ghi họ tên)

Ghi chú: Quý cổ đông vui lòng gửi trực tiếp/ đường bưu điện/ fax/email Phiếu lấy ý kiến này đến Ban tổ chức Đại hội trước 16h00 ngày 14 tháng 4 năm 2023 tại địa chỉ: Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh- số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, P. Cam Linh, Tp. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa - Fax: 0258.3854536 - Email: mail@camranhport.vn